

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

...../.....

BỘ NỘI VỤ

...../.....

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

HUỲNH QUỐC BẢO

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG CÁC KHU
CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐẮK NÔNG TỪ THỰC TIỄN
KCN TÂM THẮNG, HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK
NÔNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ CÔNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

...../.....

BỘ NỘI VỤ

...../.....

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

HUỲNH QUỐC BẢO

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG CÁC KHU
CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐẮK NÔNG TỪ THỰC TIỄN
KCN TÂM THẮNG, HUYỆN CUJUT, TỈNH ĐẮK
NÔNG**

LUẬN VĂN THẠC SỸ QUẢN LÝ CÔNG

Chuyên ngành: Quản lý

công Mã số: 8 34 04 03

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. TẠ VĂN VIỆT

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi và chưa được công bố ở bất kỳ công trình nào. Những số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn này là trung thực, khách quan. Số liệu được thu thập từ các cơ quan chuyên môn thuộc KCN Tâm Thắng huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông, có dẫn chứng nguồn gốc rõ ràng và đảm bảo về bản quyền tác giả theo quy định

Tác giả luận văn

Huỳnh Quốc Bảo

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn này, tôi đã phải trải qua quá trình học tập, nghiên cứu, trao đổi với giảng viên, từ đó đúc kết được lý luận, áp dụng vào thực tiễn.

Để làm được những điều đó tôi luôn nhận được sự truyền đạt tận tình của Quý Thầy, Cô giảng viên Học viện Hành chính Quốc gia, các cơ quan khác có liên quan và bạn học viên trong lớp.

Tôi xin lời chân thành cảm ơn đến Thầy giáo hướng dẫn TS. Tạ Văn Việt giảng viên Học viện Hành chính Quốc gia đã tận tình hướng dẫn.

Tôi cũng xin bày tỏ sự biết ơn đến lãnh đạo Công ty Phát triển hạ tầng KCN Tâm Thắng, các đồng nghiệp, các phòng, ban, đã tạo điều kiện giúp đỡ để tôi thực hiện và hoàn thành luận văn này. Mặc dù bản thân đã hết sức nỗ lực, cố gắng để hoàn thành tốt Luận văn, nhưng không thể tránh khỏi những thiếu sót, khiếm khuyết. Do đó tôi rất mong nhận được sự góp ý chân thành của quý thầy (cô) bạn bè để luận văn này được hoàn thiện hơn!

Người cảm ơn

Huỳnh Quốc Bảo

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH ẢNH, SƠ

ĐỒ

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

MỞ ĐẦU..... 1

1. Tính cấp thiết đề tài..... 1

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu..... 3

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu..... 3

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu..... 4

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn..... 4

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn..... 5

7. Kết cấu của luận văn..... 5

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ THỰC TIỄN VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ QUẢN LÝ

NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG KHU CÔNG NGHIỆP..... 6

1.1. Khái niệm cơ bản về môi trường Khu công nghiệp..... 6

1.2. Quản lý nhà nước về môi trường đối với Khu Công Nghiệp..... 14

1.3. Yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về môi trường Khu công nghiệp..... 35

1.4. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về môi trường Khu công nghiệp..... 40

Tiểu kết chương 1..... 43

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG

TẠI KHU CÔNG NGHIỆP TÂM THẮNG HUYỆN CƯ JUT, TỈNH ĐẮK

NÔNG..... 44

2.1. Tổng quan về Khu công nghiệp Tâm Thắng huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông..... 44

2.2. Thực trạng quản lý Nhà nước về môi trường tại Khu công nghiệp Tâm Thắng huyện Cư Jut..... 57

2. 2. Đánh giá quản lý nhà nước về môi trường Khu Công Nghiệp Tâm Thắng	82
Tiểu kết chương 2.....	88
CHƯƠNG 3.PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ	
NHÀ NƯỚC VỀ CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KHU CÔNG NGHIỆP.....	89
3.1. Quan điểm, định hướng phát triển Khu Công Nghiệp Tâm Thắng.....	89
3.2. Giải pháp nâng cao quản lý nhà nước nhằm cải thiện môi trường ở Khu Công Nghiệp Tâm Thắng.....	95
3.3. Các kiến nghị.....	101
Tiểu kết chương 3.....	107
KẾT LUẬN.....	108

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1 Cơ cấu diện tích đất cho các phân khu chức năng của

Khu công nghiệp Tâm Thắng

Bảng 2.2. Bảng tổng hợp các cơ sở sản xuất trong KCN

Bảng 2.3. Các doanh nghiệp có phát sinh và xử lý khí thải trong KCN

Bảng 2.4. Các loại chất thải được phát sinh

Bảng 2.5: Tổng hợp số cơ sở bị thanh tra kiểm tra

DANH MỤC HÌNH ẢNH, SƠ ĐỒ

Hình ảnh:

Hình 2.1: Bản đồ hành chính tỉnh Đắk Nông

Hình 2.2: Phân cụm Công nghiệp theo loại hình công nghiệp.

Sơ đồ:

Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý môi trường tại KCN Tâm Thắng
tỉnh Đắk Nông

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ thu gom nước thải

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ thu gom nước mưa

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BQL KCN	Ban quản lý Khu công nghiệp
BTNMT	Bộ tài nguyên môi trường
CNH - HDH	Công nghiệp hóa hiện đại hóa
CTRSX	Chất thải rắn sản xuất
CTSH	Chất thải sinh hoạt
CTNH	Chất thải nguy hại
CKBVMT	Cam kết bảo vệ môi trường
DTM	Đánh giá tác động môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân
HTXLNTTT	Hệ thống xử lý nước thải tập trung
KCN	Khu công nghiệp
KKT	Khu kinh tế
QHXD KCN	Quy hoạch xây dựng Khu công nghiệp
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TN&MT	Tài nguyên và môi trường

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết đề tài

Trong những năm gần đây quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam nói chung và Đắk Nông nói riêng đang diễn ra mạnh mẽ và thu được những thành tựu quan trọng góp phần rất lớn vào sự phát triển chung của Đắk Nông và của cả nước. Trong đó quá trình huyện Cư Jut tỉnh Đắk Nông đã có sự vươn lên nhất định.

Thu hút đầu tư quan trọng đối với sự phát triển của một quốc gia, vùng lãnh thổ hay một địa phương, đặc biệt đối với địa phương có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn, nền kinh tế chậm phát triển, nguồn lực hạn hẹp như tỉnh Đắk Nông thì thu hút đầu tư có hiệu quả sẽ tác động thúc đẩy nền kinh tế phát triển, từ đó góp phần giải quyết việc làm, giảm nghèo và bảo vệ an sinh xã hội.

Để thu hút đầu tư thì môi trường đầu tư là một nhân tố, là nền tảng rất quan trọng để các nhà đầu tư lựa chọn địa điểm và quyết định đầu tư. Tỉnh Đắk Lắk đã có quyết định thành lập KCN Tâm Thắng nay thuộc tỉnh Đắk Nông để thu hút các nhà đầu tư mang lại hiệu quả cao để phát triển KT-XH, nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương, cũng như phát triển KCN để tạo tính hấp dẫn của môi trường đầu tư đối với nhà đầu tư khác nhau.

Năng lực quản lý nhà nước đối với môi trường ở Việt Nam còn nhiều hạn chế. Hiện trạng về công tác quản lý môi trường đang có nhiều vấn đề chưa đáp ứng được yêu cầu của quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Hệ thống tổ chức quản lý nhà nước và môi trường còn nhiều bất cập về nhân lực, nguồn lực, trang thiết bị kỹ thuật. Cơ chế phối hợp giữa các bộ ban ngành chưa hiệu quả, đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường còn quá ít và thiếu tập trung, hệ thống các chính sách công cụ kinh tế trong quản lý môi trường còn ít được áp dụng. Các chương trình nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường của công dân và doanh nghiệp chưa phát huy được vai trò của đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội cũng như phong trào quần chúng tham gia công tác bảo vệ môi trường.

Công nghiệp hóa, tăng trưởng kinh tế, tự do hóa mại và bảo vệ môi trường có mối quan hệ tương tác lẫn nhau. Công nghiệp hóa và tự do hóa thương mại thúc đẩy và tạo điều kiện cho công tác bảo vệ môi trường tốt hơn những cũng làm phát sinh những vấn đề về môi trường KCN cần giải quyết.

Công nghiệp hóa đòi hỏi đẩy mạnh quá trình đầu tư, thành lập các KCN cụm KCN trên cả nước. Với những dự án sản xuất lớn có những dây chuyền công nghệ, thiết bị chưa sản xuất được hoặc sản xuất không đủ. Việt Nam phải nhập khẩu từ nước ngoài. Việc nhập khẩu các dây chuyền công nghệ thiết bị cũ có thể là nguyên nhân gây ảnh hưởng xấu tới môi trường. Đây là thách thức lớn đối với KCN có các dự án đầu tư công nghệ cao.

Đắk Nông cũng là một tỉnh mới được tách nhưng cũng là địa phương có các KCN có những dự án lớn như KCN Nhân Cơ, KCN Tâm Thắng để thúc đẩy phát triển KT-XH của tỉnh cũng như địa phương, để thực hiện công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Từ thảm họa môi trường do nhà máy Formosa ở Hà Tĩnh gây ra đã cảnh tỉnh chúng ta phải có phương án ứng phó cũng như đánh giá lại công tác quản lý môi trường, ưu tiên phát triển kinh tế xã hội về mặt dài hạn. Đã đến lúc cần phải bàn luận về những giải pháp để trả lại môi trường và sinh kế cho người dân trong thời gian trước mắt cũng như ngăn chặn những nguy cơ tương tự có thể xảy ra về lâu dài.

Cho đến nay, cả nước có 299 khu công nghiệp, 15 khu kinh tế biển, 12 nhiệt điện than đang vận hành và có thể còn nhiều hơn nữa trong tương lai. Bên cạnh đó là việc thiếu kiểm soát, xử lý những nguồn thải nông nghiệp, sinh hoạt. Hầu hết lượng chất thải của chúng ta lần lượt sẽ được xả ra biển, sông ngòi theo nhiều con đường khác nhau. Nhìn nhận một cách thẳng thắn thì môi trường ven biển của chúng ta đã bị ô nhiễm, đầu độc một cách mãnh liệt trong hàng chục năm qua, song song với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa. Vì thế, nguy cơ xảy ra những sự cố, thảm họa môi trường trong tương lai tương tự như vừa qua hoàn toàn có thật.

Từ những lý do trên, nhằm đánh giá cải thiện về vấn đề môi trường của KCN đã trở thành vấn đề cấp bách của các địa phương có KCN đóng trên địa bàn nói chung và KCN Tâm Thắng Huyện Cư Jut tỉnh Đắk Nông nói riêng. Việc lựa chọn, nghiên cứu và thực hiện Đề tài “Quản lý nhà nước về môi trường từ thực tiễn Khu công nghiệp Tâm Thắng huyện Cư Jut tỉnh Đắk Nông”.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Hiện nay nghiên cứu quản lý nhà nước về môi trường nói chung và quản lý nhà nước về KCN nói riêng đã có nhiều nhà khoa học nhà hoạch định chính sách quan tâm nghiên cứu về vấn đề môi trường ở Việt Nam, có những đề tài có sự tài trợ quốc tế. nhiều hội thảo được tổ chức nhằm đánh giá và đề ra các biện pháp giảm tải ô nhiễm môi trường. Cụ thể một số công trình nghiên cứu như sau:

- Phạm Xuân Trường (2017), *“Quản lý nhà nước về môi trường Khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới, tỉnh Quảng bình”*.

Đề tài trên chú yếu nghiên cứu về phương diện chuyên môn và xử lý kỹ thuật, chứ chưa đi sâu vào công tác quản lý về môi trường, và công tác quản lý nhà nước về môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững.

Đồng thời, cùng với sự phát triển kinh tế-xã hội nhanh chóng, Việt Nam phải đối mặt với hàng loạt thách thức ô nhiễm môi trường chủ yếu từ nông nghiệp, giao thông và sản xuất công nghiệp.

Chính vì vậy, đề tài của tác giả sẽ đi sâu nghiên cứu những vấn đề về môi trường và công tác quản lý nhà nước về môi trường Khu công nghiệp Tâm Thắng huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông. Qua đó, phân tích tác động của môi trường đối với sự phát triển bền vững môi trường Khu công nghiệp, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về môi trường trong giai đoạn hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Đề xuất những giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về môi trường Khu công nghiệp Tâm Thắng.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý nhà nước môi trường về môi trường KCN phát triển bền vững.

- Đánh giá, phân tích thực trạng môi trường tại KCN Tâm Thắng và quản lý nhà nước về môi trường của KCN

- Đề xuất giải pháp phương hướng hoàn thiện để nâng cao công tác QLNN về môi trường KCN Tâm Thắng huyện Cư Jut tỉnh Đắk Nông

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Quản lý nhà nước về môi trường tại Khu công nghiệp Tâm Thắng

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Trên địa bàn huyện Cư Jut tỉnh Đắk Nông.

4.3. Thời gian nghiên cứu

Khu Công Nghiệp Tâm Thắng giai đoạn năm 2017-2021.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn

5.1. Phương pháp luận

Đề tài được nghiên cứu dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lê nin, các lý thuyết môi trường và QLNN về môi trường, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, đồng thời kế thừa các kết quả nghiên cứu có liên quan đến vấn đề môi trường

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập thông tin: Có những thông tin thu thập từ sách, báo, internet; các nghiên cứu khoa học được công bố có liên quan đến đề tài mà tác giả nghiên cứu; từ các nguồn thông tin khác liên quan tới quản lý nhà nước về môi trường.

- Phương pháp thống kê: Thống kê của BQL KCN; các số liệu thống kê mới nhất của Sở Tài nguyên và Môi trường và Công ty phát triển hạ tầng KCN Tâm Thắng.

- Phương pháp so sánh: Tác giả tìm hiểu các thông tin sau đó tổng hợp và so sánh giai đoạn trước với giai đoạn sau.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Đề tài hệ thống hóa, đưa ra bức tranh tổng thể và củng cố cơ sở pháp lý luận về môi trường đầu tư Khu Công Nghiệp, góp phần làm rõ cơ sở khoa học quản lý nhà nước về QLNN đối với môi trường Khu Công Nghiệp. Trên cơ sở lý luận, tiến hành phân tích đánh giá sự tác động của môi trường đầu tư của doanh nghiệp đến khả năng thu hút đầu tư, đánh giá thực trạng thực tế các dự án tại Khu Công Nghiệp không ảnh hưởng đến môi trường, và đưa ra giải pháp hoàn thiện QLNN nhằm cải thiện môi trường Khu Công Nghiệp Tâm Thắng huyện Cư Jut tỉnh Đắk Nông.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Trên cơ sở hệ thống lý luận, đánh giá thực trạng, Đề tài đưa ra quan điểm, nghiên cứu làm rõ những yếu tố ảnh hưởng định hướng và giải pháp QLNN nhằm cải thiện mạnh mẽ môi trường Khu công nghiệp phù hợp với điều kiện thực tiễn của huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông.

- Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về môi trường KCN Tâm Thắng
- Phân tích và đề xuất một số giải pháp tiếp tục hoàn thiện QLNN về KCN Tâm Thắng.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài lời mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1. Cơ sở thực tiễn về môi trường và quản lý nhà nước về môi trường Khu Công Nghiệp

Chương 2. Thực trạng quản lý nhà nước về môi trường Khu Công Nghiệp Tâm Thắng huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông.

Chương 3. Phương hướng giải pháp, hoàn thiện quản lý nhà nước về cải thiện môi trường Khu Công Nghiệp Tâm Thắng huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông

CHƯƠNG 1:

CƠ SỞ THỰC TIỄN VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG KHU CÔNG NGHIỆP

1.1. Khái niệm cơ bản về môi trường Khu công nghiệp

1.1.1. Khu công nghiệp

Sự hình thành của KCN: Cách mạng công nghiệp hay còn gọi là Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là cuộc cách mạng trong lĩnh vực sản xuất; là sự thay đổi cơ bản các điều kiện kinh tế xã hội, văn hóa và kỹ thuật, xuất phát từ nước Anh sau đó lan tỏa ra toàn thế giới. Trong thời kỳ này, nền kinh tế giản đơn, quy mô nhỏ, dựa trên lao động chân tay được thay thế bằng công nghiệp và chế tạo máy móc quy mô lớn. Tên gọi “Cách mạng công nghiệp” thường dùng để chỉ giai đoạn thứ nhất của nó diễn ra ở cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19. Giai đoạn hai hay còn gọi là Cách mạng công nghiệp lần thứ hai tiếp tục ngay sau đó từ nửa sau thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20. Ảnh hưởng của nó diễn ra ở Tây Âu và Bắc Mỹ trong suốt thế kỷ 19 và sau đó là toàn thế giới. [25]

Từ những hệ quả của Cách mạng công nghiệp nhiều khu công nghiệp xuất hiện, dân tập trung ra các thành thị ngày một nhiều dẫn tới quá trình đô thị hóa thời cận đại. Nhiều đô thị với dân số trên 1 triệu người dần hình thành. Làm chuyển biến nền sản xuất nhỏ thủ công sang sản xuất lớn bằng máy móc, nâng cao năng suất lao động, làm ra khối lượng sản phẩm lớn cho xã hội.

Đến nay các tổ chức quốc tế, các quốc gia trên thế giới đưa ra nhiều quan niệm khác nhau về KCN

Định nghĩa “KCN là khu vực lãnh thổ rộng lớn, có ranh giới địa lý xác định, trong đó chủ yếu là phát triển các hoạt động sản xuất công nghiệp và có đan xen với nhiều hoạt động dịch vụ đa dạng; có dân cư sinh sống. Ngoài chức năng quản lý kinh tế, bộ máy quản lý các khu này về thực chất là khu hành chính

- kinh tế đặc biệt như các công viên công nghiệp ở Đài loan, Thái Lan và một số nước Tây Âu”

Định nghĩa “KCN là khu vực lãnh thổ có giới hạn nhất định ở đó tập trung các doanh nghiệp công nghiệp và dịch vụ sản xuất công nghiệp, không có dân cư sinh sống và được tổ chức hoạt động theo cơ chế ưu đãi cao hơn so với các khu vực lãnh thổ khác. Theo quan điểm này, ở một số nước và vùng lãnh thổ như Malaysia, Indonesia,... đã hình thành nhiều KCN với quy mô khác nhau và đây cũng là loại hình KCN nước ta đang áp dụng hiện nay”

Theo thuật ngữ tiếng Anh, KCN được dùng là Industrial estates industrial zone, export processing zone hay industrial park. Đây là những khái niệm đã trở nên khá phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Các KCN được thành lập ở nhiều nước nhằm thực hiện mục tiêu thu hút vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý từ bên ngoài và thực hiện đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa đất nước, hướng về xuất khẩu.

Theo từ điển Wikipedia Khu công nghiệp, còn gọi là khu kỹ nghệ là khu vực dành cho phát triển công nghiệp theo một quy hoạch cụ thể nào đó nhằm đảm bảo được sự hài hòa và cân bằng tương đối giữa các mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường. Khu công nghiệp thường được Chính phủ cấp phép đầu tư với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và pháp lý riêng. [25]

Những khu công nghiệp có quy mô nhỏ thường được gọi là cụm công nghiệp.

Theo Khu công nghiệp ở Việt Nam là Khu công nghiệp, còn gọi là khu kỹ nghệ là khu vực dành cho phát triển công nghiệp theo một quy hoạch cụ thể nào đó nhằm đảm bảo được sự hài hòa và cân bằng tương đối giữa các mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường. Khu công nghiệp thường được Chính phủ cấp phép đầu tư với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và pháp lý riêng.

Những khu công nghiệp có quy mô nhỏ thường được gọi là cụm công nghiệp.

Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống, được quy hoạch tại những vùng có điều kiện tự nhiên, xã hội thuận lợi cho hoạt động kinh doanh, trong đó, tập trung các doanh nghiệp chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất hàng công nghiệp

Khu công nghiệp ở Việt Nam là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công

ng nghiệp, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục quy định tại Nghị định 82/2018/NĐ-CP. Đây là khu vực dành cho phát triển công nghiệp theo một quy hoạch cụ thể nào đó nhằm đảm bảo được sự hài hòa và cân bằng tương đối giữa các mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường. Khu công nghiệp được Chính phủ cấp phép đầu tư với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và pháp lý riêng. Những khu công nghiệp có quy mô nhỏ thường được gọi là cụm công nghiệp.

Theo báo cáo của Vụ Quản lý các khu kinh tế (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Tính đến cuối tháng 6 năm 2019, cả nước có 326 KCN được thành lập với tổng diện tích đất tự nhiên đạt xấp xỉ 95,5 nghìn ha, trong đó diện tích đất công nghiệp đạt khoảng 65,6 nghìn ha, chiếm khoảng 68,7%.

Trong 326 KCN được thành lập, có 251 KCN đã đi vào hoạt động với tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 66,2 nghìn ha và 75 KCN đang trong giai đoạn đền bù, giải phóng mặt bằng và xây dựng với tổng diện tích khoảng 29,3 nghìn ha.

Tỷ lệ lấp đầy của các KCN đang hoạt động đạt gần 74% [18]

Theo Nghị định 82/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định thì KCN là:

Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục

Khu công nghiệp gồm nhiều loại hình khác nhau, bao gồm: Khu chế xuất, khu công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp sinh thái (sau đây gọi chung là Khu công nghiệp, trừ trường hợp có quy định riêng đối với từng loại hình).

Khu chế xuất là khu công nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện dịch vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục áp dụng đối với khu công nghiệp.

Khu chế xuất được ngăn cách với khu vực bên ngoài theo các quy định áp dụng đối với khu phi thuế quan quy định tại pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Khu công nghiệp hỗ trợ là khu công nghiệp chuyên sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, thực hiện dịch vụ cho sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Tỷ lệ diện tích đất cho các dự án đầu tư vào ngành nghề công nghiệp hỗ trợ thuê, thuê lại tối thiểu đạt 60% diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê của khu công nghiệp;

Khu công nghiệp sinh thái là khu công nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tham gia vào hoạt động sản xuất sạch hơn và sử dụng hiệu quả tài nguyên, có sự liên kết, hợp tác trong sản xuất để thực hiện hoạt động cộng sinh công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, môi trường, xã hội của các doanh nghiệp. [25]

Theo tác giả, KCN là khu tập trung các doanh nghiệp lớn chuyên sản xuất các mặt hàng công nghiệp và các dịch vụ sản xuất công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống và do Chính phủ thành lập. KCN được thành lập nhằm thúc đẩy kinh tế xã hội tại các giai đoạn phát triển với các đặc điểm về mục tiêu thành lập.

1.1.2. Môi trường

Theo Wikipedia Môi trường là một tổ hợp các yếu tố tự nhiên và xã hội bao quanh bên ngoài của một hệ thống hoặc một cá thể, sự vật nào đó. Chúng tác động lên hệ thống này và xác định xu hướng và tình trạng tồn tại của nó. Môi trường có thể coi là một tập hợp, trong đó hệ thống đang xem xét là một tập hợp con. [25]

Theo Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 năm 2014, mục 1, điều 3:

“Môi trường là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật.”[15]

Môi trường sống của con người theo chức năng được chia thành các loại:

Môi trường tự nhiên bao gồm các nhân tố thiên nhiên như vật lý, hoá học, sinh học, tồn tại ngoài ý muốn của con người, nhưng cũng ít nhiều chịu tác động của con người. Đó là ánh sáng mặt trời, núi sông, biển cả, không khí, động, thực vật, đất, nước...

Môi trường xã hội là tổng thể các quan hệ giữa người với người. Môi trường xã hội định hướng hoạt động của con người theo một khuôn khổ nhất định, tạo nên sức mạnh tập thể thuận lợi cho sự phát triển, làm cho cuộc sống của con người khác với các sinh vật khác.

Ngoài ra, người ta còn phân biệt khái niệm môi trường nhân tạo, bao gồm tất cả các nhân tố do con người tạo nên.

Môi trường theo nghĩa rộng là tất cả các nhân tố tự nhiên và xã hội cần thiết cho sự sinh sống, sản xuất của con người, như tài nguyên thiên nhiên, không khí, đất, nước, ánh sáng, cảnh quan, quan hệ xã hội...

Môi trường theo nghĩa hẹp không xét tới tài nguyên thiên nhiên, mà chỉ bao gồm các nhân tố tự nhiên và xã hội trực tiếp liên quan tới chất lượng cuộc sống con người.

Tóm lại, môi trường là tất cả những gì có xung quanh ta, cho ta cơ sở để sống và phát triển. Gồm các chức năng cơ bản sau:

- Môi trường là không gian sống của con người và các loài sinh vật.
- Môi trường là nơi cung cấp tài nguyên cần thiết cho cuộc sống và hoạt động sản xuất của con người.
- Môi trường là nơi chứa đựng các chất phế thải do con người tạo ra trong cuộc sống và hoạt động sản xuất của chính mình.
- Môi trường là nơi giảm nhẹ các tác động có hại của thiên nhiên tới con người và sinh vật trên trái đất.
- Môi trường là nơi lưu trữ và cung cấp thông tin cho con người.

1.1.3. Ô nhiễm môi trường

Ô nhiễm môi trường là hiện tượng môi trường tự nhiên bị ô nhiễm, đồng thời các tính chất vật lý, hóa học, sinh học của môi trường bị thay đổi gây tác hại tới sức khỏe con người và các sinh vật khác. Ô nhiễm môi trường chủ yếu do hoạt động của con người gây ra. Ngoài ra, ô nhiễm còn do một số hoạt động của tự nhiên khác có tác động tới môi trường.

Ô nhiễm môi trường là sự biến đổi của các thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường và tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật (Khoản 8 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014). [16]

Sự biến đổi các thành phần môi trường có thể bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân trong đó nguyên nhân chủ yếu là do các chất gây ô nhiễm. Các chất gây ô nhiễm được các nhà khoa học định nghĩa là chất hoặc yếu tố vật lý khi xuất hiện trong môi trường thì làm cho môi trường bị ô nhiễm. Thông thường các chất gây ô nhiễm là chất thải, tuy nhiên, chúng còn có thể xuất hiện dưới dạng nguyên liệu, thành phẩm, phế liệu, phế phẩm... và được phân thành các loại sau đây:

Chất gây ô nhiễm tích lũy (chất dẻo, chất thải phóng xạ) và chất ô nhiễm không tích lũy (tiếng ồn);

Chất gây ô nhiễm trong phạm vi địa phương (tiếng ồn), trong phạm vi vùng (mưa axit) và trên phạm vi toàn cầu (chất CFC);

Chất gây ô nhiễm từ nguồn có thể xác định (chất thải từ các cơ sở sản xuất kinh doanh) và chất gây ô nhiễm không xác định được nguồn (hóa chất dùng cho nông nghiệp);

Chất gây ô nhiễm do phát thải liên tục (Chất thải từ các cơ sở sản xuất kinh doanh) và chất gây ô nhiễm do phát thải không liên tục (dầu tràn do sự cố dầu tràn).

Ô nhiễm môi trường làm thay đổi chất lượng và số lượng thành phần môi trường, gây ảnh hưởng xấu cho đời sống của con người và thiên nhiên.

1.1.4. Quản lý nhà nước về môi trường

Xuất phát từ những góc độ nghiên cứu khác nhau, rất nhiều học giả trong và ngoài nước đã đưa ra giải thích không giống nhau về quản lý. Cho đến nay, vẫn chưa có một định nghĩa thống nhất về quản lý. Một số định nghĩa về quản lý như sau:

Theo thuyết quản lý của Henri Fayol: “Quản lý là một hoạt động mà mọi tổ chức đều có, nó gồm 5 yếu tố tạo thành là: kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, điều chỉnh và kiểm soát. Quản lý chính là thực hiện kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo điều chỉnh và kiểm soát ấy” [24]

Quản lý là việc quản trị của một tổ chức, cho dù đó là một doanh nghiệp, một tổ chức phi lợi nhuận hoặc cơ quan chính phủ. Quản lý bao gồm các hoạt động thiết lập chiến lược của một tổ chức và điều phối các nỗ lực của nhân viên (hoặc tình nguyện viên) để hoàn thành các mục tiêu của mình thông qua việc áp dụng các nguồn lực sẵn có, như tài chính, tự nhiên, công nghệ và nhân lực. Thuật ngữ “quản lý” cũng có thể chỉ những người quản lý một tổ chức.

Quản lý nhà nước là dạng quản lý xã hội mang tính quyền lực nhà nước, được sử dụng quyền lực nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội và hành vi hoạt động của con người để duy trì, phát triển các mối quan hệ xã hội, trật tự pháp luật nhằm thực hiện chức năng và nhiệm vụ của nhà nước. Trong đó, quản

lý xã hội là thực hiện các chức năng tổ chức nhằm tạo ra những điều kiện cần thiết để đạt những mục tiêu đề ra trong quá trình hoạt động chung của con người trong xã hội.

Do đó, quản lý Nhà nước là các công việc của Nhà nước, được thực hiện bởi tất cả các cơ quan Nhà nước, cũng có khi do nhân dân trực tiếp thực hiện thông qua hình thức bỏ phiếu hoặc do các tổ chức xã hội, các cơ quan xã hội thực hiện nếu được nhà nước giao quyền thực hiện chức năng nhà nước. Quản lý Nhà nước thực chất là sự quản lý có tính chất nhà nước, do Nhà nước thực hiện thông qua bộ máy Nhà nước trên cơ sở quyền lực nhà nước nhằm thực hiện các nhiệm vụ, chức năng của chính phủ là hệ thống cơ quan được thành lập để chuyên thực hiện hoạt động quản lý Nhà nước.

Quản lý nhà nước là sự tác động có tổ chức và bằng pháp quyền của Nhà nước lên nền kinh tế quốc dân nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực kinh tế trong và ngoài nước, các cơ hội có thể có, để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế đất nước đặt ra trong các điều kiện hội nhập cả mở rộng giao lưu quốc tế.

Theo nghĩa rộng, quản lý Nhà nước được thực hiện thông qua cả ba loại cơ quan: Lập pháp, Tư pháp, Hành pháp của Nhà nước.

Theo nghĩa hẹp, quản lý Nhà nước được hiểu như hoạt động quản lý có tính chất nhà nước, được thực hiện bởi cơ quan hành pháp.

Theo PGS.TS Nguyễn Đức Hòe, quản lý nhà nước về môi trường là hoạt động giám sát của ngành tài nguyên môi trường nhằm hạn chế tối đa các tác động có hại tới môi trường do các hoạt động phát triển gây nên, đảm bảo cân bằng sinh thái cho phát triển và bảo vệ môi trường.

“Quản lý môi trường là sự tác động liên tục, có tổ chức và hướng đích của chủ thể quản lý môi trường lên cá nhân hoặc cộng đồng người tiến hành các hoạt động phát triển trong hệ thống môi trường và khách thể quản lý môi trường, sử dụng một cách tốt nhất mọi tiềm năng và cơ hội nhằm đạt được mục tiêu quản lý môi trường đã đề ra, phù hợp với pháp luật và thông lệ hiện hành”.

Đối tượng quản lý môi trường là quản lý một hệ thống bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người và có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên. Thực chất của quản lý môi trường là quản lý các hoạt động phát triển, thường xuyên diễn ra trong hệ thống môi trường và có tác động tích cực hoặc tiêu cực đến trạng thái ổn định của nó. Tuy nhiên, các hoạt động phát triển vốn không tự thân nó tiến hành mà đều do con người thực hiện. Vì vậy, quản lý môi trường - chính là quản lý các hành vi của các cá nhân, tập thể con người trong hoạt động sản xuất, sinh hoạt, là điều tiết các lợi ích sao cho hài hòa trên nguyên tắc ưu tiên lợi ích của quốc gia và của toàn xã hội.

Quản lý môi trường là một hoạt động trong lĩnh vực quản lý xã hội, có tác động điều chỉnh các hoạt động của con người dựa trên sự tiếp cận có hệ thống và các kỹ năng điều phối thông tin, đối với các vấn đề môi trường có liên quan đến con người; xuất phát từ quan điểm định lượng, hướng tới phát triển bền vững và sử dụng hợp lý tài nguyên. Do đó quản lý môi trường là sự tác động liên tục, có tổ chức và hướng đích của chủ thể quản lý môi trường lên cá nhân hoặc cộng đồng người tiến hành các hoạt động phát triển trong hệ thống môi trường và khách thể quản lý môi trường, sử dụng một cách tốt nhất mọi tiềm năng cơ hội nhằm đạt được mục tiêu quản lý môi trường đã đề ra, phù hợp với pháp luật và thông lệ hiện hành.

Quản lý nhà nước về môi trường tập trung vào các nhiệm vụ chỉ đạo, tổ chức bảo vệ môi trường; phân phối nguồn lợi chung; tổ chức khai thác và sử dụng tối ưu nguồn tài nguyên thiên nhiên của quốc gia và môi trường; chỉ đạo, tổ chức toàn dân bảo vệ môi trường và phối hợp hành động quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Quản lý nhà nước về môi trường là quản lý và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường, phối hợp quốc tế trong bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu. Xét ở góc độ vi mô, quản lý nhà nước về môi trường là chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan môi trường cấp bộ, ngành, địa phương, các cơ sở sản xuất, kinh doanh thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các bộ luật quản lý tài nguyên, các văn bản pháp lý có liên quan.

Quản lý nhà nước đối với các KCN là sự tác động có tổ chức và bằng pháp quyền của Nhà nước lên các KCN nhằm đảm bảo cho các KCN được phát triển theo quy định, chủ động phối hợp mục đích riêng của từng doanh nghiệp nhằm đạt mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường.

Quản lý nhà nước về môi trường KCN là tổng hòa các biện pháp; pháp luật, chính sách, kinh tế, xã hội, nhằm bảo vệ chất lượng môi trường sống và phát triển các KCN một cách bền vững.

1.2. Quản lý về môi trường đối với Khu Công Nghiệp

1.2.1. Quản lý Nhà nước về môi trường Khu công nghiệp

1.2.1.1. Chức năng của quản lý nhà nước về môi trường Khu công nghiệp

Quản lý môi trường có nhiều hình thức khác nhau như: quản lý nhà nước về môi trường; quản lý môi trường do các tổ chức phi chính phủ đảm nhiệm; quản lý môi trường dựa trên cơ sở cộng đồng; quản lý môi trường có tính tự nguyện... Trong đó, quản lý nhà nước về môi trường đóng vai trò quyết định. Việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên có thể gây lãng phí hoặc dễ xảy ra tranh chấp do lượng tài nguyên thiên nhiên là có hạn và nhiều loại tài nguyên rất khan hiếm nên cần phải có Nhà nước đứng ra tổ chức, quản lý các hoạt động có liên quan đến tài nguyên thiên nhiên, môi trường. Bên cạnh đó, việc bảo vệ môi trường không chỉ đòi hỏi phải có sự thống nhất trong phạm vi quốc gia mà còn phải có sự thống nhất trong phạm vi khu vực hoặc toàn cầu nên Nhà nước cần phải là đầu mối trong việc phối hợp các chương trình hành động vì môi trường. Cùng với đó nhà nước cần phải điều chỉnh, quản lý các ngoại ứng hoặc phải đảm nhiệm sản xuất, cung ứng hàng hóa công cộng, tức là cũng phải điều chỉnh và quản lý loại hàng hóa công cộng đảm bảo đúng giá trị của sản phẩm tránh trường hợp các sản phẩm công cộng không phản ánh đúng giá trị xã hội của nó. Đồng thời, Nhà nước là chủ sở hữu tài nguyên thiên nhiên và môi trường nên việc quản lý về tài nguyên thiên nhiên và môi trường thuộc trách nhiệm của Nhà nước. Chính vì vậy, vấn đề quản lý nhà nước về môi trường được xác định rõ chủ thể là nhà nước, bằng chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn của mình đưa ra các biện pháp, luật pháp, chính sách kinh tế, kỹ thuật, xã hội thích hợp nhằm bảo vệ chất lượng

môi trường sống và phát triển bền

vững kinh tế - xã hội quốc gia.

Quản lý nhà nước về môi trường có năm chức năng chính là.

- Luật định chính sách và chiến lược Bảo vệ môi trường. Đây là chức năng quan trọng nhất trong năm chức năng;
- Tổ chức, hình thành các nhóm chuyên môn hóa, các phân tử cấu thành hệ thống môi trường để định hướng cho các mục tiêu đã đề ra;
- Điều khiển, phối hợp hoạt động giữa các nhóm, các phân tử trong hệ thống môi trường;
- Kiểm tra, phát hiện kịp thời những sai sót trong quá trình hoạt động và các cơ hội đột biến trong hệ thống môi trường;
- Điều chỉnh, sửa chữa các sai sót nảy sinh trong quá trình hoạt động phát triển, tận dụng cơ hội để thúc đẩy, bảo đảm cho hệ thống môi trường hoạt động phát triển bình thường.

Nhà nước quản lý môi trường Khu công Nghiệp nhằm:

Xác định rõ chủ thể là nhà nước, bằng chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn của mình đưa ra các biện pháp, luật pháp, chính sách kinh tế, kỹ thuật, xã hội thích hợp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường sống và phát triển bền vững kinh tế - xã hội ở tại các địa phương. Khắc phục và phòng chống suy thoái, ô nhiễm môi trường từ những hoạt động sản xuất tại các KCN.

Công nghiệp, là một bộ phận của nền kinh tế, là lĩnh vực sản xuất hàng hóa *vật chất* mà sản phẩm được “*chế tạo, chế biến, chế tác, chế phẩm*” cho nhu cầu tiêu dùng hoặc phục vụ hoạt động kinh doanh tiếp theo cho cuộc sống loài người trong sinh hoạt. Đây là hoạt động kinh tế, sản xuất quy mô lớn, được sự hỗ trợ thúc đẩy mạnh mẽ của các tiến bộ về công nghệ, khoa học và kỹ thuật. Tuy nhiên *Công nghiệp* là ngành ảnh hưởng môi trường nhiều nhất trong tất cả các ngành còn lại. Ảnh hưởng của sự phát triển công nghiệp tới môi trường và biện pháp bảo vệ môi trường. Cùng với đó là một lượng lớn rác không lồ từ hoạt động công nghiệp phát sinh ra gây hậu quả nghiêm trọng cho môi trường. Hậu quả là những hiện tượng bất thường của thiên nhiên như: mưa axit, hiệu ứng nhà kính do tầng ozon bị phá vỡ... xuất hiện ngày càng phổ biến đe dọa đến sinh vật trên trái đất. Hiện nay ở nước ta chất thải công nghiệp đã vượt mức cảnh báo và gây ra hậu quả ô nhiễm môi trường nước, đất, không khí ở nhiều vùng ảnh

hưởng tới đời sống người dân.

Để giảm thiểu tác động do ô nhiễm môi trường là vấn đề mang tính toàn cầu nói chung và ở nước ta nói riêng. Hiện nay nước ta cũng đang hoàn thiện khung pháp lý về môi trường và tập trung nguồn lực để kiểm soát vấn đề môi trường. Trong đó các hoạt động bảo vệ môi trường có xây dựng kế hoạch khắc phục và phòng chống suy thoái, ô nhiễm môi trường từ những hoạt động sản xuất công nghiệp nói chung và tại các KCN nói riêng.

- Xây dựng các công cụ quản lý môi trường KCN hợp lý với từng địa phương như:

Công tác quy hoạch môi trường trong khu công
nghiệp Bố trí khu công nghiệp trong quy hoạch
Quy hoạch các nhà máy trong khu công nghiệp
Quy hoạch quản lý cơ sở hạ tầng khu công
nghiệp Quy hoạch quản lý chất thải
Quản lý công trình dịch vụ
Quy hoạch cây xanh
Quy hoạch và phát triển vùng đệm

Tại các KCN có nhiều cơ sở hoạt động trên các lĩnh vực ngành nghề khác nhau (sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất cón công nghiệp, sản xuất bao bì, chế biến nông sản thực phẩm...), cho thấy thực hiện chức năng quản lý nhà nước về nghiệp vụ chuyên môn trong từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của các cơ sở lại do các ngành khác nhau quản lý, đồng thời đối với từng ngành nghề khác nhau lại có các chất thải khác nhua thải ra môi trường. Để thực hiện tốt việc quản lý môi trường KCN có các ngành nghề khác nhau cần phải có các công cụ để quản lý về môi trường một cách hợp lý với ngành nghề.

Tồn tại ở từng địa phương về lịch sử khác nhau, có nguồn nhân lực không giống nhau và điều kiện tự nhiên tính chất địa lý khác nhau,... do vậy khi thực hiện chức năng quản lý môi trường KCN đóng trên địa phương khác nhau cần căn cứ yếu tố trên để xây dựng công cụ pháp lý phục vụ cho việc quản lý môi trường cho phù hợp với từng địa phương.

- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đối với các chủ kinh doanh, đầu tư trong khu công nghiệp.

Dù có đủ nhân lực thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về môi trường nhưng nếu các chủ đầu tư kinh doanh trong hạ tầng KCN không nhận thức rõ về bảo vệ môi trường dẫn tới. Không nghiêm túc trong việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường, không đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom xử lý nước thải, chất thải; không đào tạo đội ngũ môi trường trong nhà máy có ý thức với môi trường dẫn tới không có đủ khả năng vận hành hệ thống xử lý môi trường theo đúng tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường khi thải ra ngoài.

1.2.1.2 Vai trò của Khu công nghiệp trong phát triển kinh tế.

Vai trò KCN đặc biệt quan trọng đối với việc phát triển của nền kinh tế, rút ngắn thời gian công nghiệp hóa tiếp thu nhanh thành tựu khoa học kỹ thuật công nghệ, tranh thủ được nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài để phát triển cụ thể như:

Một là, xây dựng các KCN là bước đi hợp lý nhằm tận dụng mọi phương tiện nguồn lực hiện có phát triển dần dần các ngành công nghiệp ở địa phương theo hướng hiện đại ngay từ đầu. Bởi vì, có thể tập trung nguồn lực để trang bị cho các KCN cơ sở hạ tầng hiện đại, địa điểm thuận lợi, thậm chí cho nó một cơ chế quản lý và chế độ ưu đãi riêng để khuyến khích các chủ đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất công nghiệp tại đây.

Hai là, KCN được hình thành với những điều kiện địa lý, mặt bằng, giao thông... thuận lợi, với những ưu đãi về giá thuê đất, về các chính sách linh hoạt và thủ tục hành chính đơn giản tạo điều kiện để các nhà đầu tư giảm chi phí đầu tư, chi phí sản xuất và chi phí hành chính khác. Ngoài ra, việc quy tụ các doanh nghiệp vào các KCN sẽ hạn chế được việc sử dụng lãng phí đất đai, cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện cho việc xử lý môi trường.

Ba là KCN là nơi hấp thu vốn và chuyển giao có hiệu quả những thành tựu khoa học công nghệ. Do KCN được quy hoạch dựa trên cơ sở khoa học và chiến lược phát triển kinh tế lâu dài của nền kinh tế, thường thu hút các doanh nghiệp có quan hệ với nhau về công nghệ, nên các doanh nghiệp có điều kiện hợp tác liên kết với nhau trong việc nhập khẩu, triển khai áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, tận dụng được những lợi thế của nước đi sau.

Bốn là KCN hình thành và phát triển là cầu nối hội nhập nền kinh tế quốc gia vào nền kinh tế thế giới. KCN thường gắn liền với các điều kiện thuận lợi cả về vị trí địa lý và các dịch vụ đi kèm với các chính sách ưu đãi và thủ tục đơn giản. Đó là điều kiện thuận lợi thu hút doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sẽ là cầu nối tốt nhất cho doanh nghiệp trong nước tiếp cận với thế giới.

Năm là, KCN là nơi tạo việc làm, phát triển kỹ năng giao cho người quản lý và người lao động. Tình trạng khan hiếm nguồn lao động và giá nhân công cao ở các nước tư bản phát triển thúc đẩy các nước này đầu tư vào các nước đang phát triển. Tuy nhiên đa phần các nước đang phát triển chưa có điều kiện chung phù hợp với doanh nghiệp của các nước phát triển. Chính vì thế, điều kiện hơn hẳn của KCN là giải pháp tốt nhất để thu hút các doanh nghiệp này. Thông qua việc đào tạo và sử dụng số lượng lớn người địa phương trong các KCN, trình độ và kỹ năng của người địa phương được cải thiện.

Khu công nghiệp, được hình thành và phát triển gắn liền với công cuộc đổi mới, mở cửa nền kinh tế đất nước, xuất phát từ chủ trương đúng đắn của Đảng, Chính phủ trong việc xây dựng một mô hình mang tính đột phá trong thu hút đầu tư, tăng trưởng công nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Qua 20 năm xây dựng và phát triển, thành tựu của các khu công nghiệp, khu chế xuất đã được minh chứng sống động bằng những đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế đất nước, thể hiện trên các mặt kinh tế, môi trường và xã hội như:

Khu công nghiệp, đã huy động được lượng vốn đầu tư lớn của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước phục vụ sự nghiệp Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hàng năm, vốn đầu tư tiếp nước ngoài (FDI) vào khu công

trực nghiệp, khu chế xuất chiếm từ 35-40% tổng vốn đăng ký tăng thêm của cả nước; riêng lĩnh vực công nghiệp chiếm gần 80%. Khu công nghiệp, khu chế xuất cũng đã tạo ra một hệ thống kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ, có giá trị lâu dài, góp phần hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng trên cả nước.

Đặc biệt, khu công nghiệp, đóng góp không nhỏ vào tăng trưởng ngành sản

xuất công nghiệp, nâng cao giá trị xuất khẩu và sức cạnh tranh của nền kinh tế;

góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các địa phương và cả nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Các khu công nghiệp đã tạo ra giá trị sản xuất công nghiệp 2 triệu USD/ha; giá trị xuất khẩu 1,27 triệu USD/ha; nộp ngân sách khoảng 1,38 tỷ đồng/ha; tốc độ gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu hàng năm đều cao hơn tốc độ của cả nước.

Việc phát triển các khu công nghiệp, cũng đã góp phần quan trọng trong

việc giải quyết việc làm, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao thu nhập, đời sống và trình độ của người lao động; góp phần tích cực vào bảo vệ môi trường sinh thái

1.2.2. Nguyên tắc của quản lý Nhà nước về môi trường Khu công nghiệp

Nguyên tắc quản lý nhà nước về môi trường gồm các nội dung:

Quản lý nhà nước về môi trường cũng là một nội dung quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước. Nhà nước, với tư cách đại diện cho lợi ích chung của toàn xã hội, sử dụng sức mạnh quyền lực và các truyền thống, tập quán của dân tộc để biên đường lối chủ đạo của mình thành hiện thực thông qua việc hình thành một cơ cấu tổ chức quản lý hợp lý. Nhà nước sử dụng hữu hiệu nguồn nhân lực (đội ngũ công chức môi trường và công chức chính quyền khác) với các phương pháp, hình thức, giải pháp quản lý thích hợp (các công cụ quản lý, chính sách quản lý và các giải pháp quản lý) để tạo ra và tận dụng các thời cơ, các quan hệ quốc tế cho mục tiêu phát triển bền vững đất nước.

Quản lý nhà nước về môi trường Khu công nghiệp là xác định rõ chủ thể là Nhà nước, bằng chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn của mình đưa ra các biện pháp, luật pháp, chính sách kinh tế, kỹ thuật, xã hội thích hợp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường sống và phát triển bền vững kinh tế - xã hội quốc gia.

Hiện nay, trên thế giới, quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường Khu công nghiệp đi theo mô hình tập trung hóa (trong đó cấp Trung ương nắm vai trò quan trọng và kiểm soát mọi hoạt động) và phi tập trung hóa (phân cấp hóa - trách nhiệm và vai trò quản lý được phân cấp cụ thể từ Trung ương đến địa phương. Cấp Trung ương nắm giữ vai trò chiến lược, hoạch định các chính sách vĩ mô. Cấp địa phương đề xuất chính sách và triển khai thực hiện những vấn đề cụ thể

tại địa phương mình.

Trong đó quản lý nhà nước về môi trường Khu công nghiệp bao gồm các nội dung sau:

- Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, ban hành hệ thống tiêu chuẩn môi trường.
- Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách bảo vệ môi trường, kế hoạch phòng, chống, khắc phục suy thoái môi trường ô nhiễm môi trường, rủi ro môi trường.
- Xây dựng, quản lý các công trình bảo vệ môi trường và các công trình có liên quan đến bảo vệ môi trường.
- Tổ chức, xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc, định kỳ đánh giá hiện trạng môi trường, dự báo môi trường.
- Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các dự án phát triển.
- Cấp, thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường.
- Giám sát, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến bảo vệ môi trường; xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.
- Đào tạo cán bộ khoa học và quản lý môi trường, giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiên bộ khoa học - công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
- Quan hệ quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

1.2.2.1 Hoạt động ban hành pháp luật

Quản lý nhà nước về tài nguyên và bảo vệ môi trường đang được thực hiện theo các quy Luật đất đai năm 2003. Luật tài nguyên nước năm 2005, Luật khoáng sản năm 2005, Luật bảo vệ môi trường năm 2005, Luật Đa dạng sinh học năm 2008 và nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác.

Về mặt xây dựng hệ thống văn bản pháp luật tính đến nay Nhà nước ta đã ban hành khoảng 600 văn bản có liên quan đến bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường vẫn còn thiếu nhiều quy định quan trọng, chưa đồng bộ, thiếu thống nhất, chồng chéo mâu thuẫn nhau và còn nhiều điểm chưa phù hợp với thực tế.

Quá trình xây dựng Luật bảo vệ tài nguyên và môi trường

Trước năm 1986 Luật môi trường chưa xuất hiện tư cách là một ngành độc lập. Chính phủ ban hành một số văn bản có liên qua đến môi trường như:

- Sắc lệnh số 142/SL ngày 21 tháng 12 năm 1949, quy định việc kiểm soát, lập biên bản các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ rừng.
- Nghị quyết số 36 ngày 11 tháng 3 năm 1961 của Hội đồng Chính phủ về quản lý, bảo vệ tài nguyên dưới lòng đất
- Chỉ thị số 127 ngày 24 tháng 5 năm 1971 của Hội đồng chính phủ về công tác điều tra cơ bản tài nguyên thiên nhiên.
- Pháp lệnh bảo vệ rừng ngày 11 tháng 9 năm 1972
- Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1987 đã đưa việc bảo vệ môi trường thành điều khoản riêng.
- Luật bảo vệ môi trường được Quốc hội thông qua ngày 27 tháng 12 năm 1993 có hiệu lực từ ngày 10 tháng 1 năm 1994.
- Luật bảo vệ môi trường sửa đổi năm 2005 có hiệu lực ngày 1 tháng 7 năm 2006. Hệ thống chính sách pháp luật tài nguyên và môi trường đi vào cuộc sống;

tạo hành lang pháp lý cho việc quản lý tài nguyên và môi trường ngày càng hiệu quả hơn. Giai đoạn từ năm 2002 đến tháng 10 năm 2015. Bộ TN&MT đã xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền 726 văn bản, trong đó gồm: 09 luật, 03 nghị quyết của Quốc hội, 01 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, 03 Nghị quyết liên tịch, 04 Nghị quyết của chính phủ, 65 Nghị định, 61 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 11 Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, 341 Thông tư, 61 Thông tư liên tịch, 164 Quyết định của Bộ trưởng Bộ TN&MT và 03 Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ TN&MT và một số Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương.

Luật BVMT 2005 có quy định về BVMT đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung nhưng chưa có các quy định chi tiết về BVMT đối với các hình thức tổ chức sản xuất tập trung đang phổ biến hiện nay như; các KCN, KKT,

khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp.

Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 thay thế Luật bảo vệ môi trường 2005 có nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung mới gồm; phạm vi điều chỉnh và đối tượng điều chỉnh; giải thích từ ngữ; nguyên tắc bảo vệ môi trường; chính sách bảo vệ môi trường; những hành vi bị nghiêm cấm; quy hoạch bảo vệ môi trường; đánh giá tác động môi trường chiến lược; báo cáo đánh giá tác động môi trường; kế hoạch bảo vệ môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường biển và hải đảo; bảo vệ môi trường nước sông; bảo vệ môi trường đất; bảo vệ môi trường không khí; bảo vệ môi trường tại các KKT, KCN, cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung; bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu; bảo vệ môi trường làng nghề; nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng; thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ; quản lý chất thải nguy hại; xử lý ô nhiễm, phục hồi và cải thiện môi trường; quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quan trắc môi trường; thông tin môi trường, chỉ thị môi trường, thống kê môi trường và báo cáo môi trường; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước về bảo vệ môi trường; trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng dân cư trong bảo vệ môi trường; chi ngân sách nhà nước cho bảo vệ môi trường; thanh tra về môi trường; xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường và thời hiệu khởi kiện. [16]

1.2.2.2. Xây dựng chiến lược, quy hoạch bảo vệ môi trường

Đề cập hệ thống pháp luật Việt Nam về công tác bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp nói riêng, Tiến sĩ Trần Văn Minh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi Trường của Quốc hội cho biết việc thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ môi trường đã thực hiện theo hướng đồng bộ và toàn diện, đồng thời tiệm cận với các thông lệ, hiệp ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, góp phần thu hút đầu tư vào các Khu công nghiệp.

Tiêu biểu như Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Luật Xây dựng năm 2014, Luật Đầu tư công năm 2019, Luật đầu tư năm 2014, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015, Luật Tài nguyên nước 2012...

Tính đến tháng 2/2020, Chính phủ đã ban hành 14 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành 54 Thông tư, Thông tư liên tịch, 48 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường là công cụ để quản lý và kiểm soát ô nhiễm khu công nghiệp.

Bên cạnh đó, chính quyền các địa phương cũng ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường khu công nghiệp, trong đó có 11 văn bản của Tỉnh ủy, 51 Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh thành phố, 212 quyết định và 42 Chương trình, Kế hoạch của Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trong những năm qua, nhận thức được tầm quan trọng của quy hoạch về môi trường, đã có rất nhiều ngành, lĩnh vực và địa phương tiến hành lập Quy hoạch môi trường hoặc Quy hoạch BVMT. Các quy hoạch về môi trường này đã đóng góp hữu hiệu trong quản lý và là nền tảng để Bộ TN&MT xây dựng phương pháp luận về Quy hoạch BVMT phù hợp với điều kiện phát triển trong giai đoạn tới của Việt Nam.

Theo mục 21, Điều 3, Luật số 55/2014/QH13 Luật bảo vệ môi trường: [16]

** Quy hoạch bảo vệ môi trường là việc phân vùng môi trường để bảo tồn, phát triển và thiết lập hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường gắn với hệ thống giải pháp bảo vệ môi trường trong sự liên quan chặt chẽ với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội nhằm bảo đảm phát triển bền vững.*

Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường đã được ban hành (Nghị định số 18/2015/NĐ-CP). Nghị định số 18/2015/NĐ-CP quy định, quy hoạch bảo vệ môi trường được lập phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội với kỳ đầu cho giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040 theo 2 cấp độ là quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia và quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh.

** Theo đó, quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia gồm những nội dung sau:*

Diễn biến, mục tiêu quản lý môi trường rừng, bảo tồn đa dạng sinh học;

Thực trạng môi trường biển, hải đảo, lưu vực sông; mục tiêu và các giải pháp bảo tồn, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, hải đảo, lưu vực sông;

Thực trạng phát thải khí và chất lượng môi trường không khí; mục tiêu và giải pháp quy hoạch đối với các hoạt động phát triển có nguồn phát thải khí lớn;

Thực trạng suy thoái, ô nhiễm môi trường đất; mục tiêu và các giải pháp phòng ngừa suy thoái, ô nhiễm môi trường đất, phục hồi các vùng đất đã bị ô nhiễm, suy thoái;

Thực trạng ô nhiễm môi trường nước; mục tiêu và các giải pháp quản lý nước thải và bảo vệ môi trường nước;

Thực trạng thu gom, xử lý và các mục tiêu, giải pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại;

Thực trạng mạng lưới quan trắc và giám sát môi trường; mục tiêu, định hướng quy hoạch hệ thống quan trắc và giám sát môi trường;

Phân vùng môi trường theo các mục tiêu phát triển, bảo vệ, bảo tồn và ứng phó với biến đổi khí hậu;

Các chương trình, dự án bảo vệ môi trường ưu tiên và chỉ tiêu môi trường;

- Các bản đồ, sơ đồ liên quan đến vùng quy hoạch;

- Nguồn lực thực hiện quy hoạch bảo vệ môi trường; trách nhiệm tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch bảo vệ môi trường.

Quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh được lập dưới hình thức báo cáo riêng hoặc lồng ghép vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể, đối với quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh dưới hình thức báo cáo riêng phải thể hiện được các nội dung chính giống như quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia với yêu cầu chi tiết hơn gắn với vị trí địa lý, điều kiện môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội đặc thù của địa phương lập quy hoạch.

Theo đó, quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia gồm những nội dung sau:

- Diễn biến, mục tiêu quản lý môi trường rừng, bảo tồn đa dạng sinh học;

- Thực trạng môi trường biển, hải đảo, lưu vực sông; mục tiêu và các giải pháp bảo tồn, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, hải đảo, lưu vực sông;

- Thực trạng phát thải khí và chất lượng môi trường không khí; mục tiêu và giải pháp quy hoạch đối với các hoạt động phát triển có nguồn phát thải khí lớn;

- Thực trạng suy thoái, ô nhiễm môi trường đất; mục tiêu và các giải pháp phòng ngừa suy thoái, ô nhiễm môi trường đất, phục hồi các vùng đất đã bị ô nhiễm, suy thoái;

- Thực trạng ô nhiễm môi trường nước; mục tiêu và các giải pháp quản lý nước thải và bảo vệ môi trường nước;

- Thực trạng thu gom, xử lý và các mục tiêu, giải pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại;

- Thực trạng mạng lưới quan trắc và giám sát môi trường; mục tiêu, định hướng quy hoạch hệ thống quan trắc và giám sát môi trường;

Phân vùng môi trường theo các mục tiêu phát triển, bảo vệ, bảo tồn và ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Các chương trình, dự án bảo vệ môi trường ưu tiên và chỉ tiêu môi trường;

- Các bản đồ, sơ đồ liên quan đến vùng quy hoạch;

Nguồn lực thực hiện quy hoạch bảo vệ môi trường; trách nhiệm tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch bảo vệ môi trường.

Quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh được lập dưới hình thức báo cáo riêng hoặc lồng ghép vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể, đối với quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh dưới hình thức báo cáo riêng phải thể hiện được các nội dung chính giống như quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia với yêu cầu chi tiết hơn gắn với vị trí địa lý, điều kiện môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội đặc thù của địa phương lập quy hoạch.

Yêu cầu bảo vệ môi trường trong việc lập quy hoạch xây dựng KCN như sau:

Quy hoạch các khu chức năng trong KCN phải bảo đảm giảm thiểu ảnh hưởng của các loại hình sản xuất gây ô nhiễm với các loại hình sản xuất khác; thuận lợi cho công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

Các dự án trong KCN có khoảng cách an toàn môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật để giảm thiểu khả năng ảnh

hưởng đến các cơ sở khác trong KCN và các đối tượng kinh tế - xã hội xung quanh KCN.

- Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường được bố trí phù hợp với các loại hình đầu tư trong KCN, bảo đảm giảm thiểu tác động xấu đối với môi trường xung quanh.

- Diện tích cây xanh trong phạm vi KCN tối thiểu chiếm 10% tổng diện tích của toàn bộ KCN.

Trong quá trình xây dựng và hoạt động của KCN, khi có điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề nhưng chưa đến mức phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng phải gửi báo cáo theo quy định tại Khoản 7 Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo, cơ quan có thẩm quyền xem xét và thông báo kết quả cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN. Trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền tổ chức đoàn kiểm tra thực tế, lấy ý kiến chuyên gia và cơ quan có liên quan để xem xét, quyết định.

1.2.2.3. Xây dựng, quản lý các công trình bảo vệ môi trường và các công trình có liên quan đến bảo vệ môi trường.

Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật có ảnh hưởng rất lớn đến toàn bộ hoạt động đầu tư, vận hành đồng thời phản ánh một cách trực quan nhất diện mạo môi trường đầu tư. Một môi trường đầu tư hấp dẫn đòi hỏi tính hiện đại, đồng bộ của hệ thống hạ tầng toàn xã hội và hạ tầng khu công nghiệp

Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường KCN chính là đầu tư nguồn vật lực bảo vệ môi trường: Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường KCN bao gồm: hệ thống thoát nước mưa, hệ thống xử lý nước thải tập trung (gồm hệ thống thu gom nước thải, nhà máy xử lý nước thải tập trung, hệ thống thoát nước thải), khu vực lưu giữ chất thải rắn (nếu có), hệ thống quan trắc nước thải tự động và các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường khác. Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường KCN phải được thiết kế đồng bộ và tuân theo quy định, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng và quy định, quy chuẩn kỹ thuật môi trường có liên quan.

- Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường KCN bao gồm: hệ thống thoát

nước mưa, hệ thống xử lý nước thải tập trung (gồm hệ thống thu gom nước thải, nhà

máy xử lý nước thải tập trung, hệ thống thoát nước thải), khu vực lưu giữ chất thải rắn (nếu có), hệ thống quan trắc nước thải tự động và các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường khác. Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường KCN phải được thiết kế đồng bộ và tuân theo quy định, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng và quy định, quy chuẩn kỹ thuật môi trường có liên quan.

- Hệ thống thoát nước trong KCN phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- + Tách riêng hệ thống thu gom, thoát nước thải với hệ thống thoát nước mưa;

- + Hệ thống thu gom, thoát nước thải phải có vị trí, cốt hố ga phù hợp để đầu nối với điểm xả nước thải của các cơ sở và bảo đảm khả năng thoát nước thải của KCN; vị trí đầu nối nước thải nằm trên tuyến thu gom của hệ thống thoát nước KCN và đặt bên ngoài phần đất của các cơ sở;

- + Điểm xả thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN tại nguồn tiếp nhận phải bố trí bên ngoài hàng rào KCN, có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là một (01) m² và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

- Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- + Có thể chia thành nhiều đơn nguyên (mô-đun) phù hợp với tiến độ lắp đặt và hoạt động của KCN nhưng phải bảo đảm xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào; có công tơ điện độc lập; khuyến khích việc áp dụng công nghệ thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng;

- + Có hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với các thông số: lưu lượng nước thải đầu ra, pH, nhiệt độ, COD, TSS và một số thông số đặc trưng khác trong nước thải của KCN trước khi thải ra nguồn tiếp nhận theo yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Hệ thống quan trắc tự động phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật kết nối để truyền dữ liệu tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương.

- Việc xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải tập trung, hệ thống thoát nước mưa của KCN phải hoàn thành trước khi KCN đi vào hoạt động.

1.2.2.4. Tổ chức, xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc, định kỳ đánh giá hiện trạng môi trường, dự báo môi trường.

Hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCN thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện các quy định bảo vệ môi trường; phát hiện và kịp thời báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; huy động lực lượng ứng phó, khắc phục khi xảy ra sự cố môi trường tại các KKT, KCN.

- Định kỳ báo cáo công tác bảo vệ môi trường của KKT, KCN gửi UBND cấp tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

- Công khai thông tin về bảo vệ môi trường KKT, KCN; tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCN.

- Phối hợp với cơ quan chức năng giải quyết các tranh chấp về môi trường giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trong KKT, KCN hoặc với các tổ chức, cá nhân ngoài phạm vi KKT, KCN.

- Phối hợp kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKT, KCN.

- Thực hiện các nội dung quản lý và bảo vệ môi trường KKT, KCN khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc được ủy quyền.

Trách nhiệm bảo vệ môi trường KKT, KCN của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN

Có bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường đáp ứng điều kiện sau:

- + Có ít nhất ba (03) người;

- + Người phụ trách về bảo vệ môi trường phải có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành về quản lý môi trường; khoa học, công nghệ, kỹ thuật môi trường; hóa học; sinh học và có tối thiểu hai (02) năm kinh nghiệm làm việc trong các lĩnh vực môi trường.

- Vận hành thường xuyên, liên tục công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường KCN, bảo đảm diện tích cây xanh trong KCN tối thiểu chiếm 10%

tổng diện tích của toàn bộ KCN.

- Thực hiện chương trình quan trắc môi trường KCN theo quy định của pháp luật.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả quan trắc môi trường và công tác bảo vệ môi trường KCN, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong KCN gửi Ban quản lý các KKT, KCN, Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Chủ dự án và chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KCN thống nhất và ký văn bản thỏa thuận điều kiện đấu nối nước thải với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN; đấu nối nước thải của cơ sở vào hệ thống thu gom nước thải của nhà máy xử lý nước thải tập trung dưới sự giám sát của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN.

- Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KCN chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý nước thải, phải có hợp đồng xử lý nước thải với đơn vị có chức năng phù hợp theo quy định hiện hành.

- Các trường hợp được miễn trừ đấu nối:

- + Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có biện pháp xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định, đồng thời việc đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung KCN tạo chi phí bất hợp lý cho cơ sở;

- + Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh nước thải vượt quá khả năng tiếp nhận, xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN, đồng thời cơ sở có biện pháp xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

- + Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KCN mà KCN chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đồng thời cơ sở có biện pháp xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Các cơ sở quy định tại Khoản 4 Điều 9 Thông tư này phải có hệ thống xử lý nước thải bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tổ chức quan trắc nước thải và kê khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện chương trình quan trắc môi trường, báo cáo theo quy định của pháp luật và thông báo kết quả quan trắc cho chủ đầu tư xây dựng và kinh

doanh hạ tầng KCN.

- Thực hiện các trách nhiệm bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

1.2.2.5 Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các dự án phát triển.

Khi nền kinh tế càng ngày càng phát triển, cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, các dự án đầu tư ngày càng nhiều, sự ảnh hưởng đến môi trường rất lớn với quy mô và tính chất phức tạp, khó dự đoán, khó đánh giá. Điều này đòi hỏi mức độ hoàn thiện của các quy định về bảo vệ môi trường nói chung, về ĐTM và về Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM nói riêng, phải cao hơn, không chỉ là sự điều chỉnh kịp thời các quan hệ xã hội liên quan mà còn mang tính dự báo và định hướng cho chúng phát triển. Bởi vậy, nghiên cứu phục vụ cho việc hoàn thiện các quy định pháp luật đó luôn luôn được đặt ra.

Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM đối với các dự án được thành lập với chức năng tư vấn cho Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan thẩm định, cụ thể là Bộ trưởng các Bộ: TNMT, Quốc phòng, Công an, các Bộ liên quan và Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM đối với các dự án thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại điểm 7 khoản 5 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2019. Theo đó, Hội đồng có trách nhiệm xem xét:

Một là: Sự phù hợp của dự án đối với chiến lược, quy hoạch, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

Hai là: Sự phù hợp của các phương pháp đánh giá tác động môi trường được sử dụng;

Ba là: Sự phù hợp của các đánh giá về việc lựa chọn công nghệ sản xuất, hạng mục công trình và các hoạt động của dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường;

Bốn là: Kết quả phân tích, tổng hợp số liệu về hiện trạng môi trường, kinh tế - xã hội nơi thực hiện dự án và sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án;

Năm là: Việc đánh giá, dự báo về nguồn thải, sự phát sinh, quy mô, tính

chất nguy hại của nước thải, khí thải, chất thải rắn công nghiệp thông thường,

chất thải nguy hại và các loại chất thải đặc thù khác; các tác động của chất thải và các tác động khác của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng; đánh giá, dự báo các rủi ro sự cố môi trường do chất thải gây ra;

Sáu là: Các yêu cầu, quy định, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn về môi trường áp dụng đối với dự án;

Bảy là: Sự phù hợp của các giải pháp bảo vệ môi trường, bao gồm: phương án thu gom, quản lý chất thải; biện pháp, công nghệ xử lý nước thải; giảm thiểu, xử lý bụi, khí thải; phương án lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại; chất thải rắn công nghiệp thông thường; xử lý chất thải khác; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác của dự án đến môi trường; các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải của dự án gây ra;

Tám là: Sự phù hợp của chương trình quản lý và giám sát môi trường; Chín là: Các cam kết bảo vệ môi trường của chủ dự án.

1.2.2.6. Cấp, thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường.

Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường (gọi tắt là giấy phép về môi trường) là chứng thư pháp lý do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho các cơ sở công nghiệp nhằm xác định các chỉ tiêu môi trường mà các cơ sở này phải đảm bảo đạt được trong suốt quá trình hoạt động.

Pháp luật môi trường quy định cụ thể việc cấp, thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường như sau:

Đối tượng phải có giấy phép về môi trường:

Gồm các cơ sở công nghiệp nhỏ, tiểu thủ công nghiệp như các xí nghiệp nhỏ do địa phương quản lý, các tổ hợp, hợp tác xã sản xuất, các hộ gia đình có sản xuất các loại sản phẩm phi nông nghiệp, sửa chữa các loại thiết bị, công cụ; các cơ sở công nghiệp và các cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.

Điều kiện để được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường:

Các cơ sở công nghiệp nêu trên phải nộp hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường, gồm đơn xin cấp giấy phép về môi trường, bản kê khai hiện trạng môi trường và quyết định phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với các cơ sở phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường) hoặc ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường hoặc cơ quan nhà nước

được ủy quyền (đối với các cơ sở phải lập kê khai các hoạt động sản xuất có ảnh hưởng đến môi trường).

Trong thời hạn 40 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ cơ quan nhà nước về môi trường (hoặc cơ quan nhà nước được ủy quyền) thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép về môi trường cho cơ sở nộp đơn cấp giấy phép.

Giá trị pháp lý của giấy phép về môi trường:

Giấy phép về môi trường có giá trị 5 năm đối với các cơ sở thông thường, 3 năm đối với cơ sở có sử dụng chất độc hại, chất phóng xạ. Giấy phép về môi trường có thể được gia hạn nhiều lần, mỗi lần không quá 3 năm. Giấy phép về môi trường được sửa đổi trong trường hợp tiêu chuẩn môi trường Việt Nam thay đổi. Giấy phép về môi trường bị thu hồi trong trường hợp giả mạo, cấp sai thẩm quyền hoặc chủ giấy phép vi phạm nghiêm trọng các điều khoản ghi chép trong giấy phép.

Thẩm quyền thu hồi giấy phép về môi trường:

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép về môi trường thì cơ quan đó có thẩm quyền thu hồi giấy phép môi trường.

1.2.2.7. Thanh tra, kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường Khu công nghiệp

- *Trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo thực hiện kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường:* Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật trên phạm vi cả nước; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở, dự án, công trình thuộc phạm vi bí mật nhà nước về quốc phòng, an ninh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật trên địa bàn.

- *Xử lý vi phạm:* Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, gây thiệt hại cho tổ chức và cá nhân khác, có trách nhiệm khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường, bồi thường thiệt hại và xử lý theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan; Người

đúng

đầu cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây phiền hà, nhũng nhiễu cho tổ chức, cá nhân, bao che cho người vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc thiếu trách nhiệm để xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

- *Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về môi trường:* Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, khởi kiện về hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; Cá nhân có quyền tố cáo vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường với cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố cáo; Thời hiệu khởi kiện về môi trường được tính từ thời điểm tổ chức, cá nhân bị thiệt hại phát hiện được thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về môi trường của tổ chức, cá nhân khác.

1.2.2.8. Tổ chức đào tạo cán bộ về quản lý môi trường và bảo vệ môi trường KCN

Năm 1992 Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường được thành lập, mà tiền thân của nó là Ủy ban Khoa học Kỹ thuật Nhà nước, với chức năng là quản lý Nhà nước về môi trường. Các Sở Khoa học - Công nghiệp - Môi trường các địa phương sau đó được thành lập với chức năng quản lý về môi trường ở địa phương. Do yêu cầu nhiệm vụ của công tác quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường phù hợp với xu thế phát triển của đất nước trong thời kỳ mới, tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, ngày 05 tháng 8 năm 2002 đã quyết định thành lập Bộ Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở 3 đơn vị chủ yếu hiện có gồm Cục Môi trường; Tổng Cục địa chính và Tổng Cục thủy văn. Cho đến nay, ở Việt Nam đã hình thành hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về môi trường từ trung ương đến địa phương.

Trách nhiệm bảo vệ môi trường KCN của Ban quản lý các KCN:

- Bố trí bộ phận chuyên trách về bảo vệ môi trường để tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường KKT, KCN theo quy định của pháp luật. Người giữ vị trí phụ trách bộ phận chuyên trách về bảo vệ môi trường phải đáp ứng điều

kiện sau:

- + Có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành về quản lý môi trường; khoa học, công nghệ, kỹ thuật môi trường; hóa học, sinh học;
- + Có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực môi trường.
- Xây dựng quy chế phối hợp bảo vệ môi trường KCN giữa Ban quản lý các, KCN với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh thành UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là UBND cấp tỉnh) phê duyệt.

Trách nhiệm bảo vệ môi trường KCN của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN

- Có bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường đáp ứng điều kiện sau:
 - + Có ít nhất ba (03) người;
 - + Người phụ trách về bảo vệ môi trường phải có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành về quản lý môi trường; khoa học, công nghệ, kỹ thuật môi trường; hóa học; sinh học và có tối thiểu hai (02) năm kinh nghiệm làm việc trong các lĩnh vực môi trường.
- Vận hành thường xuyên, liên tục công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường KCN, bảo đảm diện tích cây xanh trong KCN tối thiểu chiếm 10% tổng diện tích của toàn bộ KCN.
- Thực hiện chương trình quan trắc môi trường KCN theo quy định của pháp luật.
- Tổng hợp, báo cáo kết quả quan trắc môi trường và công tác bảo vệ môi trường KCN, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong KCN gửi Ban quản lý các KKT, KCN, Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

1.2.2.9 Nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường Khu công nghiệp

Hiện nay, những tiến bộ của khoa học và công nghệ được ứng dụng nhiều trong công tác quản lý môi trường, trở thành công cụ đắc lực và hiệu quả cho hoạt động quản lý nhà nước về môi trường: Thiết lập sơ đồ mô hình cảnh báo, điều khiển từ xa phục vụ quan trắc các thông số môi trường; phương án công nghệ xử lý nước thải có tính thân thiện với môi trường; xây dựng phương pháp và tiêu chí đánh giá công nghệ; ứng dụng GIS

1.2.2.10. Hợp tác trong và ngoài nước để phòng ngừa, ứng phó và khắc

phục sự cố môi trường trong Khu công nghiệp

- Chương trình quản lý và giám sát môi trường của KCN phải bao gồm kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường với các nội dung chính sau đây:

+ Xác định và đánh giá nguy cơ xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của KCN, các tình huống đối với từng loại nguy cơ có thể xảy ra sự cố môi trường;

+ Các biện pháp phòng ngừa đối với từng sự cố môi trường; biện pháp loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố môi trường;

+ Phương án bố trí lực lượng tại chỗ để bảo đảm sẵn sàng ứng phó và khắc phục đối với từng tình huống sự cố môi trường; kế hoạch tập huấn, huấn luyện về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường;

+ Lắp đặt, kiểm tra và bảo đảm các thiết bị, dụng cụ, phương tiện cần thiết để ứng phó sự cố môi trường;

+ Cơ chế thực hiện, phương thức thông báo, báo động và huy động nguồn nhân lực, trang thiết bị trong và ngoài KCN để ứng phó theo mức độ sự cố môi trường; cơ chế phối hợp giữa các tổ chức, cá nhân liên quan tại khu vực trong quá trình ứng phó sự cố môi trường;

+ Các giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường khi xảy ra sự cố môi trường;

+ Phương án huy động nguồn tài chính cho việc thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường.

Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN có trách nhiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường quy định

1.3. Yếu tố ảnh hưởng quản lý nhà nước về môi trường Khu công nghiệp

1.3.1. Yêu cầu hội nhập kinh tế

Qua hơn 30 năm đổi mới, tầm vóc và vị thế của Việt Nam đã có nhiều thay đổi. Việt Nam đã đạt được những kết quả quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và đang hướng tới các mục tiêu, trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại gắn với nền kinh tế tri thức... Quy hoạch xây dựng các KCN có

vai trò và vị trí hết sức quan trọng trong chiến lược phát triển KT-XH

của quốc gia nhằm định hướng quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp Việt Nam phát triển đồng bộ với hệ thống đô thị - nông thôn quốc gia, đảm bảo phát triển bền vững.

“Đến năm 2030, Việt Nam hoàn thành mục tiêu CNH-HĐH”. Đó là mục tiêu đưa ra trong Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được ban hành ngày 22/3/2018. [5]

Trong công cuộc đổi mới, việc hình thành, phát triển các khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất, khu kinh tế đã tạo động lực thúc đẩy sự nghiệp CNH-HĐH đất nước. Đến hết năm 2018, toàn quốc đã có 326 KCN được thành lập, thu hút hơn 15.000 dự án đầu tư trong nước và nước ngoài với số vốn đăng ký đạt 970 nghìn tỷ vốn đầu tư trong nước và hơn 145 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài. Ngoài những đóng góp về phát triển KT-XH, an ninh quốc phòng, thực trạng hệ thống các KCN còn tồn tại nhiều bất cập, ảnh hưởng đến một số mặt. Quy hoạch hệ thống KCN đã được tích hợp trong hệ thống quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị toàn quốc với tầm nhìn đến năm 2050 cùng những mục tiêu, tiêu chí, tổ chức thực hiện cụ thể gắn với thực tiễn và tầm nhìn dài hạn.

Trước bối cảnh hội nhập quốc tế và sự phát triển của cuộc cách mạng 4.0, Việt Nam cần hướng tới đổi mới, tái cấu trúc và hoàn thiện mô hình các KCN nhằm bắt kịp với xu thế toàn cầu. Phát triển các KCN phải đảm bảo hài hòa lợi ích, lâu dài, lấy hiệu quả KT-XH, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững làm mục tiêu cao nhất.

1.3.2. Khoa học, công nghệ ứng dụng trong quản lý môi trường

Vai trò của khoa học và công nghệ là nền tảng để phát triển bền vững kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường. Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 03/6/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT xác định một trong năm giải pháp để thực hiện Nghị quyết là “^{fc}Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”. [2]

1.3.3. Quy định pháp luật, thể chế và chính sách của nhà nước

Trước bối cảnh phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 khi các yếu tố đầu vào như lao động giá rẻ, tài nguyên dồi dào không còn là thế mạnh của Việt Nam, cần thiết hướng tới tái cấu trúc mô hình các KCN nhằm thu hút các dự án quy mô lớn, công nghệ hiện đại, hàm lượng tri thức cao. Phát triển các KCN phải đảm bảo hài hòa lợi ích, có tầm nhìn dài hạn, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường là mục tiêu cao nhất, khai thác tốt các lợi thế tiềm năng địa phương và phù hợp với định hướng phát triển KT-XH của các vùng lãnh thổ và cả nước. Rà soát hệ thống các KCN, KCN đô thị, KCN trong khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu nhằm hướng hình thành các KCN chuyên ngành, giảm bớt KCN tổng hợp.

Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về Quy hoạch xây dựng KCN theo hướng phát triển bền vững, hội nhập quốc tế trong thời đại CMCN 4.0, bổ sung hướng dẫn quy hoạch thiết kế bền vững về QHXD KCN trong các đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch khu chức năng, quy hoạch đô thị, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết 1/500 các KCN theo mô hình công nghiệp sinh thái, công nghiệp mới.

Công tác BVMT đã được Đảng và Nhà nước ta quan tâm ngay từ khi tiến hành công cuộc đổi mới thông qua việc Nhà nước ta không ngừng kiện toàn cơ chế, chính sách, pháp luật về BVM: tạo hành lang pháp lý cho việc quản lý tài nguyên và môi trường ngày càng hiệu quả hơn. Giai đoạn từ năm 2002 đến tháng 10 năm 2015. Bộ TN&MT đã xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền 726 văn bản, trong đó gồm: 09 luật, 03 nghị quyết của Quốc hội, 01 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, 03 Nghị quyết liên tịch, 04 Nghị quyết của chính phủ, 65 Nghị định, 61 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 11 Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, 341 Thông tư, 61 Thông tư liên tịch, 164 Quyết định của Bộ trưởng Bộ TN&MT và 03 Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ TN&MT và một số Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương.

1.3.4. Nhận thức của các doanh nghiệp

Để xây dựng một tổ chức quản lý môi trường trong một doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, khâu quan trọng nhất đó là chuẩn bị nhân lực. Đó phải là

những người am hiểu các hoạt động của công ty, am hiểu về kỹ thuật cũng như

các văn bản pháp luật, có năng lực khoa học công nghệ và môi trường, am hiểu về hệ thống tiêu chuẩn môi trường

Doanh nghiệp cần thay đổi nhận thức về bảo vệ môi trường nói chung và trong lĩnh vực thương mại nói riêng, tiến tới thay đổi hành vi của công ty trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Theo đó, các doanh nghiệp cần chú ý những vấn đề sau:

Thứ nhất: thực hiện đánh giá tác động môi trường. Hầu như các doanh nghiệp đều thuê dịch vụ tư vấn lập báo cáo vì vậy họ không hiểu tác động môi trường là gì, nội dung như thế nào, có trách nhiệm gì hay không. Do đó, doanh nghiệp cần nghiêm túc thực hiện báo cáo đánh giá tác động và cam kết bảo vệ môi trường khi có kế hoạch triển khai đầu tư dự án. Các công ty cần vận hành liên tục thiết bị khi đi vào sản xuất, tránh tình trạng vận hành đôi phó khi có cơ quan quản lý đến kiểm tra.

Thứ hai: Trong quá trình sản xuất, kinh doanh có nhu cầu sử dụng nước hoặc các tài nguyên khác để sản xuất, phải làm thủ tục xin cấp phép và xả thải theo quy định của pháp luật.

Thứ ba: Các doanh nghiệp cần đầu tư đổi mới công nghệ, áp dụng phương pháp sản xuất sạch để hướng tới sự phát triển bền vững. Công nghệ sạch có thể hiểu là công nghệ không gây ô nhiễm môi trường hoặc phát thải ít chất gây ô nhiễm. Tương tự, nhiên liệu sạch có thể hiểu là các nhiên liệu mà khi sử dụng sẽ không hoặc ít phát thải ra chất gây ô nhiễm môi trường.

1.3.5. Bộ máy nhà quản lý nhà nước về môi trường Khu công nghiệp

Hoạt động quản lý môi trường KCN phụ thuộc vào tổ chức bộ máy quản lý, môi trường KCN sẽ không thể được quản lý tốt nếu tổ chức bộ máy quản lý không hợp lý. Hiện nay ở nhiều nước, cơ quan trực tiếp tiến hành công tác quản lý môi trường nói chung và quản lý nhà nước về môi trường KCN nói riêng quan trực tiếp hoặc gián tiếp ban hành các chính sách, chế độ quản lý môi trường tại KCN (thông qua việc dự thảo các chính sách trình cơ quan có thẩm quyền ký ban hành). Bộ máy quản lý gồm một cơ quan trung ương và các cơ quan địa phương. Với mô hình này, việc giám sát KCN được thực hiện theo

phương thức từ xa, định kỳ theo quy định, tiến hành từ cấp địa phương đến trung ương. Công tác giám sát từ xa nếu được thực hiện đầy đủ, kịp thời sẽ tạo điều kiện cho cơ quan quản lý có được cái nhìn tổng thể về toàn bộ hệ thống môi trường KCN trên toàn quốc. Tuy nhiên, việc quản lý nhà nước về môi trường KCN không chỉ là nhiệm vụ của một cơ quan duy nhất, nó đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ của các cơ quan quản lý môi trường khác như Bộ Tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường, cơ quan quản lý KCN... Các cơ quan này cũng thực hiện việc giám sát tại chỗ đối với các KCN, KCN rất nhạy cảm đối với hoạt động giám sát tại chỗ này.

1.3.6. Trình độ, năng lực của cán bộ quản lý

Trình độ, năng lực của cán bộ quản lý trực tiếp tác động tới hiệu quả hoạt động quản lý môi trường KCN. Bộ máy quản lý nhà nước về môi trường KCN là cơ quan nhà nước trực tiếp tiến hành hoạt động quản lý môi trường tại KCN. Không những thế ở nhiều nước cũng như ở Việt Nam, đây còn là cơ quan trực tiếp tham mưu ban hành các chính sách, chế độ về quản lý nhà nước về môi trường KCN. Bởi vậy, sự am hiểu của cán bộ quản lý về ngành nghề lĩnh vực mình quản lý sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng nắm bắt tình hình của họ với lĩnh vực đó, do đó sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới việc cán bộ quản lý đó có phân tích và đưa ra được những kết luận đúng đắn hay không, có dự thảo ra được những chính sách quản lý đúng đắn hay không. Thêm vào đó, phẩm chất đạo đức của cán bộ quản lý sẽ quyết định việc họ có thực hiện quản lý đúng theo lương tâm trách nhiệm hay không.

Đối với chủ đầu tư KCN - người quản lý trực tiếp chủ các cơ sở trong KCN về môi trường - phải có sự sáng suốt trong việc lựa chọn các cơ sở vào hoạt động trong KCN đồng thời phải có những giám sát chặt chẽ hoạt động ảnh hưởng đến môi trường của chủ các cơ sở trong KCN theo cam kết.

1.3.7. Hạ tầng cơ sở

Giai đoạn 2015-2019, các Bộ và ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố đã xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với 4.614 lượt cơ sở, trong đó có các khu công nghiệp, cơ sở trong khu công nghiệp với tổng số tiền gần 301 tỷ đồng.

Kết quả thanh tra, kiểm tra cho thấy, các vi phạm chủ yếu tập trung vào các

hành vi: không thực hiện, hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nội

dung báo cáo tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt; xả chất thải vượt khung kỹ thuật môi trường; thiếu báo cáo giám sát chất thải định kỳ; lưu giữ và chuyển giao chất thải không đúng quy định.

Một số cơ sở thứ cấp xả nước thải vượt tiêu chuẩn tiếp nhận của chủ đầu tư khu công nghiệp... qua đó các cơ sở vi phạm buộc phải khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Hiện vẫn còn nhiều KCN chưa hoàn thiện các công trình thu gom, xử lý chất thải tập trung. Nhiều KCN đã có trạm xử lý nước thải nhưng chưa hoạt động thường xuyên, nước thải sau khi xử lý chưa đạt quy chuẩn. Việc xả thải khối lượng lớn các chất thải công nghiệp chứa hàm lượng các chất ô nhiễm có độc tính cao đã và đang ảnh hưởng đến các hệ sinh thái tự nhiên, sức khỏe con người và gây tổn hại nhiều ngành kinh tế. Ngay cả với các KCN mặc dù đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung thì việc đầu tư hệ thống quan trắc nước thải tự động tại KCN còn nhiều hạn chế, không theo đúng quy định của Luật BVMT năm 2014

1.4. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về môi trường Khu công nghiệp

1.4.1. Kinh nghiệm Khu Công nghiệp Nhân cơ tỉnh Đắk Nông

Công tác bảo vệ môi trường của Khu Công Nghiệp Nhân Cơ đã xây dựng chiến lược phát triển bền vững và bảo vệ môi trường Cụ thể:

Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường nằm trong kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội, đặt dưới sự chỉ đạo của đảng và nhà nước, từng bước tăng cường đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường

Xây dựng, kiện toàn các cơ quan bảo vệ môi trường của các cấp chính quyền, từ trung ương đến địa phương, hình thành thể chế bảo vệ môi trường hoàn chỉnh, phát huy đầy đủ tác dụng quản lý, giám sát môi trường.

Đẩy mạnh việc áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào công tác bảo vệ môi trường ở Khu Công Nghiệp Nhân Cơ

Khuyến khích người dân tham gia bảo vệ môi trường, đặt đường giây điện thoại tố giác; tăng cường việc công bố thông tin môi trường.

Khu Công Nghiệp Nhân cơ thường xuyên diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh tại Nhà máy sản xuất Alumin Nhân cơ, xây dựng kế hoạch ứng phó sự

cố môi trường tại KCN

1.4.2. Bài học đối với quản lý nhà nước về môi trường tại KCN Tâm Thắng huyện Cư Jut tỉnh Đắk Nông

Vấn đề quản lý nhà nước về môi trường KCN Tâm Thắng rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, các doanh nghiệp đầu nối với hệ thống thu gom nước thải KCN, trình UBND tỉnh phê duyệt phí xử lý nước thải, tổ chức triển khai đến từng doanh nghiệp.

Thứ hai, kinh nghiệm về phân cấp và phân công trách nhiệm rõ ràng, cụ thể theo hướng tổ chức quản lý tập trung: chủ đầu tư KCN, BQL cần được UBND các (tỉnh và huyện), Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành khác có liên quan Trong thời gian tới, phải có biện pháp để nâng cao năng lực quản lý về môi trường cho chủ đầu tư KCN, BQL cả về nhân lực và trang thiết bị để tạo điều kiện cho các BQL chủ động hơn trong thực hiện nhiệm vụ về bảo vệ môi trường KCN,.

Thứ ba, chủ đầu tư KCN chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của KCN; xây dựng và hoàn thiện các hệ thống xử lý nước thải tập trung, các hạng mục này cần được thiết kế đúng và phù hợp điều kiện thực tế, xây dựng và lắp đặt đúng thiết kế, duy trì hoạt động ổn định và hiệu quả trong suốt quá trình hoạt động của KCN; tham gia ứng phó các sự cố môi trường trong KCN. Chủ đầu tư KCN cần bố trí địa điểm và xây dựng các khu vực lưu giữ tạm thời và trung chuyển các chất thải rắn, chất thải nguy hại từ các doanh nghiệp trong KCN.

Thứ tư, tất cả các doanh nghiệp trong KCN có nước thải phải xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN, trường hợp chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung thì từng doanh nghiệp phải xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài. Các doanh nghiệp có phát sinh khí thải phải có hệ thống xử lý khí thải đạt quy chuẩn Việt Nam trước khi xả thải. Các doanh nghiệp trong KCN có phát sinh chất thải nguy hại phải có hợp đồng với các đơn

vị có chức năng và đủ năng lực để thu gom và xử lý đúng cách.

Thứ năm, phối hợp với các cơ quan có chức năng thành lập đoàn kiểm tra về tình hình tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp trong khu. Từ đó giúp phát hiện ra các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Thứ sáu, tổ chức các lớp tập huấn về quản lý và giữ gìn vệ sinh môi trường cho từng cán bộ, công nhân và các doanh nghiệp kinh doanh thứ phát trong KCN. Tập trung tuyên truyền, hướng dẫn cho mọi người về Luật bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật bang cách lồng ghép vào những nội quy chung ở nơi sinh sống. Những đơn vị, cá nhân có thành tích trong công tác bảo vệ môi trường cần được khen thưởng và phê bình đối với các trường hợp vi phạm.

Thứ bảy, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư công nghệ tiên tiến, áp dụng sản xuất sạch hơn vào dây chuyền sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm mà giảm bớt ô nhiễm môi trường. Nghiêm cấm việc chuyển giao và nhập khẩu công nghệ không đảm bảo chất lượng vào các cơ sở sản xuất.

Tiểu kết chương 1

Trong một thế giới hiện đại, sự phát triển của kinh tế đất nước đòi hỏi các quốc gia phải mở rộng thị trường, hình thành thị trường khu vực và quốc tế. Đây chính là động lực chủ yếu thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế.

Vì vậy nền kinh tế chính là xương sống cho đất nước phát triển, để thúc đẩy nền kinh tế đất nước phát triển bền vững có chiều sâu. Việc phát triển các KCN là điều tất yếu nhất là trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa- hiện đại hóa đất nước là đi đôi với quản lý môi trường vừa là mục tiêu, vừa là nguyên tắc trong quá trình phát triển bền vững mà Đảng đề ra.

Quản lý nhà nước về môi trường Khu công nghiệp được xác định rõ chủ thể là nhà nước, bằng chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn của mình đưa ra các biện pháp, luật pháp, chính sách kinh tế, kỹ thuật, xã hội thích hợp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường sống và phát triển bền vững kinh tế - xã hội quốc gia. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan môi trường cấp bộ, ngành, địa phương, các cơ sở sản xuất, kinh doanh thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các bộ luật quản lý tài nguyên, các văn bản pháp lý có liên quan.

Hiện nay, chính phủ đang đánh giá cao sự tham gia của khu vực tư nhân trong cung cấp dịch vụ công (lĩnh vực mà trước đây chỉ có nhà nước đảm nhiệm), và vì vậy để khuyến khích sự tham gia mạnh mẽ vào khu vực này, chính phủ đã không ngừng hoàn thiện khuôn khổ pháp lý theo hướng mở rộng phạm vi tham gia, hình thức tham gia và các cơ chế khuyến khích, hỗ trợ, cơ chế chia sẻ rủi ro với các nhà đầu tư để cổ phần hóa các Công ty Phát triển hạ tầng KCN trên cả nước.

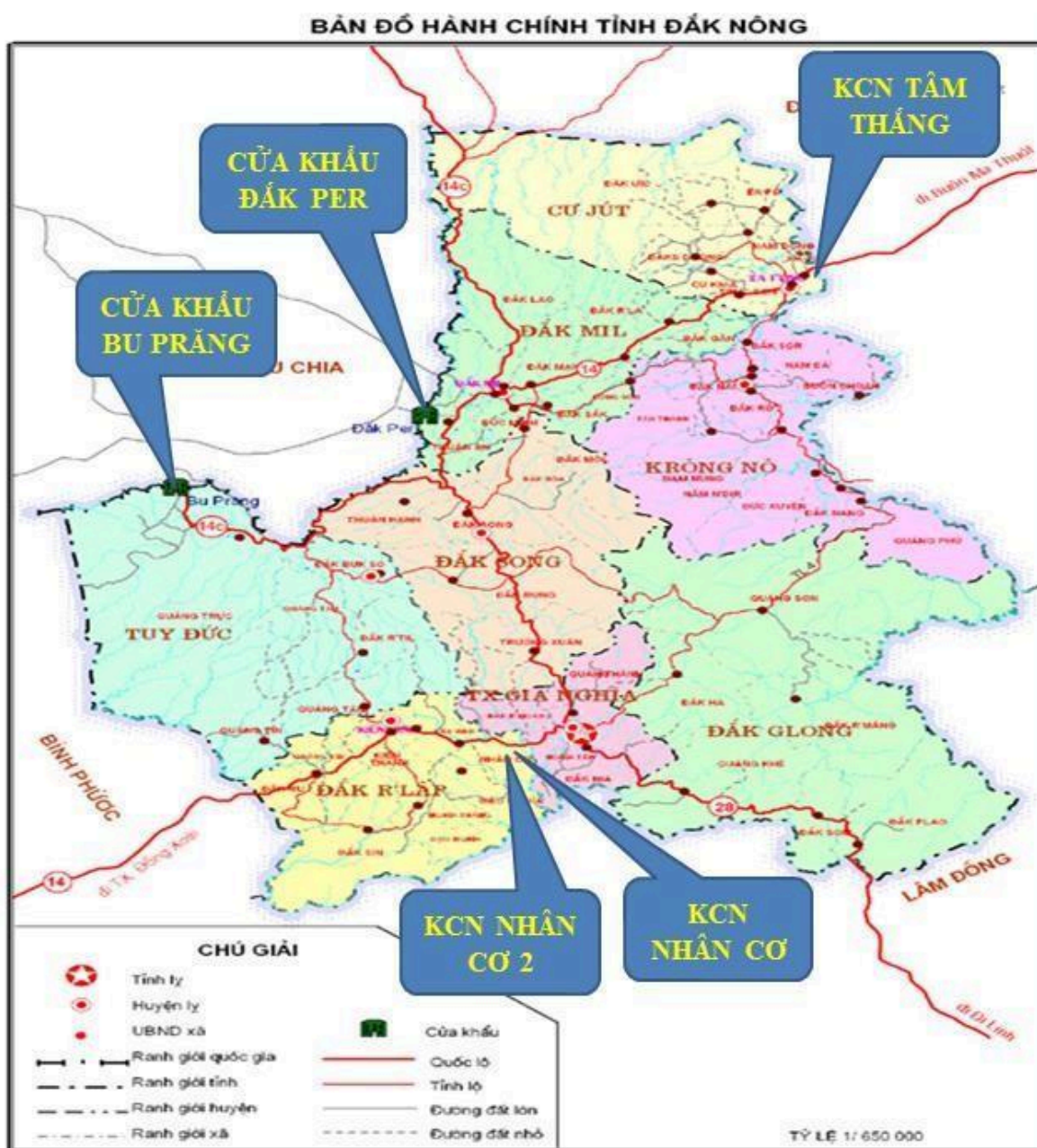
Chương 1, trình bày pháp luật về quản lý môi trường về nhà nước, cũng rút ra những kinh nghiệm bài học để áp dụng nghiên cứu thực trạng quản lý nhà nước về Khu công nghiệp Tâm Thắng huyện Cư Jut Tỉnh Đắk Nông.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG TẠI KHU CÔNG NGHIỆP TÂM THẮNG HUYỆN CƯ JUT, TỈNH ĐẮK NÔNG

2.1. Tổng quan về Khu công nghiệp Tâm Thắng huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông

2.1.1. Vị trí địa lý Khu công nghiệp



Hình 2.1: Bản đồ hành chính tỉnh Đắk Nông

Vị trí địa lý kinh tế - chính trị- xã hội Huyện Cư Jut

Cư Jut được thành lập theo Quyết định số 227/HĐBT ngày 19-6-1990 của Hội

đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ); là địa phương nằm phía bắc của tỉnh

Đắk Nông, tiếp giáp với thành phố Buôn Ma Thuột của tỉnh Đắk Lắk năng động, có Quốc lộ 14, Quốc lộ 28 đi qua tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu kinh tế - văn hóa với các tỉnh Tây nguyên và TP Hồ Chí Minh.

Huyện có dòng sông Sêrêpôk chảy qua với chiều dài khoảng 40km tạo nhiều tiềm năng phát triển thủy điện, du lịch sinh thái gắn với các di tích lịch sử của Công viên địa chất Đắk Nông; có đường biên giới dài khoảng 20km tiếp giáp với huyện Perchamda, tỉnh Muldukiri, Campuchia... [7]

Kinh tế

Được thành lập với xuất phát điểm thấp, cơ sở hạ tầng hầu như chưa có gì; tỷ lệ hộ nghèo cao; đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn; kinh tế chủ yếu là nông nghiệp tự cung tự cấp; công nghiệp, thương mại - dịch vụ nhỏ lẻ; an ninh nông thôn, biên giới diễn biến phức tạp... đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình xây dựng và phát triển. Tuy nhiên, kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang của vùng đất giàu nghị lực, Huyện Cư Jút xác định phương hướng, nhiệm vụ và tập trung lãnh đạo các nhiệm vụ trọng tâm; thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng - an ninh; nhanh chóng ổn định tổ chức, xác định các khâu tập trung, đột phá, khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội, từng bước khắc phục khó khăn từ những ngày đầu thành lập để vững bước đi lên.

Từ vùng đất chỉ có khoảng 14.000 dân sống tập trung ven Quốc lộ 14 khi mới thành lập, đến nay dân số toàn huyện phát triển hơn 92.000 người, sinh sống trên tám xã, thị trấn với 23 dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 48%. Mức tăng trưởng kinh tế bình quân hơn 9%/năm, cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo định hướng ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản chiếm 40%, ngành thương mại - dịch vụ chiếm 35%, ngành nông nghiệp chiếm 25%; thu nhập bình quân đầu người đạt 44,9 triệu đồng/người/năm; thu ngân sách địa phương hằng năm đạt gần 300 tỷ đồng, tăng 118 lần so với khi mới thành lập huyện

Sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện, những năm gần đây Cư Jút đã tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, xây dựng vùng sản xuất tập trung theo chuỗi liên kết để nâng cao giá trị gia tăng và thu nhập của người dân; tăng trưởng ngành nông nghiệp đạt 6%, giá trị

thu nhập trên 1ha canh tác đạt 82 triệu đồng.

Hệ thống kênh mương, hồ đập thủy lợi đã được đầu tư, nâng cấp bảo đảm nước tưới cho hơn 1.200 ha lúa nước và diện tích gieo trồng hơn 40.000 ha/năm. Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt được những kết quả toàn diện, thiết thực; tổng nguồn vốn xã hội huy động cho nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016-2020 đạt 766,6 tỷ đồng, đến nay đã có 4/7 xã đạt xã nông thôn mới, phấn đấu năm 2020 đủ điều kiện công nhận đô thị loại 4; bộ mặt nông thôn ngày càng khởi sắc, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện và từng bước nâng cao; cơ cấu kinh tế, chuyển dịch lao động nông thôn từng bước thay đổi bắt kịp với sự phát triển chung của địa phương và đất nước.

Văn hóa – Xã hội

Trên địa bàn huyện Cư Jút có đến 25 dân tộc cùng sinh sống xen kẽ ở 127 thôn, buôn, bon, tổ dân phố thuộc 8 xã, thị trấn nên mang đậm bản sắc văn hóa của nhiều vùng miền, dân tộc

Văn hóa - xã hội đạt nhiều kết quả tích cực, chất lượng giáo dục được nâng lên, phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi đạt 100%; toàn huyện có 27/48 trường đạt chuẩn quốc gia; chất lượng nguồn nhân lực ngày càng tăng; tỷ lệ cán bộ công chức có trình độ trung cấp trở lên đạt 90%; công tác bảo tồn, khôi phục các lễ hội truyền thống được quan tâm tạo điều kiện để nhân rộng, phát huy; công tác giảm nghèo, an sinh xã hội được chăm lo; chương trình giảm nghèo, các chính sách đối với người có công, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện kịp thời, đầy đủ; hằng năm, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho gần 2.000 người góp phần ổn định đời sống nhân dân, không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 4,02%. Là địa bàn trọng yếu về quốc phòng, an ninh. [7]

2.1.2. Khái quát về Khu công nghiệp Tâm Thắng huyện Cư Jút

Dự án xây dựng Khu công nghiệp Tâm Thắng được thực hiện tại vị trí có kinh tuyến 108⁰1'46'' và vĩ tuyến 12⁰38'46'' với diện tích quy hoạch là 181ha (diện tích trong hàng rào), thuộc địa phận xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, KCN Tâm Thắng cách thành phố Buôn Ma Thuột 14 km về phía Tây Nam.

Giới hạn của KCN Tâm Thắng như sau:

- Phía Bắc: Giáp Quốc Lộ 12 (cách khu dân cư gần nhất 200m)
- Phía Nam: Giáp khu đất trũng chân núi.
- Phía Đông: Giáp khu cây xanh ven sông Serepok.
- Phía Tây: Giáp khu đất ruộng xã Tâm Thắng

Khu công nghiệp Tâm thắng được thành lập theo Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 28/10/2002 Về việc thành lập và phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tâm Thắng, tỉnh Đắk Lắk

Quyết định số 1829/QĐ-UB, ngày 15/7/2002 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập Công ty phát triển Hạ Tầng Khu Công Nghiệp Tâm Thắng. Sau khi tác tỉnh Khu Công Nghiệp Tâm Thắng thuộc về tỉnh Đắk Nông,

Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tâm Thắng, tỉnh Đắk Nông

Chủ đầu tư: Công ty Phát triển Hạ tầng khu công nghiệp Tâm Thắng

Cơ quan chủ quản: Ban quản lý các KCN tỉnh Đắk Nông

Địa điểm: Xã Tâm Thắng, huyện Cư Jut tỉnh Đắk Nông.

Diện tích Khu công nghiệp: 181ha

Tổng mức vốn đầu tư: 191 tỉ đồng

Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Tâm Thắng với diện tích 181ha, với đầy đủ phân khu chức năng và tổ chức các hệ thống kỹ thuật hạ tầng.

Thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước thuê đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp trong KCN Tâm Thắng. Tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Khu công nghiệp Tâm Thắng là KCN tập trung đa ngành, có quy mô vừa và nhỏ, được áp dụng công nghệ cao, hiện đại, sử dụng nguồn nhiên liệu và nhân lực tại chỗ, trọng tâm sẽ tập trung các ngành công nghiệp sau:

- + Sản xuất thức ăn gia súc
- + Chế biến mọt
- + Sản xuất đường
- + Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch)
- + Sản xuất phân bón

- + Dệt may (không có nhuận)
- + Sản xuất sản phẩm nhựa và đồ gia dụng
- + Cơ khí lắp ráp ô tô
- + Sản xuất cón công nghiệp

Phân khu chức năng bao gồm:

- Khu xây dựng nhà máy
- Khu trung tâm điều hành
- Khu xây dựng đầu mối kỹ thuật (xử lý chất thải, cấp điện, cấp nước...)
- Khu cây xanh, mặt nước.

Phân bố cơ cấu diện tích đất cho các khu chức năng được trình bày trong bảng

2.1:

***Bảng 2.1 Cơ cấu diện tích đất cho các phân khu chức năng của
Khu công nghiệp Tâm Thắng***

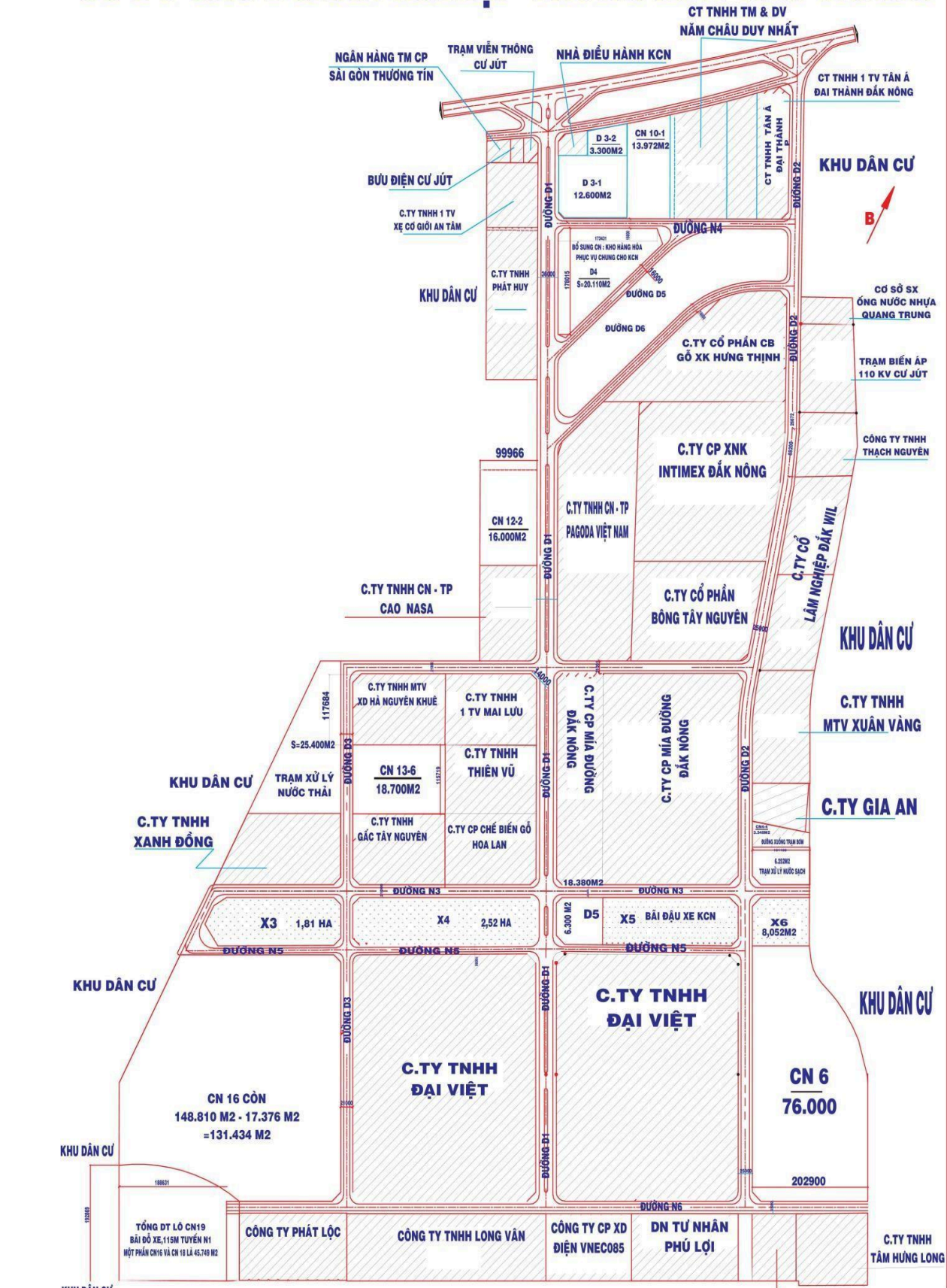
- Khu trung tâm điều hành và công trình dịch vụ

TT	Các công trình	Diện tích(ha)
1	Khối quản lý điều hành	0,2
2	Khối dịch vụ trung tâm - Ngân hàng - Bảo hiểm	2,9

	- Thuế quan - Dịch vụ tổng hợp(tư vấn khoa học, kỹ thuật, công nghệ) - Tổng đài và bưu chính viễn thông - Các văn phòng đại diện - Trụ sở của các công ty dịch vụ vệ sinh công nghiệp - An ninh và bảo vệ....	
3	Khu giao dịch giới thiệu sản phẩm, chuyên giao công nghệ - Văn phòng đại diện - Trưng bày quảng cáo sản phẩm - Trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề, chuyển giao công nghệ	1,6
4	Dịch vụ công nghiệp khác - Trạm sơ cấp cứu - Dịch vụ ăn uống - Dịch vụ vận tải - An ninh và bảo vệ...	0,62

- Các khu xây dựng nhà máy, xí nghiệp công nghiệp

SƠ ĐỒ CÁC DOANH NGHIỆP TRONG KCN TÂM THẮNG



STT	Hạng mục	Quy hoạch	
		Diện tích(ha)	Tỷ lệ(%)

1	Đất xây dựng nhà máy	124,6	68,9
2	Đất nhà điều hành	0,2	0,1
3	Đất công trình, dịch vụ khu công nghiệp	5,1	2,8
4	Đất cây xanh	20,9	11,5
5	Đất công trình đấu nối	2,6	1,4
6	Đất giao thông	27,6	15,3
	Tổng cộng	181	100

Hình 2.2: Phân cụm Công nghiệp theo loại hình công nghiệp.

+ Tiếp giáp với khu vực trung tâm điều hành và dịch vụ là ngành công nghiệp sạch như: May mặc, bông sợi, cơ khí chính xác, điện tử. Tổng diện tích ngành công nghiệp sạch là 31,2 ha (*chiếm tỷ lệ 25% diện tích đất xây dựng nhà máy, kho tàng*), bố trí tại các lô: CN1, CN2, CN10, CN11 và CN12.

+ Tại khu vực trung tâm bố trí ngành công nghiệp ít có khả năng gây ô nhiễm, bao gồm các loại hình như: Chế biến nông, lâm sản (*không sản xuất hóa chất*), cơ khí, VLXD, thủ công mỹ nghệ. Tổng diện tích cụm công nghiệp này là 56,6 ha (*chiếm tỷ lệ 45% diện tích đất xây dựng nhà máy, kho tàng*), bố trí tại các lô từ CN3 đến CN8, CN13 và CN14.

+ Khu vực phía Tây Nam của KCN là các ngành công nghiệp có khả năng gây ô nhiễm cần có các biện pháp kiểm soát đặc biệt như các loại hình chế biến nông- lâm sản có dùng hóa chất. Tổng diện tích cụm công nghiệp này là 32,8 ha (*chiếm tỷ lệ 26%*), bố trí tại các lô : CN15, CN16, CN17 và CN18.

+ Bố trí kho hàng hóa có khả năng gây ô nhiễm, cần có biện pháp bảo vệ đặc biệt Tại lô CN18 (diện tích 2,2 ha).

Phân cụm theo loại hình công nghiệp được thể hiện trên sơ đồ 3 – Phụ lục 2

- Các khu cây xanh

Tổng diện tích đất cây xanh là 20,9 ha, chiếm tỷ lệ 11,5% diện tích đất KCN. Tuy tỷ lệ đất cây xanh trong hàng rào chỉ chiếm 11,5% nhưng do KCN Tâm Thắng nằm kề cận với diện tích cây xanh ven sông và diện tích mặt thoáng của sông Serepok nên trong thực tế diện tích đất cây xanh và không gian thoáng phục vụ cho KCN cũng như cho vấn đề cách ly, BVMT sẽ lớn hơn rất nhiều.

Tính đến tháng 9 năm 2020 Khu công nghiệp Tâm Thắng đã thu hút được 45 dự án đầu tư.

Trong đó:

Dự án thuê lại đất hoạt động: 32 dự án (68,37%)

Dự án đang xây dựng cơ bản: 04 dự án (4,27%)

Dự án đăng ký đầu tư: 04 dự án (18,15%)

Dự án đã bị thu hồi GCN ĐKĐT: 05 dự án (7,35%)

Tỷ lệ lấp đầy KCN (hực tế DN đang quản lý, sử dụng và đầu tư XD CB): 72,64%

Tỷ lệ lấp đầy KCN tính cả đang hoạt động, ĐTXD, dự án đăng ký đầu tư: 86,52%

Tỷ lệ lấp đầy KCN tổng thể (đang hoạt động, XD CB, Đăng ký đầu tư, thu hồi: 98,18%

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hạ tầng kỹ thuật và xã hội KCN Tâm Thắng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước với tổng mức đầu tư là 191 tỷ đồng, hiện nay đã hoàn thành cơ bản hệ thống giao thông chính:

+ Hệ thống giao thông: hệ thống giao thông nội vùng trong KCN được đầu tư xây dựng đồng bộ hoàn chỉnh, có Quốc lộ 1A đi qua KCN.

+ Hệ thống cấp điện: đường dây 22KV từ trạm biến áp 110KV đến ngoài hàng rào KCN.

+ Hệ thống thông tin liên lạc: đường dây điện thoại đã được lắp đặt sẵn tới ranh giới các khu đất, cung cấp đầy đủ theo nhu cầu, không hạn chế số lượng.

+ Áp dụng chính sách 1 giá thuê đất đối với các tổ chức, cá nhân không phân biệt trong nước và ngoài nước có hoạt động sản xuất kinh doanh KCN.

+ Giá thuê đất sản xuất KCN Tâm Thắng: 6.000 VND/m²/năm.

+ Giá thuê kinh doanh dịch vụ KCN Tâm Thắng: 7.000 VND/m²/năm.

Chính sách ưu đãi đầu tư vào KCN:

Các dự án đầu tư vào KCN Tâm Thắng, ngoài việc được hưởng các chính sách về khuyến khích, ưu đãi đầu tư chung theo quy định của Chính phủ, các nhà đầu tư còn được hưởng các chính sách về khuyến khích, ưu đãi đầu tư riêng theo Nghị quyết 06/2018/NQ-HDND ngày 02 tháng 8 năm, về việc chính sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư vào tỉnh Đắk Nông.

+ Đối với các dự án đầu tư ngoài các khu, cụm công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

Hỗ trợ kinh phí xây dựng một số hạng mục, bao gồm: đường giao thông kết nối từ đường giao thông trục chính đến hàng rào dự án; hệ thống thoát nước kết nối từ hàng rào dự án đến hệ thống thoát nước công cộng; hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hỗ trợ 30% kinh phí theo quyết toán chi phí hoàn thành dự án đối với các hạng mục nêu trên gắn với hoạt động dân sinh, nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án;

- Hỗ trợ 20% kinh phí theo quyết toán chi phí hoàn thành dự án đối với các hạng mục nêu trên không gắn với hoạt động dân sinh, nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án.

+ Đối với các dự án thuê mặt bằng trong khu, cụm công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Miễn tiền thuê mặt bằng (gồm tiền thuê đất và thuê hạ tầng) cho đến khi hoàn thành dự án, có sản phẩm bán ra thị trường, nhưng không quá 24 tháng; trường hợp dự án chậm tiến độ vì những lý do khách quan (không thuộc trách nhiệm của nhà đầu tư) thì được xem xét kéo dài thời gian miễn tiền thuê mặt bằng, nhưng tổng thời gian được miễn tiền thuê mặt bằng không quá 36 tháng;

- Giảm 50% tiền thuê mặt bằng (gồm tiền thuê đất và thuê hạ tầng) trong 02 năm tiếp theo, kể từ khi có sản phẩm bán ra thị trường;

- Việc hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Quy định này, được thông qua việc bù giá cho nhà đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để giảm giá cho thuê mặt bằng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Số tiền bù giá được trừ vào số tiền thuê đất của nhà đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc được cấp bù từ ngân sách địa phương (trong trường hợp mức giảm giá thuê mặt bằng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa vượt quá tiền thuê đất của nhà đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao).

- Các doanh nghiệp nhỏ và vừa (trừ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp có vốn thuộc sở hữu nhà nước) thuê mặt bằng tại các khu, cụm công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ thuê mặt bằng theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều này (không bắt buộc phải thuộc danh mục dự án được khuyến khích, hỗ trợ đầu tư ban hành kèm theo Quy định này).

Hỗ trợ về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Thuê chuyên gia: Hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng thuê chuyên gia (mỗi hợp đồng cho 01 chuyên gia) có thời hạn từ 06 tháng trở lên cho các nhiệm vụ cần thiết của dự án công nghệ cao, nhưng không quá 03 hợp đồng/dự án, 150 triệu đồng/hợp đồng/năm, thời gian hỗ trợ không quá 02 năm/dự án;

- Hỗ trợ đào tạo nghề: Hỗ trợ đối với người lao động địa phương (cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật) trong các dự án công nghệ cao, gửi đi đào tạo tại các cơ sở đào tạo nghề trong và ngoài nước, sau đào tạo được cấp chứng chỉ nghề, nhưng không quá 10 triệu đồng/người, 15 người/dự án.

- Hỗ trợ về công nghệ và thiết bị

Hỗ trợ kinh phí chuyển giao công nghệ, đầu tư máy móc, thiết bị, sản xuất thử nghiệm: 30% kinh phí theo quyết toán chi phí hoàn thành đối với các hạng mục nêu trên, nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án.

+ Các dự án nông nghiệp ứng dụng các công nghệ sau: lai tạo giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản có ứng dụng các kỹ thuật sinh học phân tử để tạo ra các giống cây, con mới có đặc tính ưu việt (năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng kháng bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu); nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào, đột biến phóng xạ, ngoài các hỗ trợ tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, còn được giao quỹ đất sạch để thực hiện dự án (không quá 02 ha/dự án); trường hợp nhà nước không có quỹ đất sạch để giao cho nhà đầu tư thì nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (theo phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt), nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án.

2.1.3. Các ngành nghề hoạt động trong Khu công nghiệp

Tổng số doanh nghiệp hoạt động trong KCN 32 doanh nghiệp (*xem bảng dưới*), trọng tâm sẽ tập trung các ngành công nghiệp sau:

- + Sản xuất thức ăn gia súc
- + Chế biến mủ
- + Sản xuất đường
- + Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch)
- + Sản xuất phân bón

- + Dệt may (không có nhuận)
- + Sản xuất sản phẩm nhựa và đồ gia dụng
- + Cơ khí lắp ráp ô tô
- + Sản xuất cón công nghiệp

Bảng 2.2. Bảng tổng hợp các cơ sở sản xuất trong KCN

STT	Tên Công ty	Loại hình sản xuất
1	Công ty CP chế biến gỗ xuất khẩu Hưng Thịnh	Nhà máy Chế biến gỗ xuất khẩu
2	Công ty TNHH Công nghiệp Thực phẩm PAGODA (Việt Nam)	Nhà máy Chế biến nông sản xuất khẩu
3	Viễn thông Đắk Nông	Trạm viễn thông và cột ăng-ten đứng
4	Bưu điện tỉnh Đắk Nông	Điểm cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông, tin học
5	Công ty TNHH Tân Á Đại Thành Đắk Nông	Nhà máy sản xuất các sản phẩm Inox, nhựa và đồ gia dụng
6	Công ty TNHH MTV Gas Phụng	Xưởng sang chiết gas
7	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Phòng giao dịch Đắk Nông
8	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Nhà máy sản xuất bê tông ly tâm
9	Công ty TNHH Vũ Nguyên Đắk Nông	Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng
10	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại và Dịch vụ Xanh Đồng	Nhà máy sản xuất phân vi sinh
11	Công ty Cổ phần Intimex Đắk Nông	Nhà máy sản xuất cà phê chất lượng cao
12	Công ty TNHH MTV Long Bình Đắk Nông	Nhà máy sản xuất thép xây dựng

13	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Năm Châu Duy Nhất	Xưởng cơ khí lắp ráp ô tô và xe máy phục vụ công nông nghiệp
14	Công ty TNHH một thành viên chế tạo máy An Tâm	Xưởng lắp ráp xe cơ giới chuyên dùng

15	Công ty TNHH Độ Nam Tiến	Xưởng tinh chế gỗ
16	Công ty TNHH tư vấn và xây lắp 504	Nhà máy sản xuất bê tông đúc sẵn
17	Cơ sở sản xuất ống nước nhựa Quang Trung	Xưởng sản xuất ống nhựa Quang Trung
18	Công ty cổ phần chế biến gỗ Hoa Lan	Nhà máy chế biến gỗ
19	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Thiên Vũ Đắc Nông	Nhà máy sản xuất gạch không nung và bê tông thương phẩm
20	Công ty TNHH ASIA ASSOCIATES	Nhà máy sản xuất bột nhang
21	Công ty TNHH ITV TM&DV An Toàn Phát	Nhà máy sản xuất các loại than sạch
22	Công ty TNHH Sản xuất ông nghiệp Lai Hưng	Nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu
23	Công ty Cổ phần ván công nghệ cao BISION	Nhà máy sản xuất Ván dán
24	Công ty Cổ phần Bông Tây Nguyên	Nhà máy chế biến Bông Tâm Thắng
25	Công ty TNHH Đại Việt	Nhà máy sản xuất cùn công nghiệp
26	Công ty TNHH Hoàng Khánh Phát	Cơ sở lắp ráp, bảo dưỡng, sửa chữa, dịch vụ và mua bán xe ô tô.
27	Công ty TNHH Thực phẩm công nghệ cao Nasa	Nhà máy sản xuất các loại nấm ăn cao cấp
28	Công ty TNHH Gác Tây Nguyên	Nhà máy chế biến các sản phẩm từ quả gác
29	Doanh nghiệp tư nhân Phú Lợi	Nhà máy chế biến thức ăn gia súc
30	Công ty TNHH MTV Vinh Phượng	Xưởng sản xuất than gỗ
31	Công ty TNHH dầu FO Tây Nguyên	Nhà máy sản xuất dầu FO

32	Công ty CP chế biến nông sản thực phẩm Thái An	Nhà máy chế biến nông sản, thực phẩm
33	Công ty TNHH MTV Đại Đoàn Kết	Xưởng chế biến than
34	Công ty TNHH An Phát Đắk Nông	Chợ

2.1.4. Khái quát về các đơn vị đã và sẽ đầu tư tại Khu công Nghiệp

Thông qua mô hình hoạt động đã dễ dàng thực hiện các chính sách hỗ trợ cho các nhà đầu tư, đảm bảo chính sách thu hút kêu gọi đầu tư của tỉnh; Thuận lợi điều tiết và khống chế các mức thu như: Giá cho thuê sử dụng dịch vụ kết cấu hạ tầng KCN, phí xử lý nước thải,.....trong KCN và kích thích các thành phần kinh tế khác đầu tư phát triển kinh tế xã hội tại địa bàn.

Tính đến hết tháng 09 năm 2020, KCN Tâm Thắng có 44 dự án đầu tư. Trong đó có 31 dự án đang hoạt động, 05 dự án đang xây dựng cơ bản, 05 dự án đã thu hồi giấy chứng nhận đầu tư nhưng chưa bàn giao lại đất, 03 dự án đăng ký đầu tư. Tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp như sau:

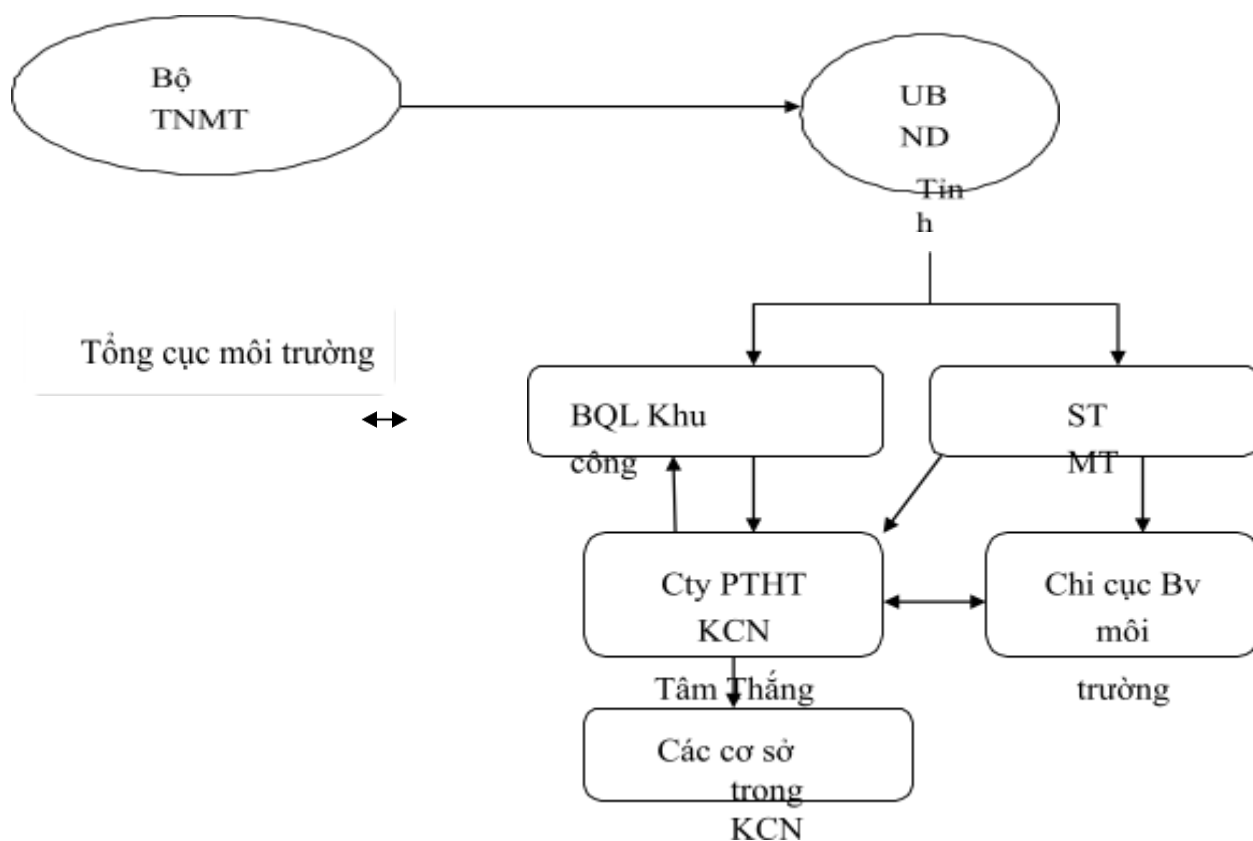
- Tỷ lệ đạt 79,17 %/ tổng các dự án đang hoạt động và đang xây dựng.
- Tỷ lệ 89,20%/ tổng các dự án đang hoạt động và đang xây dựng và mới đăng ký đầu tư.
- Tỷ lệ 96,59%/ tổng các dự án đang hoạt động và đang xây dựng, mới đăng ký đầu tư và bao gồm cả dự án đã thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án nhưng chưa bàn giao lại đất.

Danh mục các ngành nghề thu hút đầu tư: Sản xuất thức ăn gia súc chế biến mộc, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất phân bón, Dệt may (không có nhuộm) sản xuất sản phẩm nhựa và đồ gia dụng, cơ khí lắp ráp ô tô, sản xuất cón công nghiệp.

2.2 Thực trạng quản lý Nhà nước về môi trường tại Khu công nghiệp Tâm Thắng huyện Cư Jut

2.2.1. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực bảo vệ môi trường

Theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2005, các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bộ máy quản lý môi trường đối với KCN Tâm Thắng được thể hiện theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý môi trường tại KCN Tâm Thắng tỉnh Đắk Nông

- Đối với cấp tỉnh: Theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh Đắk Nông “Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Tài nguyên và Môi trường” quy định: “Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường gồm: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ công về các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng của Sở.”. [20]

Bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường từng bước được kiện toàn, cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác bảo vệ môi trường; đối với cấp tỉnh Chi cục Bảo vệ môi trường hiện nay có 12 cán bộ, công chức đã qua đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu công tác bảo vệ môi trường (hiện

nay theo chỉ đạo của Trung ương về tinh gọn bộ máy, Chi cục Bảo vệ môi

trường không có cấp phòng, không có tài khoản riêng); Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường có 20 viên chức; quỹ bảo vệ môi trường có 05 hợp đồng lao động (*các đơn vị này sẽ thực hiện tự chủ 100% từ năm 2020*); Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh có 02 công chức. Bên cạnh đó còn có lực lượng cảnh sát môi trường với 30 cán bộ chiến sỹ; các huyện, thị xã đều có Phòng Tài nguyên và Môi trường có từ 01 đến 02 cán bộ phụ trách công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; riêng các xã, phường, thị trấn do cán bộ địa chính - nông nghiệp - xây dựng kiêm nhiệm công tác bảo vệ môi trường.[21]

- Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; báo cáo trước Hội đồng nhân dân, trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo yêu cầu;

- Phó Giám đốc Sở là người giúp Giám đốc Sở, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công;

- Việc bổ nhiệm Giám đốc Sở và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành và theo quy định của pháp luật;

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức trực thuộc Sở theo phân cấp do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường không kiêm chức danh Trưởng của đơn vị cấp dưới có tư cách pháp nhân. Việc miễn nhiệm, cho từ chức, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Sở thực hiện theo quy định của pháp luật.

- + Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ

- Văn phòng;

- Thanh tra;

- Phòng Kế hoạch - Tài chính;

- Phòng Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám;

- Phòng Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu;
- Phòng Khoáng sản;
- Phòng Tài nguyên nước;
- Chi cục Bảo vệ môi trường (có không quá 04 phòng);
- Chi cục Quản lý đất đai (có không quá 04 phòng);
- + Các đơn vị sự nghiệp công lập
- Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất;
- Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;
- Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường (trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Đo đạc và tư vấn tài nguyên môi trường)

Theo Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk .

+ Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Nông là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông trực tiếp thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; quản lý và tổ chức thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho nhà đầu tư trong khu công nghiệp.

+ Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Nông do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, chịu sự chỉ đạo và quản lý về tổ chức, biên chế, chương trình kế hoạch công tác và kinh phí hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của các bộ, ngành quản lý về ngành, lĩnh vực có liên quan; có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông trong công tác quản lý khu công nghiệp.

Cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Nông gồm lãnh đạo Ban; bộ máy giúp việc; đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

- Lãnh đạo Ban gồm: Trưởng Ban và các Phó Trưởng Ban (số lượng các Phó Trưởng Ban theo quy định của pháp luật).

Trưởng Ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông bổ nhiệm, miễn nhiệm. Phó Trưởng Ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban.

Trưởng Ban có trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Nông, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông và pháp luật về hoạt động và hiệu quả hoạt động của khu công nghiệp.

- Bộ máy giúp việc, gồm: Văn phòng; phòng Nghiệp vụ Tổng hợp.

- Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc: Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tâm Thắng.

Theo quy định tại Quyết định số 643/QĐ-BQLKCN ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Nông phê duyệt Đề án sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn tổ chức bộ máy Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tâm Thắng, gồm: 03 phòng, gồm:

- + Ban Giám đốc Công ty:

Ban Giám đốc Công ty gồm 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc

- + Các phòng thuộc Công ty:

- Phòng Tổ chức – Hành chính;

- Phòng Kế hoạch – Tài chính;

- Phòng Môi trường.

Biên chế và số người làm việc của đơn vị là 20 người.

2.2.2. Xây dựng chiến lược, quy hoạch bảo vệ môi trường

- Bảo vệ môi trường là yêu cầu sống còn của nhân loại; Chiến lược bảo vệ môi trường là bộ phận cấu thành không tách rời của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược phát triển bền vững; bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững nhằm đáp ứng nhu cầu của các thế hệ hiện tại nhưng vẫn giữ được tiềm năng và cơ hội cho các thế hệ mai sau; đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững.

- Phát triển phải tôn trọng các quy luật tự nhiên, hài hòa với thiên nhiên, thân thiện với môi trường; khuyến khích phát triển kinh tế phù hợp với đặc tính

sinh thái của từng vùng, ít chất thải, các-bon thấp, hướng tới nền kinh tế xanh.

- Ưu tiên phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm; coi trọng tính hiệu quả, bền vững trong khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên; chú trọng bảo tồn đa dạng sinh học; từng bước phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội, là nghĩa vụ của mọi người dân; phải được thực hiện thống nhất trên cơ sở xác định rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành, phân cấp cụ thể giữa Trung ương và địa phương; kết hợp phát huy vai trò của cộng đồng, các tổ chức quần chúng và hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Tăng cường áp dụng các biện pháp hành chính, từng bước áp dụng các chế tài hình sự, đồng thời vận dụng linh hoạt các cơ chế kinh tế thị trường nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm các quy định của pháp luật các yêu cầu, quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường được thực hiện.

- Tổ chức, cá nhân hưởng lợi từ tài nguyên và các giá trị của môi trường phải trả tiền; gây ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên và đa dạng sinh học phải trả chi phí khắc phục, cải tạo, phục hồi và bồi thường thiệt hại. [21]

Ngày 27/12/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND về việc ban quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giữa Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an tỉnh, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ và Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị, cơ quan Báo Đắk Nông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Nông, UBND cấp huyện. Nhờ đó sự phối hợp giữa Ban Quản lý KCN với các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan ngày càng gắn kết, chặt chẽ, công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực BVMT có hiệu quả hơn, theo đó:

Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế; hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

Theo nghị định số 18/2015/NĐ-CP, các dự án đầu tư thuộc danh mục quy định tại Phụ lục 02 (Phụ lục 02) phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường.[14]

- Đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. Các dự án thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ hải lập, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đánh giá tác động môi trường và thực hiện những nội dung đã cam kết về bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận. b) Các dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng lập kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 18/2015/NĐ- CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, xác nhận trước khi triển khai dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. 2. Thời điểm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. Việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị dự án

Tại KCN Tâm Thắng, Tính đến thời điểm tháng 6/2020 có 100% doanh nghiệp sản xuất thực hiện lập kế hoạch bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và có 4 doanh nghiệp thực hiện đánh giá tác động môi trường

Bảng 2.2. BẢNG TỔNG HỢP

STT	Tên Dự án	Chủ đầu tư	Thực hiện ĐTM/CKBVM/Đề án BVM
Các dự án do Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt:			
1	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Tâm Thắng	Công ty Phát triển hạ tầng KCN Tâm Thắng	ĐTM 2381/QĐ-BTNMT ngày 12/11/2008
Các dự án do UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt:			
2	Nhà máy Sản xuất cồn	Công ty TNHH Đại Việt	ĐTM(Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 29/5/2007);

3	Nhà máy CB gỗ xuất khẩu	Công ty Cổ phần chế biến gỗ xuất khẩu Hưng Thịnh	CKBVM(T(Phiếu xác nhận số 47/PXNTC-TNMT ngày 21/9/2005) - ĐTM bổ sung (QĐịnh số 428/QĐ-UBND ngày 29/3/2011)
4	Nhà máy sản xuất phân Huco	Công ty Cổ phần Bông Tây Nguyên	ĐTM 597/QĐ-UBND ngày 23/4/2014
5	Nhà máy SX ván dán	Công ty CP Ván công nghệ cao BISON	1799/QĐ-UBND ngày 09/11/2017
Các dự án do UBND huyện Cư Jút phê duyệt			
6	Nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu	Công ty TNHH Công nghiệp Thực phẩm Pagoda (Việt Nam)	CKBVM(T (35/PXNTC-TNMT ngày 10/6/2005)
7	Kho chứa phân bón		127/TB-UBND ngày 12/12/2012 bổ sung
8	Nhà máy sản xuất các sản phẩm Inox, nhựa và đồ gia dụng	Công ty TNHH MTV Tân Á Đại Thành Đắk Nông	CKBVM(T (Số 764/GXN-UB ngày 30/8/2007) 135/TB-UBND ngày 08/10/2014 cấp lại 02/GXN-BQLKCN ngày 23/04/2018
9	Xưởng sang chiết gas	Công ty TNHH Gia An	CKBVM(T(Số 1027/GXN-UB ngày 13/11/2008) cấp lại 436/GXN-BQLKCN ngày 25/7/2017
10	Nhà máy chế biến bông hạt	Công ty Cổ phần Bông Tây Nguyên	(ngừng hoạt động)
11	Nhà máy sản xuất vật liệu xây	Công ty TNHH Vũ Nguyên	CKBVM(T (Số 326/GXN - UB ngày 05/5/2008)

	dựng		
12	Nhà máy bê tông ly tâm dự ứng lực	Công ty CP xây dựng Điện Vneco8	CKBVMТ (Số 1070/GXN -UBND ngày 05/5/2008)

13	Nhà máy luyện cán thép	Công ty TNHH Long Bình	CKBVM (Số 753/GXN-UBND ngày 26/8/2008)CKBVM (1349/GXN-UBND ngày 02/12/2010)
14	Nhà máy sản xuất phân vi sinh	Công ty TNHH SX TM & DV Xanh Đồng	CKBVM (Số 266/GXN-UBND ngày 25/3/2009)
15	Dự án sản xuất phân hữu cơ		06/GXN-BQLKCN ngày 15/01/2019
16	Xưởng cơ khí lắp ráp ô tô và xe máy phục vụ công, nông nghiệp	Công ty TNHH TM & DV Năm Châu Duy Nhất	CKBVM (Số 1087/GXN-UB ngày 29/11/2007)
17	Xưởng tinh chế gỗ	Công ty TNHH Độ Nam Tiến	CKBVM (Số 1036/GXN-UB ngày 15/11/2007)
18	Nhà máy CB cà phê chất lượng cao	Công ty CP Intimex Đắk Nông	CKBVM (Số 489/GXN-UBND ngày 9/6/2009)
19	Xưởng lắp ráp và đóng mới xe chuyên dùng	Công ty TNHH MTV Xe cơ giới An Tâm	CKBVM (Số 75/GXN-UBND ngày 14/1/2010)GXN 1620/GXN-UBND ngày 10/10/2010 (đề án BVMT đơn giản)
20	Nhà máy chế biến hạt điều	Công ty TNHH MTV Xuân Vàng	CKBVM 1139/GXN-UBND ngày 22/8/2011
21	Nhà máy sản xuất bê tông đúc sẵn	Công ty TNHH Tư vấn và Xây lắp 504	CKBVM 117/TB-UBND ngày 24/11/2011

22	Nhà xưởng SX các loại nấm ăn cao cấp theo công nghệ cao và an toàn thực phẩm	Công ty TNHH thực phẩm công nghệ cao NASA	CKBVM 87/TB-UBND ngày 21/8/2012
----	--	---	------------------------------------

23	Nhà máy chế biến thức ăn gia súc	Doanh nghiệp tư nhân Phú lợi	CKBVMT 126/TB-UBND ngày 12/12/2012
24	Nhà xưởng sản xuất ống nhựa	Cơ sở sản xuất ống nhựa Quang Trung	CKBVMT 33/TB-UBND ngày 11/4/2013
25	Nhà máy sản xuất gạch không nung và bê tông tươi thương phẩm	Công ty TNHH SX-TM Thiên Vũ Đắc Nông	KHBVMT 991/GXN-UBND ngày 5/5/2016
26	Nhà máy chế biến gỗ	Công ty CP chế biến gỗ Hoa Lan	CKBVMT 171/TB-UBND ngày 23/12/2014
27	Chế biến sản phẩm từ quả Gấc	Công ty TNHH SX-TM-DV Gấc Tây Nguyên	GXN 1671/GXN-UBND ngày 24/7/2015
28	Cơ sở lắp ráp, bảo dưỡng, sửa chữa, dịch vụ và bán xe ô tô	Công ty TNHH Hoàng Khánh Phát	GXN 2341/GXN-UBND ngày 22/10/2015
29	Nhà máy sản xuất Bột Nhang	Công ty TNHH Asia Associates	20/GXN-UBND ngày 27/12/2016
30	Nhà máy sản xuất các loại than sạch	Công ty TNHH MTV An Toàn Phát	21/GXN-UBND ngày 27/12/2016 Cấp lại 05/GXN-BQLKCN ngày 15/01/2019
Năm 2017 (Ban Quản lý xác nhận)			
31	Nhà máy sản xuất bồn chứa nước và ống nước	Công ty TNHH SXTM Rừng Tây Nguyên	163/GXN-BQLKCN ngày 31/3/2017
32	Nhà máy CB nông sản xuất khẩu	DNTN SX Nông nghiệp Lai Hưng	208/GXN-BQLKCN ngày 19/4/2017

33	Nhà máy chế biến nông sản thực phẩm	Công ty CP CB Nông sản thực phẩm Thái An	209/GXN-BQLKCN ngày 19/4/2017 Cấp lại 28/GXN-UBND ngày 25/11/2019
----	--	--	---

34	Xưởng sang chiết gas	Công ty TNHH MTV Gas Phụng Đắc Nông	436/GXN-BQLKCN ngày 25/7/2017
35	Nhà máy sản xuất Than	Công ty TNHH MTV Đại Đoàn Kết	523/GXN-BQLKCN ngày 29/8/2017
Năm 2018			
36	Nhà máy chế biến nông sản Kim Hà Việt Đắc Nông	Công ty TNHH Kim Hà Việt	01/GXN-BQLKCN ngày 12/02/2018
37	Nhà máy sản xuất các sản phẩm Inox, nhựa và đồ gia dụng	Công ty TNHH Tân Á Đại Thành Đắc Nông	02/GXN-BQLKCN ngày 23/04/2018
38	Dự án sản xuất phân bón bô đề 688 và sơ chế nông sản	Công ty Cổ phần nông nghiệp công nghệ cao	03/GXN-BQLKCN ngày 19/10/2018 cấp lại 30/GXN-UBND ngày 25/11/2019
39	Dự án Trung tâm dịch vụ khu công nghiệp	Công ty TNHH An Phát Đắc Nông	04/GXN-BQLKCN ngày 24/12/2018
Năm 2019			
40	Dự án sản xuất các loại than sạch	Công ty TNHH TM&DV An Toàn Phát	05/GXN-BQLKCN ngày 15/01/2019
41	Dự án sản xuất phân hữu cơ	Công ty TNHH SX TM & DV Xanh Đồng	06/GXN-BQLKCN ngày 15/01/2019

42	Dự án nhà máy sản xuất chế biến nông sản	Công ty Cổ phần VBM Việt Nam	07/GXN-BQLKCN ngày 17/5/2019
----	--	------------------------------	------------------------------

43	Dự án Nhà máy chế biến nông sản	Công ty Cổ phần Bơ công nghệ cao Việt Nam	21/GXN-UBND ngày 30/8/2019
44	Dự án Nhà máy chế biến trái cây đông lạnh	Công ty TNHH An Vạn Phúc LD	22/GXN-UBND ngày 05/9/2019
45	Dự án Nhà máy sản xuất phân bón sinh học bò đê 688 và chế biến nông sản	Công ty Cổ phần nông nghiệp công nghệ cao	30/GXN-UBND ngày 25/11/2019
46	Dự án Nhà máy chế biến nông sản thực phẩm	Công ty Cổ phần chế biến nông sản thực phẩm Thái An	28/GXN-UBND ngày 25/11/2019
Năm 2020			
47	Dự án nhà máy sản xuất gỗ pallet, ván lạng, than, viên nén	Công ty TNHH MTV Vinh Phượng	01/GXN-UBND ngày 02/01/2020

Nguồn: Công ty phát triển hạ tầng KCN Tâm Thắng

Về bảo vệ môi trường đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung

Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau đây:

- Tuân thủ quy hoạch phát triển tổng thể và quy hoạch phân khu chức năng đã được phê duyệt;
- Thực hiện lập và trình thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định;
- Thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt;
- Có đầy đủ các thiết bị, dụng cụ thu gom, tập trung chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại và đáp ứng các yêu cầu tiếp nhận chất thải đã được

phân loại tại nguồn từ các cơ sở trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung;

- Có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn môi trường và được vận hành thường xuyên;
- Đáp ứng các yêu cầu về cảnh quan môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động.
- Có hệ thống quan trắc môi trường;
- Có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Việc quản lý và bảo vệ môi trường khu kinh tế, KCN thực hiện theo quy định tại Thông tư số 35/2015/TT- BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định pháp luật có liên quan

2.2.3. Đầu tư nguồn lực bảo vệ môi trường

Để quản lý và giám sát công tác bảo vệ môi trường, KCN Tâm Thắng đã phân công cán bộ chuyên môn chuyên trách về môi trường thực hiện nghiêm chỉnh vận hành, bảo dưỡng hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

- Công nhân vận hành Hệ thống xử lý nước thải tập trung được đào tạo chuyên ngành từ các trường kỹ thuật, sau khi được KCN tuyển dụng, tổ chức đào tạo bố trí vận hành.

Nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo chế độ 24/24 giờ liên tục để theo dõi, ghi nhận thông số vận hành hàng giờ và sẵn sàng xử lý các bất thường sự cố xảy ra.

Nước thải sau khi xử lý đều được quan trắc tự động bằng trạm quan trắc tự động được đặt tại mương thu gom nước thải sau xử lý bằng các thiết bị tự động. Hệ thống được truyền online về Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông.

Hệ thống thoát nước trong KCN: KCN Tâm Thắng đã tách riêng hệ thống thu gom, thoát nước thải với hệ thống thoát nước mưa. Hệ thống thu gom, thoát nước thải được đấu nối với điểm xả nước thải của các cơ sở doanh nghiệp và bảo đảm khả năng thoát nước thải của KCN; vị trí đấu nối nước thải nằm trên tuyến thu gom của hệ thống thoát nước KCN và đặt bên ngoài phần đất của các cơ sở doanh nghiệp. Điểm xả thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN tại nguồn tiếp nhận được bố trí bên ngoài hàng rào khu công nghiệp, thuận lợi

cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn tài.

Ngoài ra KCN Tâm Thắng còn Phòng ngừa cá sự cố liên quan đến Nhà máy xử lý tập trung, mạng lưới thu gom nước thải có thể xảy ra

- Phương án phòng ngừa và ứng phó, khắc phục sự cố khi hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động hoặc xả nước thải không đạt quy chuẩn cho phép:

KCN đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung với hai đơn nguyên, đơn nguyên công suất 2300 m³/ngày đêm. Do đó, khi có một trong hai đơn nguyên ngừng hoạt động thì vẫn còn đơn nguyên còn lại để xử lý nước thải. Một phần nước thải được thu gom về hồ thu gom để lưu trữ. Mặt khác, công ty thông báo cho các doanh nghiệp hoạt động trong KCN về tình trạng của HTXLNTTT để các doanh nghiệp biết về kế hoạch sản xuất cầm chừng, hạn chế xả nước thải về HTXLNTTT lưu trữ tạm thời tại doanh nghiệp...

- Khi hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động khi các bể xử lý sinh học khi gặp sự cố, nước thải tạm thời được lưu giữ trong tất cả các bể của hệ thống.

- Nếu trong trường hợp có nguyên nhân nào đó làm cho thông số đầu ra vượt quá chuẩn, nước thải này sẽ được lưu trữ trong hồ thu gom chung. Đồng thời, công ty sẽ tạm dừng xả nước thải ra nguồn tiếp nhận đối với HTXLNTTT và có phương án tái xử lý lại toàn bộ lượng nước thải này sau khi đã sửa chữa xong hoặc chuyển toàn bộ nước thải qua đơn nguyên khác để xử lý hoặc lưu trữ tại các bể có dung tích lớn như bể gom, bể điều hòa, bể sinh học... bên cạnh đó công ty sẽ kịp thời tìm nguyên nhân gây ra sự cố và khắc phục sự cố trong thời gian sớm nhất.

- Nếu trường hợp sự cố xảy ra nghiêm trọng hiện tại công ty TNHH Đại Việt có số lượng nước thải chiếm 90% lượng nước thải đầu nối về trạm XLNT của KCN do đó khi có sự cố nghiêm trọng xảy ra KCN sẽ thông báo đến CTY ngừng xả thải và tạm thời lưu chứa nước thải tại hồ chứa của CTY Đại Việt, sau đó sẽ triển khai các biện pháp khắc phục đối với HTXLNTTT.

Trong quá trình hoạt động của nhà máy XLNT tập trung có thể không đạt hiệu quả hoặc gặp sự cố là nguyên nhân làm cho các thông số ô nhiễm trong nước thải đầu ra vượt quy chuẩn. Nước thải này xả vào nguồn tiếp nhận sẽ gây ô nhiễm đến nguồn tiếp nhận nếu không có phương án không chế kịp thời. Ngoài

ra, việc gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận sẽ ảnh hưởng đến việc khai thác và sử dụng nước mặt tại khu vực, đồng thời ảnh hưởng đến đời sống kinh tế và cuối cùng là ảnh hưởng đến sức khỏe người dân khu vực. Công ty sẽ duy trì các biện pháp phòng, ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đã và đang triển khai. Cụ thể như sau:

- Để khắc phục kịp thời các sự cố, Công ty đã trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị dự phòng như máy bơm, máy khoáy, máy châm hóa chất,... thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, sửa chữa kịp thời những hỏng hóc, duy tu bảo dưỡng định kỳ huấn luyện kỹ thuật đầy đủ cho công nhân vận hành nhà máy XLNT tập trung.

- KCN đã có chương trình giám sát, quản lý các thiết bị máy móc các công trình xử lý môi trường, chương trình vận hành xử lý nước thải và thực hiện bảo dưỡng định kỳ đối với các máy móc thiết bị của toàn bộ máy XLNN tập trung. Chuẩn bị các phụ tùng thay thế để khi xảy ra sự cố hỏng hóc có thể sửa chữa và đưa vào nhà máy xử lý nước thải tập trung vào vận hành trong thời gian ngắn nhất.

- Hiện nay công ty đang làm thủ tục trình UBND Tỉnh Đắk Nông phê duyệt vốn để lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, dự kiến sẽ lắp vào tháng 06/2018 và trong tương lai cam kết sẽ phối hợp với sở TNMT Đắk Nông duy trì hoạt động của các thiết bị quan trắc tự động nhằm theo dõi liên tục 24/24 lưu lượng và chất lượng nước thải đầu ra của nhà máy xử lý nước thải tập trung.

- KCN sẽ chịu trách nhiệm khắc phục các thiệt hại có thể xảy ra khi gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận nước thải.

- Huấn luyện nâng cao kỹ năng cho công nhân vận hành, vận hành các quá trình xử lý của nhà máy XLNN tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật quy định.

- Thông báo kịp thời và phối hợp giải quyết với cơ quan chức năng khi có sự cố ô nhiễm xảy ra. Cty sẽ phối hợp với cơ quan chức năng trong việc xác định hậu quả môi trường có thể xảy ra do tác động của nước thải của KCN và sẵn sàng thực hiện các biện pháp đền bù phù hợp với mức độ ô nhiễm do nước thải của KCN đã được xác định

Các sự cố và biện pháp khắc phục thường gặp ở trạm XLNT được trình bày như sau:

Ứng phó với sự cố cháy nổ

Do tính chất của Khu công nghiệp, nguyên vật liệu và các hóa chất là những chất dễ cháy, dễ bắt lửa và có tính lan truyền mạnh nên cần có phương án ứng phó với sự cố cháy nổ, được cụ thể như sau:

- Báo động toàn bộ công nhân trong khu vực bị cháy, gọi điện đến Phòng cảnh sát PCCC chuyên nghiệp số 114;
- Gọi điện cấp cứu khi có người bị nạn số 115;
- Gọi điện thông báo cho chính quyền địa phương;
- Tiến hành sơ tán người trong khu vực nguy hiểm theo các lối thoát hiểm một cách nhanh nhất, kết hợp với phương tiện giao thông nội bộ để tạo điều kiện cho xe cứu hỏa tiếp cận khu vực cháy ngay lập tức;
- Sử dụng các phương tiện chữa cháy sẵn có để chữa cháy ngay khi có thể với những đám cháy nằm trong khả năng kiểm soát.

Sự cố vỡ đường ống nước thải

Công tác vận hành và khai thác mạng lưới cấp nước phải tuân thủ theo các chỉ dẫn như đã nêu trong TCXD – 66 – 1999 về vận hành khai thác hệ thống cấp thoát nước, yêu cầu an toàn đối với đường ống và các công trình trên nó:

- Trạm cấp nước phải tổ chức đội sửa chữa chuyên nghiệp thường trực
- Các nhân viên vận hành và khai thác luôn được đào tạo nâng cao năng lực
- Sử dụng các nguyên liệu có độ bền cao và đạt yêu cầu về kỹ thuật
- Bố trí các thiết bị trên tuyến ống như: van chặn, van xả khí, van xả cặn, họng cứu hỏa...với độ dốc đặt ống phù hợp địa hình khu vực dự án
- Đường ống cấp nước phải có đường cách ly an toàn
- Phải được kiểm tra áp lực và thực hiện súc xả, khử trùng trước khi đưa vào sử dụng
- Tuân thủ nghiêm ngặt về chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho trạm cấp nước. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn, đảm bảo tất cả các tuyến ống đều phải có độ bền, độ kín khít an toàn nhất;

- Không có bất kỳ các công trình xây dựng nào trên đường ống dẫn nước.
- Giải pháp ứng cứu khi có sự cố vỡ đường ống dẫn nước là xây dựng một hệ thống cống thoát nước xung quanh những vị trí, khúc quanh có khả năng gây đổ vỡ đường ống.

Sự cố khu vực chứa hóa chất

Khi đi vào hoạt động sản xuất, sẽ phát sinh ra lượng chất thải nguy hại. Khối lượng chất thải này có thể gây ra các sự cố về tắc nghẽn đường ống, cản trở giao thông, ô nhiễm môi trường.. Do đó, trong giai đoạn hoạt động, khối lượng chất thải phát sinh sẽ được thu gom và tập kết đúng nơi quy định sau đó sẽ tiến hành bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

Sự cố rò rỉ hóa chất

Tất cả các loại hóa chất được sử dụng cho quá trình sản xuất ván dán đều phải được lưu trữ tại khu vực chuyên biệt, với quy trình và kỹ thuật tương ứng cho từng loại.

Tất cả các loại hóa chất khi xuất, nhập kho đều phải được lưu sổ để thuận lợi cho công tác quản lý. Nghiêm cấm các đối tượng không phận sự ra vào khu vực kho chứa.

Biện pháp giảm thiểu do tai nạn nghề nghiệp

Để đảm bảo an toàn lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp cho công nhân tại nhà máy cần trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ như: khẩu trang, găng tay, quần bảo hộ, mũ, kính và dép.... Tiến hành khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp, lập hồ sơ quản lý sức khỏe cho toàn cán bộ công nhân viên.

Biện pháp giảm thiểu ngăn ngừa các sự cố và tai nạn lao động

Để đảm bảo trật tự an ninh và các sự cố do nổ vật liệu nổ. BQL (do chủ đầu tư khu công nghiệp thành lập) sẽ quy định tuyệt đối nghiêm cấm người lao động tại các nhà máy mang vũ khí hay vật liệu nổ vào khu công nghiệp. Quy định này sẽ được giám sát bởi tổ bảo vệ của khu công nghiệp.

Để đối phó với các sự cố cháy nổ xảy ra trong phạm vi khu công nghiệp, hệ thống họng cấp nước chữa cháy sẽ được lắp đặt ngay trong giai đoạn thi công cơ

sở hạ tầng, đồng thời tổ và trang thiết bị các phương tiện chữa cháy sẽ được chủ

đầu tư khu công nghiệp đầu tư, đảm bảo có thể ứng phó được với các sự cố cháy nổ nhỏ, đồng thời sẽ ngay lập tức phối hợp với các cơ quan chức năng phối hợp khi có các sự cố xảy ra.

2.2.4. Quản lý nước thải, khí thải, chất thải Khu công nghiệp Thực trạng quản lý nước thải

Hoạt động kiểm soát kết cấu hạ tầng kỹ thuật thu gom và đầu nối nước mưa, nước thải toàn KCN

Toàn bộ hạ tầng KCN đã được xây dựng tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải. Hệ thống thu gom và thoát nước thải KCN được mô tả như sau:

+ Hệ thống thu gom nước thải: Theo thiết kế đã được phê duyệt, hệ thống thu gom nước thải trong KCN là hệ thống tự chảy, lợi dụng độ dốc địa hình hay xây dựng những hố thoát nước có độ dốc để dẫn nước thải về nhà máy xử lý nước thải tập trung.

Hệ thống đường ống thu gom nước thải được chia thành 3 phần:

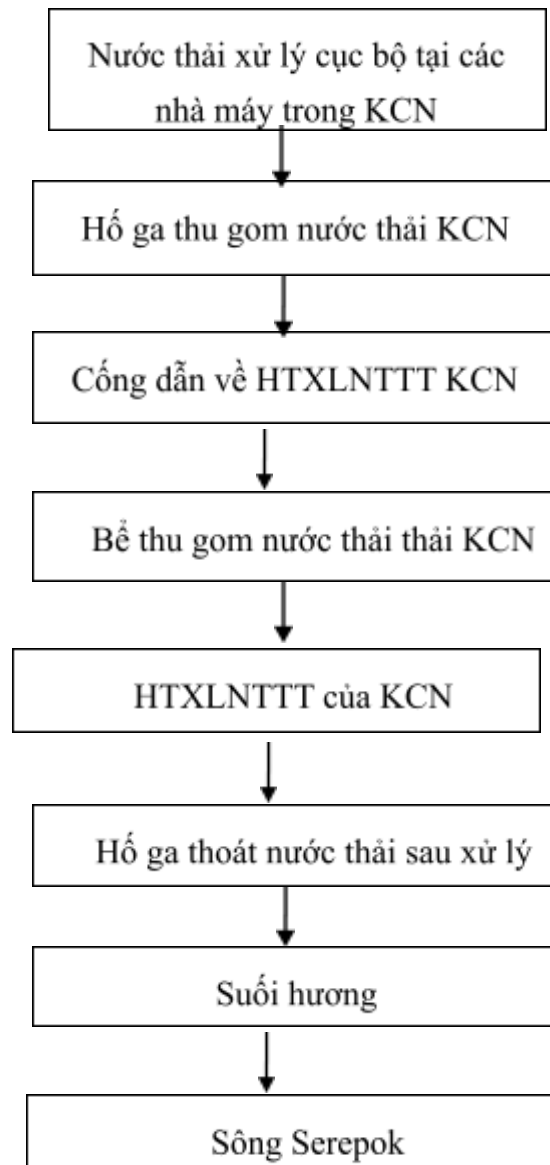
- Đường ống thu gom nước thải bên trong từng nhà máy thu gom nước thải sản xuất, sinh hoạt phát sinh trong từng nhà máy và được xử lý cục bộ (nếu có theo DTM) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN và được giám sát tại hố ga trung gian đường ống này sẽ do các nhà máy đầu tư và quản lý.

- Hệ thống tuyến đường ống thu gom nước thải tập trung của KCN thu gom nước thải của các nhà máy dẫn đến nhà máy xử lý NTKT của KCN

- Tuyến ống dẫn nước thải đã được xử lý từ nhà máy xử lý nước thải dẫn ra sông serepok.

Hệ thống thu gom nước thải của KCN Tâm Thắng được thiết kế bằng cống bê tông đường kính 250mm-500mm, có tổng chiều dài là 8.769,5m và 269 hố ga.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ thu gom nước thải

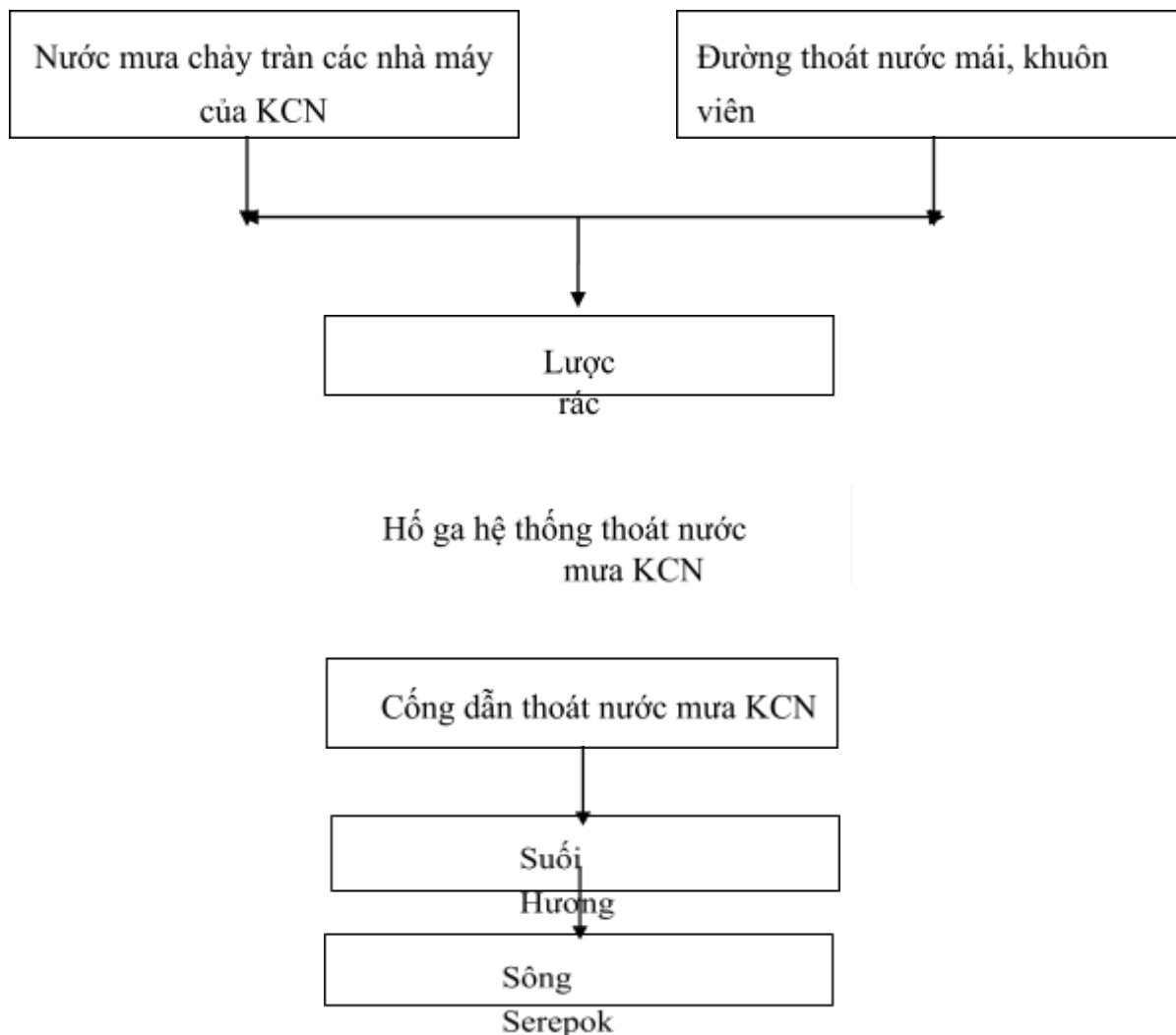


+ Hệ thống thu gom nước mưa: Được tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải. Hướng thoát nước cho KCN phù hợp với quy hoạch thoát nước cho thành chung của thành phố. Các tuyến đường thiết kế loại cống tròn BTCT, cống được đặt dọc theo từng tuyến đảm bảo nước mưa tự chảy. Các ống đường kính 400mm-2.500mm và được xả ra cùng với điểm xả nước thải phía đông KCN. Tổng chiều dài các tuyến thoát nước mưa 14.936m và 526 hồ ga.

Hệ thống thoát nước mưa trong KCN được chia làm 2 phần:

+ Đường ống thu gom nước mưa bên trong từng nhà máy để thu gom nước mưa trong từng nhà máy. Tuyến ống này sẽ đầu nối vào tuyến ống thu gom nước mưa của KCN. Đường này do nhà máy tự quản lý và đầu tư.

+ Hệ thống tuyến ống thu gom nước mưa chung bên ngoài các nhà máy để thug om nước mưa các nhà máy và nước mưa chảy tràn trên các trục đường giao thông nội bộ KCN dẫn ra hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực.



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ thu gom nước mưa

Thực trạng quản lý khí thải

- Khí thải do các hoạt động sản xuất: đốt nhiên liệu, khí thải từ các ngành sản xuất chế biến lương thực, thực phẩm. Khí thải từ các ngành này sinh ra nhiều bụi, NO_x , SO_2 , CO ...gây ô nhiễm môi trường. Đây chính là nguồn gây ô nhiễm chính trong KCN.

- Khí thải từ hệ thống thoát nước và XLNT: NH_3 , H_2S , metal...

- Khí thải từ hoạt động giao thông vận tải: để đảm bảo cho hoạt động của KCN sẽ có một lượng lớn các loại phương tiện giao thông vận tải chuyên chở hàng hóa, nguyên liệu lưu thông trên các tuyến đường trong KCN và Quốc lộ

14; các phương tiện giao thông chuyên chở công nhân làm việc trong KCN; ... Khi hoạt động như vậy, các phương tiện vận tải chủ yếu là xăng và dầu diesel sẽ thải ra môi trường một lượng khói thải khá lớn chứa các chất ô nhiễm không khí như: NO₂, SO₂, CO, CO₂, ...

Khí thải từ các hoạt động sinh hoạt khác của con người.

Bảng 2.3. Các doanh nghiệp có phát sinh và xử lý khí thải trong KCN

STT	Tên cơ sở	Có phát sinh khí thải	Nguồn phát sinh		Có HTXL khí thải
			Lò hơi	Quy trình sản xuất	
1	Cty CP chế biến gỗ xuất khẩu Hưng Thịnh	Có	Lò hơi	Lò hơi đốt củi, khoảng 20 m ³ củi/ngày	Có
2	Công ty TNHH Công nghiệp Thực phẩm PAGODA (Việt Nam)	Có	Lò hơi	01 lò hơi đốt củi; khoảng 4 tấn củi/ngày	Có
3	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Có	Lò hơi	01 lò hơi đốt than đá, 100kg/04 tiếng.	Có
4	Công ty TNHH Long Bình Đắc Nông	Có	Lò hơi	01 lò hơi đốt than đá, khoảng 5600kg/ngày.đêm	Có
5	Công ty TNHH Đại Việt	Có	Lò hơi	601 lò hơi đốt khoảng 50.000-60.000 m ³ biogas/ngày.đêm; 40-60 tấn vỏ điều/ngày.đêm.	Có
6	Công ty TNHH Tư vấn và Xây lắp 504	Có	Lò hơi	01 lò hơi đốt than đá khoảng 0,3 tấn/ngày	Có

STT	Tên cơ sở	Có phát sinh khí thải	Nguồn phát sinh		Có HTXL khí thải
			Lò hơi	Quy trình sản xuất	
7	Công ty Cổ phần Intimex Đắc Nông	Có	Lò hơi	01 lò hơi đốt than đá, khoảng 03 tấn/năm	Có
8	Công ty Cổ phần ván công nghệ cao BISION	Có	Lò hơi	01 lò hơi đốt than đá, khoảng 50kg/ngày.đêm	Có
9	Công ty cổ phần chế biến gỗ Hoa Lan	Có	Lò cấp nhiệt	02 lò cấp nhiệt khoảng 105 kg củi/giờ.	Có
10	Công ty TNHH dầu FO Tây Nguyên	Có	Lò nhiệt phân	Lò đốt 12 tấn/ngày	Có

Quản lý và kiểm soát khí thải ngoài nhà máy:

Bê tông hóa các tuyến đường vận chuyển.

Trồng cây xanh trong khuôn viên KCN để tạo bóng mát và ngăn bụi phát tán (12,66 ha cây xanh), chiếm 20% diện tích mặt bằng KCN phù hợp với quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

Vận động các doanh nghiệp trong KCN thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện giao thông, có biện pháp che chắn nguyên vật liệu trong khi vận chuyển đúng quy định nhằm giảm thiểu khí thải và độ ồn phát sinh từ các phương tiện này.

Thực trạng quản lý chất thải

Chất thải rắn sản xuất

KCN Tâm Thắng tập trung nhiều ngành nghề sản xuất với nhiều loại hình khác nhau. Các loại chất thải do các loại hình này sinh ra được trình bày ở bảng

sau:

Bảng 2.4. Các loại chất thải được phát sinh

TT	Các ngành sản xuất	Nguồn phát sinh	Thành phần CTR
1	Sản xuất ván sợi ép, gỗ	- Lò hơi. - Chuẩn bị nguyên liệu.	- Xi than. - Ván gỗ.
2	Gia công chế tạo cơ khí	- Hàn, cắt. - Mạ.	- Xi kim loại. - Kim loại phế liệu.
3	Công nghiệp gỗ (không có bột giấy)	- Chuẩn bị nguyên liệu. - Nghiền, xeo, cắt.	- Vụn gỗ. - Bùn cặn.
4	Chế biến thực phẩm	- Chuẩn bị nguyên liệu. - Lò hơi.	- Chất hữu cơ. - Xi than.
5	Sản xuất bao bì	- Cắt, xẻ, định hình	- Vụn carton, bao bì hỏng.
6	VLXD (gốm, sứ, gạch, silicat...)	- Lò hơi, lò nung. - Chuẩn bị nguyên liệu.	- Xi than. - Nguyên vật liệu rơi vãi.
7	Công nghệ nhựa	- Nấu nhựa. - Cắt gọt bavia	- Xi than. - Nhựa vụn.
8	Công nghệ hàng tiêu dùng: điện tử - đồ gia dụng, tin học.	- Lắp ráp.	- Phế liệu. - Sản phẩm hỏng.

Nguồn: Công ty phát triển hạ tầng KCN Tâm Thắng

Các chất thải phát sinh sẽ được phân loại ngay tại nguồn và được tái sử dụng cho các mục đích khác như sản xuất phân compost, phụ gia vật liệu xây dựng, ... nên các tác động của chúng tới môi trường sẽ được giảm thiểu đến mức thấp nhất, bên cạnh đó còn tạo công ăn việc làm cho người lao động địa phương, giảm áp lực đối với bài toán xử lý chất thải.

Chất thải rắn nguy hại

Các loại chất thải rắn nguy hại chủ yếu là các loại vỏ thùng chứa các loại nguyên, nhiên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất của các nhà máy như thùng dầu, mỡ, bùn thải, bã của các hệ thống xử lý và các loại chất thải từ ngành công

nghiệp điện tử. Đây là loại chất thải chiếm tỷ lệ nhỏ xong lại có mức độ ảnh hưởng lớn do chứa nhiều thành phần độc hại đối với môi trường, đặc biệt là kim loại nặng.

Các doanh nghiệp tại KCN đã tiến hành thu gom và quản lý tốt đúng theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Một số Doanh nghiệp thực hiện đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại nếu có phát sinh với cơ quan có thẩm quyền để xin cấp phép sở đăng ký chủ nguồn thải.

2.2.5. Kiểm tra giám quyết các khiếu nại, tố cáo trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường Khu công nghiệp

Năm 2014 Khu Công Nghiệp Tâm Thắng đã có một cơ sở hoạt động sản xuất Cồn công nghiệp đã vi phạm công tác Bảo vệ môi trường xã nước thải ra sông serepok gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến khu vực dân cư và hoạt động sinh sống của người dân địa phương. Đã tiến hành thanh tra, kiểm tra cơ sở và tạm đình chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh đến khi khắc phục xong.

Vì vậy trong những năm gần đây để công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường đạt được hiệu quả và thực sự là công cụ đắc lực, không thể thiếu trong công tác quản lý nhà nước về môi trường, bên cạnh việc hoàn thiện quy định pháp luật, tạo hành lang pháp lý cần thiết cho hoạt động thanh tra kiểm tra chủ động, linh hoạt, cần có cơ chế sàng lọc, bản lĩnh, hiểu biết pháp luật để vận dụng, xử lý tốt cá tình huống cụ thể trong công tác kiểm soát hoạt động bảo vệ môi trường. Dưới sự lãnh đạo của Bộ tài nguyên môi trường, tổng cục môi trường, Ủy ban nhân tỉnh, Sở tài nguyên môi trường, sự phối hợp của đơn vị Chi cục môi trường, TT Quản trắc môi trường đã cho thấy sự hiệu quả cao trong việc bảo vệ môi trường KCN nói riêng và tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững.

Qua đó đã đẩy mạnh hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường trọng tâm giải quyết dứt điểm những nội dung bức xúc về môi trường trong KCN. Thông qua đó cập nhập những quy định mới về bảo vệ môi trường hướng dẫn cho các doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ, thủ tục về môi trường, xử lý nghiêm các vi phạm gây ô nhiễm môi trường trong KCN cụ thể như:

Xây dựng kế hoạch thanh tra định kỳ 02 lần trong năm đối với các cơ sở sản xuất trong KCN Tâm Thắng Đắc Nông. Việc kiểm tra được thực hiện kiểm tra tổng thể theo các quy định của Pháp luật bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, trong thời gian qua Sở Tài nguyên và Môi trường đã tập trung vào việc kiểm tra, lấy mẫu nước thải và quản lý chất thải nguy hại của các cơ sở vì nếu nguồn nước thải và chất thải nguy hại của các cơ sở khi xả thải ra môi trường không đạt chuẩn thải ra hệ thống sông ngòi, kênh mương phục vụ canh tác nông nghiệp của khu vực xung quanh.

Tổng hợp kết quả kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được thể hiện

Bảng 2.5: Tổng hợp số cơ sở bị thanh tra kiểm tra

Stt	Nội dung thực hiện	Số Cơ sở bị thanh tra kiểm tra			
		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	06 tháng đầu năm 2020
1	Công tác thanh tra Tổng cục môi trường KCN.	1			
2	Kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường theo kế hoạch	12	10	14	6
3	Số cơ sở sản xuất, doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường.	3	4	5	1
4	Số cơ sở sản xuất, doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường đã được khắc phục	3			1
5	Số vụ vi phạm quy định pháp luật bảo vệ môi trường bị xử phạt vi phạm hành chính	3			1

Nguồn: Công ty phát triển hạ tầng KCN Tâm Thắng

Trong những năm gần đây KCN Tâm Thắng đã tăng cường kiểm soát ô nhiễm tại các cơ sở sản xuất kinh doanh.

Cụ thể như năm 2017 khi nhận được ý kiến của người dân có mùi hôi, KCN đã kết hợp với UBND huyện Cư Jút và Xã Tâm Thắng đã tiến hành kiểm tra xử lý do cơ sở sản xuất hoạt động sảy bã hèm bia tại Kho Xanh nằm trong KCN. Sau khi tiến hành kiểm tra và phạt hành chính cơ sở, tạm dừng hoạt động sản xuất để khắc phục hậu quả và đóng cửa cơ sở sản xuất. Trong năm 2017 đã tiến

hành xử phạt hành chính 200.000.000 đối với các cơ sở kinh doanh hạ tầng KCN

Năm 2019 KCN đã tiếp nhận và làm rõ phản ánh của Tạp chí báo môi trường và xã hội. Trong năm KCN kiểm tra xác minh đơn của doanh nghiệp về việc xả khói gây ảnh hưởng đến nhân viên doanh nghiệp cơ sở bên cạnh.

Năm 2020 KCN đã kết hợp với BQL KCN, STNMT, CA Tỉnh, UBNDH, UBND xã đã tiến hành xử lý 01 cơ sở về xả nước thải ra môi trường.

Cho thấy việc xử lý vi phạm được thực hiện theo Nghị định của Chính phủ, song thực tế đã thể hiện rõ những bất cập giữa mức xử phạt theo quy định với mức kinh phí đầu tư để các doanh nghiệp thực hiện các quy định về môi trường. Chính điều này đã làm không ít các doanh nghiệp tiếp tục sai phạm và chịu xử phạt còn hơn phải bỏ tiền ra để thực hiện các quy định môi trường.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp ủy ban nhân dân các quận, huyện tăng cường công tác kiểm tra việc xả thải của các cơ sở sản xuất, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định về xả thải. Cơ sở nào chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt buộc phải xây dựng; các doanh nghiệp hoạt động sản xuất phải đấu nối với hệ thống XLNTTT của KCN.

Trong mối quan hệ phối hợp quản lý nhà nước về môi trường KCN, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cảnh sát môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp đã tiến hành các đợt thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về môi trường.

2.3. Đánh giá quản lý nhà nước về môi trường Khu Công Nghiệp Tâm Thắng

Kết quả đạt được

Tổ chức công tác tuyên truyền và phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, BQL và chủ đầu tư KCN đã phối hợp với các Sở, ban, ngành chức năng tổ chức tuyên truyền về bảo vệ môi trường sâu rộng trong các doanh nghiệp, kịp thời phổ biến các chính sách, văn bản pháp luật về BVMT tại các KCN. Trong năm 2018-2021, đã tổ chức nhiều đợt phổ biến văn bản pháp luật về BVMT cho các doanh nghiệp tại các KCN. Hưởng ứng các ngày lễ như Ngày Môi trường thế giới, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam,.. Ban đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động thiết thực ý nghĩa như treo băng rôn, khẩu hiệu

tuyên truyền với chủ đề bảo vệ môi trường; chỉ đạo các đoàn thể tổ chức các

hoạt động ra quân làm vệ sinh môi trường tại các KCN. Qua đó, nhận thức về công tác BVMT của các doanh nghiệp trong các KCN, ngày càng được nâng cao. Các doanh nghiệp đã chú trọng, quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường, thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường cũng như các điều khoản cam kết theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Bản cam kết BVMT được phê duyệt.

- Đối với cơ quan quản lý KCN và chủ đầu tư KCN: Hàng năm, BQL phối hợp với các Đơn vị tư vấn có chức năng thực hiện quan trắc giám sát chất lượng môi trường tại các KCN, trên địa bàn tỉnh với tần suất giám sát 02 lần/năm. Chế độ thông tin, báo cáo kết quả giám sát chất lượng môi trường được Ban thực hiện nghiêm túc, kịp thời.

- Đối với các doanh nghiệp, cơ sở doanh nghiệp trong các KCN: Căn cứ nội dung đã cam kết tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường của đơn vị mình, các doanh nghiệp, cơ sở doanh nghiệp đã thực hiện quan trắc, giám sát chất lượng môi trường hàng năm và gửi kết quả đến các cơ quan chức năng. Nhìn chung, các doanh nghiệp và cơ sở doanh nghiệp đã thực hiện nghiêm túc việc giám sát chất lượng môi trường hàng năm và chế độ thông tin, báo cáo công tác bảo vệ môi trường.

Về cơ bản, các doanh nghiệp, cơ sở doanh nghiệp đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Từ khi bắt đầu đầu tư dự án, tùy thuộc vào quy mô đầu tư, các Doanh nghiệp đã chủ động lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết BVMT trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình hoạt động, các doanh nghiệp đã chấp hành theo các quy định của pháp luật về BVMT cũng như các điều khoản cam kết theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Bản cam kết BVMT, đã xây dựng các hạng mục công trình xử lý môi trường để thu gom và xử lý chất thải phát sinh, bố trí cán bộ phụ trách công tác bảo vệ môi trường, thực hiện nghiêm túc chương trình quan trắc, giám sát chất lượng môi trường hàng năm và chế độ thông tin, báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

Thứ hai, tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực bảo vệ môi trường: BQL KCN và Công ty phát triển hạ tầng KCN Tâm Thắng đã có phòng chuyên môn về môi trường là Phòng nghiệp vụ với số lượng cán bộ hiện có là 07 người, trình độ chuyên môn 6 đại học, 1 thạc sĩ.

Thứ ba, quản lý nước thải, khí thải, tiếng ồn, chất thải KCN: Do đặc thù các KCN trên địa bàn tỉnh thu hút đầu tư chủ yếu các doanh nghiệp có mức độc hại thấp, ít tác động đến môi trường (chế biến nông sản, sản xuất đồ gỗ, đồ gia dụng, bê tông,...) nên lượng nước thải công nghiệp và chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sản xuất của các doanh nghiệp là không lớn, được xử lý nội bộ trong các nhà máy, cơ sở sản xuất, dịch vụ đảm bảo quy chuẩn trước khi thải ra môi trường. Đối với khí thải phát sinh, các doanh nghiệp tự đầu tư xây dựng hệ thống xử lý khí thải theo nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường để xử lý theo quy định. Đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sản xuất, các doanh nghiệp đã thu gom và hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo quy định, không có hiện tượng xả thải ra môi trường bên ngoài.

Thứ tư, thanh tra, kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường KCN: Hàng năm, Ban Quản lý KCN phối hợp với các Sở Tài nguyên và Môi trường, ban, ngành liên quan tổ chức các cuộc kiểm tra về công tác BVMT của các doanh nghiệp hoạt động trong các KCN, trên địa bàn tỉnh. Đồng thời phối hợp với các Đoàn thanh tra, kiểm tra do Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức nhằm chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về BVMT trong các KCN. Qua các đợt kiểm tra, thanh tra cho thấy việc phát sinh ô nhiễm môi trường trong các KCN, được kiểm soát chặt chẽ. Kết quả đo đạc, quan trắc chất lượng môi trường hàng năm cũng như kết quả của các đợt thanh tra do Bộ Tài nguyên và Môi trường, các ngành chức năng của tỉnh tổ chức đều nằm trong giới hạn cho phép theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành. Không có trường hợp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng xảy ra.

Về xử lý nước thải: Việc xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung KCN đã được xây dựng hoàn thiện và có giấy phép xả thải của Bộ Tài Nguyên và Môi

trường Giấy phép số 2030/GP-BTNMT ngày 25/6/2018; đồng thời, số lượng các doanh nghiệp trong KCN, đầu nối vào nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt tỷ lệ cao (100%).

Về khí thải: KCN Tâm Thắng tiến hành Quản trắc tần suất giám sát: 04 lần/năm, tần suất giám sát theo quy định của báo cáo ĐTM: 04 lần/năm. Các thông số giám sát thể hiện tại Báo cáo Giám sát môi trường định kỳ KCN Tâm Thắng. Do được quan tâm, đánh giá, xem xét ngay từ giai đoạn lập dự án đầu tư nên nhiều doanh nghiệp trong KCN, đã thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống xử lý khí thải. Một số ngành nghề có mức độ xả thải khí thải cao như sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí đã chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa. Vì vậy, việc ô nhiễm khí thải, tiếng ồn được hạn chế.

Về chất thải rắn và chất thải nguy hại: Việc thực hiện các quy định về xử lý chất thải rắn được hầu hết các doanh nghiệp nghiêm túc chấp hành. Đa số các doanh nghiệp trong KCN, đã có biện pháp phân loại và lưu giữ tạm thời trước khi thu gom đến nơi xử lý. Một số KCN, KCX đã tổ chức thu gom, xử lý chất thải tập trung. Do vậy, về cơ bản, việc thu gom, xử lý chất thải rắn được đảm bảo.

Việc đăng ký nguồn chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được quan tâm đơn đốc thực hiện. Tại một số địa phương, việc thu gom, xử lý chất thải nguy hại từ các KCN, KCX được triển khai tốt.

Sau khi Nghị định số 29/2008/NĐ-CP của Chính phủ được ban hành và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 08/2009/TT-BTNMT ngày 15/7/2009, việc phối hợp giữa Ban Quản lý (BQL) các KCN, với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, cảnh sát môi trường và các cơ quan có liên quan trong công tác bảo vệ môi trường KCN, KCX, KKT được thực hiện thường xuyên và chặt chẽ hơn. Đồng thời, ý thức bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp đã được tăng lên, thể hiện rõ nhất là trong công tác xử lý nước thải.

Những hạn chế

Thứ nhất, thời gian trước đây, vấn đề trách nhiệm bảo vệ môi trường KCN

của BQL chưa được quan tâm đúng mức. Các quy định của pháp luật về vị trí,

chức năng, nhiệm vụ bảo vệ môi trường của BQL còn sơ sài, chồng chéo, mâu thuẫn. Chính vì vậy, BQL Đắk Nông không được đầu tư về cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực phục vụ cho công tác bảo vệ môi trường. Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT và Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BKHĐT-BNV xác định tương đối rõ ràng vị trí, chức năng, nhiệm vụ của BQL KCN. Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ ấy, hai thông tư này cũng quy định rõ cơ cấu, tổ chức của BQL KCN gồm những vị trí, chức danh cụ thể. Với việc quy định như vậy, các BQL KCN sẽ tổ chức bộ máy nhân sự về bảo vệ môi trường tại KCN hợp lý, chặt chẽ.

Nhiệm bảo vệ môi trường do được ủy quyền có thể vẫn gặp phải những khó khăn nhất định.

- Chế tài xử lý chưa được quy định rõ ràng. Hiện nay, hầu hết các quy định về trách nhiệm bảo vệ môi trường mới chỉ có bộ phận giả định, quy định còn thiếu chế tài.. Vì thế, mặc dù đã có quy định rõ ràng, cụ thể về trách nhiệm bảo vệ môi trường KCN của BQL tỉnh nhưng sẽ khó triển khai trong thực tế vì quy định đó được thực hiện dựa trên sự tự nguyện của BQL KCN tỉnh Đắk Nông và các chủ thể liên quan.

Thứ hai, về nguồn lực bảo vệ môi trường

Do nguồn ngân sách hạn chế nên hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục công trình bảo vệ môi trường tại các KCN, chưa được xây dựng đồng bộ, ảnh hưởng đến thu hút đầu tư và thực hiện công tác bảo vệ môi trường.

Thứ ba, BQL KCN có hai chức năng, vừa là cơ quan quản lý, vừa là cơ quan đánh giá môi trường. Điều đó không đảm bảo tính khách quan cho công tác quản lý nhất là về vấn đề môi trường Đặc biệt, sẽ càng thiếu khách quan hơn nữa trong trường hợp BQL KCN được ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án do chính BQL KCN là chủ đầu tư.

Thứ tư, khó khăn trong quản lý nước thải, khí thải, tiếng ồn, chất thải KCN.

Việc thực hiện ủy quyền cho BQL các KCN trong quản lý môi trường chưa triệt để. Do vậy, nảy sinh một số vấn đề như: cơ quan này cấp phép về môi trường trong khi cơ quan khác là đơn vị kiểm tra (ví dụ: UBND huyện cấp cam

kết bảo vệ môi trường, BQL các KCN kiểm tra việc thực hiện cam kết); việc thanh, kiểm tra về môi trường chồng chéo và không hiệu quả.

Từ khi thành lập đến nay giá trị đã và đang đầu tư xây dựng khoảng 236,017 tỷ đồng/Tổng mức đầu tư **318,327** tỷ đồng (Chưa có hạng mục PCCC), vốn đầu tư xây dựng hạ tầng được bố trí để giải ngân thanh toán với số tiền là 236,023 tỷ đồng.

Trong đó: Nguồn vốn từ Ngân sách Trung ương hỗ trợ đã là 152 tỷ đồng, vốn từ ngân sách địa phương là 84,023 tỷ đồng; vốn cần để tiếp tục đầu tư hoàn thành hạ tầng khoảng 81,976 tỷ đồng. Lũy kế đến tháng 12/2019, khối lượng xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp ước đạt 73,78%/ tổng khối lượng được phê duyệt.

Từ đầu năm đến nay KCN Tâm Thắng không mở mới thêm hạng mục công trình nào. Trong năm 2019 Công ty đã làm việc với các sở, ban ngành của tỉnh về việc xin chủ trương đầu tư hạng mục công trình: Gói thầu số 04 – Xây dựng đường giao thông và hệ thống thoát nước mưa tuyến D2 còn lại, để đảm bảo thực hiện tốt hơn nhu cầu sử dụng hạ tầng kỹ thuật cho Nhà đầu tư vào khu công nghiệp. Tuy nhiên, UBND tỉnh đã có văn bản chuyển sang Đầu tư công năm 2021- 2025.

Nguyên nhân của những hạn chế

Thứ nhất, hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường tuy đã được hình thành về cơ bản nhưng vẫn còn nhiều bất cập, nhiều quy định chung còn mang tính nguyên tắc. Công tác quản lý nhà nước về môi trường chưa đáp ứng được yêu cầu bảo vệ môi trường ngày càng cao. Chiến lược xây dựng bảo vệ môi trường KCN đã thực hiện, nhưng chưa thực sự triển khai có hiệu quả và sát với thực tế của BQL KCN đã dẫn đến những nội dung đã được xác định nhưng lại chưa làm được.

Thứ hai, nguồn lực bảo vệ môi trường hạn chế. Đắk Nông vẫn thuộc nhóm các tỉnh tương đối nghèo của cả nước, nguồn thu ngân sách chưa cao, phát triển KCN tương đối chậm và chưa được đầu tư đúng mức.

Thứ ba, trên địa bàn tỉnh chưa có đơn vị có chức năng hoạt động về xử lý chất thải nguy hại, trong khi đó khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại các

doanh nghiệp, cơ sở doanh nghiệp tương đối nhỏ. Do đó gây khó khăn trong việc quản lý, xử lý theo quy định.

Tiểu kết chương 2

Trong Chương 2, Trên cơ sở lý luận, luận văn đã giới thiệu một cách tổng quát về Khu Công nghiệp Tâm Thắng tỉnh Đắk Nông vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội có tác động đến công tác quản lý nhà nước về môi trường Khu công nghiệp Tâm Thắng huyện Cư Jut tỉnh Đắk Nông.

Đồng thời luận văn tập trung phân tích tình hình quản lý nhà nước về môi trường Khu công nghiệp Tâm Thắng tỉnh Đắk Nông, và phân tích thực trạng quản lý nhà nước về môi trường Khu Công Nghiệp thời gian qua.

Thời gian công tác quản lý nhà nước về Môi Trường Khu Công Nghiệp Tâm Thắng tỉnh Đắk Nông đã được hoàn thiện theo hướng tích cực. Nhưng bên cạnh đó vẫn còn tồn đọng không ít khó khăn hạn chế cần được hoàn thiện đồng bộ hơn. Để khắc phục những khó khăn và đưa Khu Công Nghiệp Tâm Thắng phát triển bền vững cần có sự đồng tâm của các cấp chính quyền phối hợp chặt chẽ có hiệu quả để nâng cao công tác quản lý nhà nước tại Khu Công Nghiệp Tâm Thắng tỉnh Đắk Nông.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CẢI THIẾN MÔI TRƯỜNG KHU CÔNG NGHIỆP

3.1. Quan điểm, định hướng phát triển Khu Công Nghiệp Tâm Thắng

3.1.1. Quan điểm của đảng

“Đến năm 2030, Việt Nam hoàn thành mục tiêu CNH-HĐH”. Đó là mục tiêu đưa ra trong Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được ban hành ngày 22/3/2018. [5]

Trong công cuộc đổi mới, việc hình thành, phát triển các khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất, khu kinh tế đã tạo động lực thúc đẩy sự nghiệp CNH-HĐH đất nước. Đến hết năm 2018, toàn quốc đã có 326 KCN được thành lập, thu hút hơn 15.000 dự án đầu tư trong nước và nước ngoài với số vốn đăng ký đạt 970 nghìn tỷ vốn đầu tư trong nước và hơn 145 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài. Ngoài những đóng góp về phát triển KT-XH, an ninh quốc phòng, thực trạng hệ thống các KCN còn tồn tại nhiều bất cập, ảnh hưởng đến một số mặt. Quy hoạch hệ thống KCN đã được tích hợp trong hệ thống quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị toàn quốc với tầm nhìn đến năm 2050 cùng những mục tiêu, tiêu chí, tổ chức thực hiện cụ thể gắn với thực tiễn và tầm nhìn dài hạn.

Trước bối cảnh hội nhập quốc tế và sự phát triển của cuộc cách mạng 4.0, Việt Nam cần hướng tới đổi mới, tái cấu trúc và hoàn thiện mô hình các KCN nhằm bắt kịp với xu thế toàn cầu. Phát triển các KCN phải đảm bảo hài hòa lợi ích, lâu dài, lấy hiệu quả KT-XH, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững làm mục tiêu cao nhất.

Qua hơn 30 năm đổi mới, tầm vóc và vị thế của Việt Nam đã có nhiều thay đổi. Việt Nam đã đạt được những kết quả quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và đang hướng tới các mục tiêu, trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại gắn với nền kinh tế tri thức... Quy hoạch xây dựng các KCN có vai trò và vị trí hết sức quan trọng trong chiến lược phát triển KT-XH

của quốc gia nhằm định hướng quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp Việt Nam phát triển đồng bộ với hệ thống đô thị - nông thôn quốc gia, đảm bảo phát triển bền vững.

Trước bối cảnh phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 khi các yếu tố đầu vào như lao động giá rẻ, tài nguyên dồi dào không còn là thế mạnh của Việt Nam, cần thiết hướng tới tái cấu trúc mô hình các KCN nhằm thu hút các dự án quy mô lớn, công nghệ hiện đại, hàm lượng tri thức cao. Phát triển các KCN phải đảm bảo hài hòa lợi ích, có tầm nhìn dài hạn, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường là mục tiêu cao nhất, khai thác tốt các lợi thế tiềm năng địa phương và phù hợp với định hướng phát triển KT-XH của các vùng lãnh thổ và cả nước. Rà soát hệ thống các KCN, KCN đô thị, KCN trong khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu nhằm hướng hình thành các KCN chuyên ngành, giảm bớt KCN tổng hợp.

Trong giai đoạn tới, tác động của chiến lược mở rộng thị trường sản xuất của các quốc gia lớn ngoài các thị trường truyền thống như Đông Á, Trung Quốc, Mỹ, EU còn các thị trường mới như Nga, Brazil và Ấn Độ trong khu vực sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới việc hình thành cơ sở sản xuất quy mô lớn tại các địa bàn ven biển phía Bắc (Quảng Ninh, Hà Tĩnh) và phía Nam. Hệ thống các KCN này vừa có ảnh hưởng tích cực tạo nguồn lực phát triển nhưng cũng đi kèm những tác động, hệ lụy về môi trường và xã hội do là những vùng có điều kiện tự nhiên rất phong phú và đa dạng. Do đó, cần xây dựng bộ công cụ quy hoạch xây dựng KCN, KKT và đánh giá tác động môi trường cho các dự án lớn, huy động các viện nghiên cứu, các nhà khoa học và xã hội.

Xu thế biến đổi cấu trúc giao thông kết nối vùng và lãnh thổ quốc gia thông qua hình thành hệ thống đường cao tốc, ga hàng không, cảng biển sẽ tạo ra những xu thế dịch chuyển về phân bố địa bàn hệ thống các KCN “mới” trong giai đoạn tới. Do đó, chiến lược tích hợp hệ thống KCN với hệ thống đô thị mới và các điểm dân cư công nghiệp cần được thể hiện rõ định hướng Quy hoạch tổng thể Quốc gia, Quy hoạch hệ thống đô thị - nông thôn để tạo ra sức mạnh tổng hợp giữa phát triển sản xuất và nguồn nhân lực; gắn kết cấu hạ tầng trong

và ngoài hàng rào kỹ thuật; gắn kết giữa phát triển đô thị và hệ thống điểm dân cư hiện đại và hệ thống KCN. Đẩy mạnh nghiên cứu, đổi mới quy hoạch nhằm xây dựng các mô hình đô thị - công nghiệp, khu dịch vụ - công nghiệp – đô thị, KCN sinh thái (tiết kiệm năng lượng, phát thải thấp). Xây dựng mô hình KCN sinh thái, KCN đô thị dịch vụ đồng bộ kết cấu hạ tầng KCN.

Quy hoạch sử dụng đất trong KCN và KCN - đô thị cần đổi mới tạo ra tính chiến lược và linh hoạt phù hợp nhu cầu biến đổi nhanh chóng của thị trường bất động sản công nghiệp. Cơ cấu sử dụng đất, lô đất nhà máy cần linh hoạt phù hợp nhiều loại hình đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng KCN, tạo điều kiện cho loại hình Logistics được tích hợp tối ưu trong KCN. Đối với đất chức năng ở, dịch vụ thương mại cần đổi mới nhằm hướng tới mô hình đô thị - công nghiệp đồng bộ tạo sức hấp dẫn cho KCN và tạo điều kiện cho công nhân, chuyên gia được hưởng thụ tiện ích đô thị, công viên, hạ tầng xã hội.

Cần đa dạng các nguồn vốn để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng KCN, hỗ trợ tối đa việc thu hút các nhà đầu tư đến tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Cần minh bạch hóa thông tin về thị trường bất động sản về quy hoạch, tín dụng, thuế, phí... tạo điều kiện để các doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng trong nền kinh tế thị trường.

3.1.2. Phương hướng quản lý nhà nước về môi trường của tỉnh Đắk Nông

Triển khai thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường được triển khai từ cấp tỉnh xuống cấp huyện, xã; doanh nghiệp và người dân... Từ đó, nhận thức của các cấp, các ngành và nhân dân về bảo vệ môi trường được nâng lên, các hoạt động bảo vệ môi trường ngày càng thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và xử lý các vi phạm được coi trọng, từng bước kiểm soát và tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc, điểm nóng về môi trường. Lồng ghép bảo vệ môi trường trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành trong tỉnh

Công tác bảo vệ môi trường đã được lồng ghép vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nội

dung bảo vệ môi trường luôn được quan tâm, xem xét cụ thể trong quá trình thẩm định, phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của các cấp, các ngành; bên cạnh đó UBND tỉnh đã ban hành các cơ chế chính sách thu hút đầu tư các dự án sử dụng công nghệ sạch, không phát sinh các yếu tố có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Cụ thể đến nay UBND tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư cho trên 20 dự án, trong đó có 03 dự án có công nghệ sản xuất sạch, với tổng số vốn đăng ký là trên 2.036 tỷ đồng. Bên cạnh đó nội dung bảo vệ môi trường được quan tâm, xem xét đánh giá tại báo cáo đánh giá môi trường chiến lược trong quá trình phát triển đảm bảo tính ổn định và phát triển bền vững theo chỉ đạo của Chính phủ tại Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường, Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13/01/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020. Xây dựng ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường Công tác xây dựng, ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đảm bảo chất lượng, kịp thời điều chỉnh một số vấn đề phát sinh trong quá trình chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước; công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường đã được quan tâm triển khai sâu rộng, lồng ghép với việc xây dựng và thực hiện các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; năm 2017 và 06 tháng đầu năm 2018, UBND tỉnh đã cụ thể hóa và bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách của nhà nước liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường, cụ thể như: Nghị quyết số 10- NQ/TU ngày 13/01/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 677/QĐUBND ngày 20/04/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quyết định số 1459/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 985a/QĐ-TTg ngày 01/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về quản

lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 về việc ban hành Kế hoạch thu gom vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại và Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 về việc ban hành Kế hoạch thu gom vận chuyển, lưu giữ, trung chuyển CTNH phát sinh tại các cơ sở sản xuất kinh doanh có khối lượng phát sinh nhỏ hơn 600 kg/năm; Kế hoạch số 395/KH-UBND ngày 18/9/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông về thực hiện Chương trình hành động tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014 - 2020 và Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020, theo đó đã xây dựng một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2020. * Công tác thông tin, truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức về môi trường Công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường được quan tâm thực hiện đã góp phần nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đoàn viên, hội viên và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngày càng có ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường như: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản, kế hoạch bảo vệ môi trường. Trong lĩnh vực giáo dục đào tạo đã tập huấn nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ cho 65 cán bộ giáo viên phụ trách tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường; tại các cơ sở trường học các cấp tổ chức xây dựng các tiêu chí đảm bảo vệ sinh môi trường, thu gom xử lý chất thải rắn, dùng các loại thực phẩm, nước uống an toàn, trồng cây xanh trong khuôn viên trường xanh - sạch - đẹp; lồng ghép các nội dung tuyên truyền vào các buổi học ngoại khóa, các cuộc thi tìm hiểu, lễ mít tinh hưởng ứng ngày môi trường... thông qua các hoạt động này để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho giáo viên và học sinh. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã thiết lập đường dây nóng để tiếp nhận các thông tin phản ánh về môi trường trên địa bàn đặt tại Sở Tài

nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã và tổ chức thực hiện tại Thông báo số 134/TB-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh; đã có 185 tin, 120 bài, ảnh thông qua các trang tin ảnh để lồng ghép các nội dung liên quan vào các tin tức, bài viết, phóng sự nhằm truyền tải đến cộng đồng về các chủ trương chính sách, pháp luật của nhà nước, về công tác bảo vệ môi trường. Xây dựng các chuyên mục, phóng sự, tin bài cộng tác với các cơ quan thông tấn báo chí Trung ương và địa phương về kết quả hoạt động của Công an tỉnh. * Công tác phối hợp giữa các ngành trong công tác quản lý môi trường Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành ngày càng chặt chẽ và đồng bộ, các nội dung cơ bản về bảo vệ môi trường từng bước được lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng cấp, từng ngành; hàng năm các Sở, Ban, Ngành và Đoàn thể đều xây dựng kế hoạch, chương trình để triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình phối hợp bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã được ký kết như: quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 27/3/2017; phối hợp trong thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch tại Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 29/9/2017; ... * Tổ chức đội ngũ làm công tác bảo vệ môi trường Bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường đang từng bước được kiện toàn, cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác bảo vệ môi trường; đối với cấp tỉnh Chi cục Bảo vệ môi trường hiện nay có 12 cán bộ, công chức đã qua đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu công tác bảo vệ môi trường; Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường có 20 viên chức; quỹ bảo vệ môi trường có 05 hợp đồng lao động; Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh có 02 công chức. Bên cạnh đó còn có lực lượng cảnh sát môi trường với 30 cán bộ chiến sỹ; đối với các huyện, thị xã đều có Phòng Tài nguyên và Môi trường có từ 01 đến 02 cán bộ phụ trách công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; riêng các xã, phường, thị trấn thì do cán bộ địa chính - nông nghiệp - xây dựng kiêm nhiệm công tác bảo vệ môi trường.

3.1.3. Chiến lược bảo vệ môi trường

Bảo vệ môi trường phải được coi là mục tiêu quan trọng trong kế hoạch

phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của các cấp, các ngành, các địa phương.

Phải lồng ghép bảo vệ môi trường trong một chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển.

- Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, ban hành hệ thống tiêu chuẩn môi trường.
- Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách bảo vệ môi trường, kế hoạch phòng, chống, khắc phục suy thoái môi trường ô nhiễm môi trường, rủi ro môi trường.
- Xây dựng, quản lý các công trình bảo vệ môi trường và các công trình có liên quan đến bảo vệ môi trường.
- Tổ chức, xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc, định kỳ đánh giá hiện trạng môi trường, dự báo môi trường.
- Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các dự án phát triển.
- Cấp, thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường.
- Giám sát, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến bảo vệ môi trường; xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.
- Đào tạo cán bộ khoa học và quản lý môi trường, giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
- Quan hệ quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

3.2. Giải pháp cụ thể quản lý nhà nước nhằm cải thiện môi trường ở Khu Công Nghiệp Tâm Thắng

3.2.1. Giải pháp chung

Nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của cộng đồng, người dân về quyền và trách nhiệm đối với công tác bảo vệ môi trường; nâng cao chất lượng và đổi mới hình thức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường; đưa chương trình giáo dục về bảo vệ môi trường vào chương trình phổ thông, xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa Trung ương và địa phương

trong tổ chức các sự kiện, ngày lễ lớn về môi trường.

Tăng cường nâng cao hiệu lực, hiệu quả các công cụ, biện pháp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường như: nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong việc thực hiện đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, đẩy mạnh hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, đấu tranh phòng chống tội phạm về môi trường, thực hiện nghiêm các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn việc đưa công nghệ, máy móc, phương tiện, thiết bị cũ, lạc hậu gây ô nhiễm môi trường vào sử dụng, tăng cường các biện pháp kiểm soát nguồn phát sinh, việc lưu giữ, vận chuyển, xử lý và thải bỏ chất thải, đặc biệt là chất thải nguy hại, xây dựng và triển khai dự án đầu tư hoàn thiện hệ thống các trạm quan trắc môi trường quốc gia, xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; tích cực tham gia đánh giá các tác động đến môi trường và đa dạng sinh học, hướng tới loại bỏ các loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

3.2.2. Giải pháp cụ thể

Để đảm bảo hiệu quả công tác bảo vệ môi trường KCN trong thời gian tới, Về công tác quy hoạch: điều chỉnh quy hoạch các KCN để đảm bảo các quy hoạch KCN, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội,

Về thu hút đầu tư: Thu hút đầu tư vào KCN theo hướng ưu tiên những ngành công nghiệp sạch, ít ô nhiễm, đảm bảo cơ cấu ngành nghề phù hợp với khả năng và thực tế giải quyết ô nhiễm của địa phương; thu hút có trọng điểm để phát triển các ngành kinh tế chủ lực cũng như tạo điều kiện thuận lợi trong bố trí nhà máy, xây dựng phương án bảo vệ môi trường.

Về cơ chế, chính sách: Rà soát và tiếp tục điều chỉnh, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc phân cấp quản lý môi trường theo hướng đẩy mạnh việc phân cấp, giao quyền và trách nhiệm trực tiếp về công tác bảo vệ môi trường cho các BQL các KCN. Các BQL phải được trao đầy đủ thẩm quyền và trách nhiệm liên quan đến bảo vệ môi trường trong KCN. Ngoài ra, các văn bản cũng cần phân định rõ trách nhiệm của chủ đầu tư KCN với các doanh

nghiệp thứ cấp đầu tư trong KCN trong công tác bảo vệ môi trường. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp thực hiện sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng trong KCN. Nghiên cứu phát triển mô hình KCN thân thiện với môi trường, trước hết là thí điểm, sau đó nhân rộng ra toàn quốc.

Về phân cấp và phân công trách nhiệm rõ ràng, cụ thể theo hướng tổ chức quản lý tập trung. Trong thời gian tới, phải có biện pháp để nâng cao năng lực quản lý về môi trường cho các BQL các KCN, cả về nhân lực và trang thiết bị để tạo điều kiện cho các BQL chủ động hơn trong thực hiện nhiệm vụ về bảo vệ môi trường KCN.

Chủ đầu tư KCN chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của KCN; xây dựng và hoàn thiện các hệ thống xử lý nước thải tập trung, các hạng mục này cần được thiết kế đúng và phù hợp điều kiện thực tế, xây dựng và lắp đặt đúng thiết kế, duy trì hoạt động ổn định và hiệu quả trong suốt quá trình hoạt động của KCN; tham gia ứng phó các sự cố môi trường trong KCN. Chủ đầu tư KCN cần bố trí địa điểm và xây dựng các khu vực lưu giữ tạm thời và trung chuyển các chất thải rắn, chất thải nguy hại từ các doanh nghiệp trong KCN.

Tất cả các doanh nghiệp trong KCN có nước thải phải xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN, trường hợp chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung thì từng doanh nghiệp phải xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài. Các doanh nghiệp có phát sinh khí thải phải có hệ thống xử lý khí thải đạt quy chuẩn Việt Nam trước khi xả thải. Các doanh nghiệp trong KCN có phát sinh chất thải nguy hại phải có hợp đồng với các đơn vị có chức năng và đủ năng lực để thu gom và xử lý đúng cách.

Về pháp luật môi trường: Rà soát, bổ sung và tiếp tục điều chỉnh hệ thống văn bản pháp luật về môi trường, trong đó hướng dẫn cụ thể, quy định rõ các nhiệm vụ cần thực hiện trong công tác bảo vệ môi trường cho các cơ quan quản lý nhà nước; ban hành, cập nhật các tiêu chuẩn môi trường cho phù hợp với thực tế. Đối với các công trình xử lý chất thải của doanh nghiệp thì cần quy định rõ về tiêu chuẩn, chế

độ vận hành để thống nhất thực hiện, đảm bảo được chất lượng của các công trình, nhất là đối với nhà máy xử lý nước thải tập trung của các KCN, khắc phục tình trạng vận hành không thường xuyên, công nghệ chưa phù hợp như hiện nay; hướng dẫn quản lý vận hành các trạm xử lý nước thải tập trung.

Về đầu tư vốn: Huy động tổng hợp các nguồn vốn đầu tư các công trình môi trường của KCN, bao gồm: vốn doanh nghiệp phát triển hạ tầng, vốn tín dụng từ các tổ chức tín dụng (kể cả Quỹ Môi trường - Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường), vốn từ ngân sách nhà nước, trong đó, vốn doanh nghiệp phát triển hạ tầng là chủ yếu.

Ban hành cơ chế, chính sách để tạo cơ sở cho việc hỗ trợ về tài chính, ưu đãi đầu tư đối với việc đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật về môi trường trong các KCN, đồng thời xem xét điều chỉnh các chế tài để đảm bảo tính răn đe đối với hành vi vi phạm pháp luật về môi trường.

Chủ động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về môi trường cho các doanh nghiệp phát triển hạ tầng KCN cũng như các doanh nghiệp thứ cấp để giúp các doanh nghiệp ý thức rõ ràng và đầy đủ trách nhiệm của mình đối với vấn đề bảo vệ môi trường trong và ngoài KCN; tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào công tác bảo vệ môi trường các KCN; khuyến khích xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh hoạt động thi đua khen thưởng trong công tác bảo vệ môi trường KCN, động viên kịp thời các doanh nghiệp, BQL KCN, thực hiện tốt công tác này.

Kinh phí chi cho sự nghiệp môi trường đã được bố trí chi không dưới 1% tổng chi ngân sách hàng năm; nguồn chi sự nghiệp môi trường đã được hình thành và quy định cụ thể tại các quy định của Luật và các văn bản có liên quan. Trong thời gian qua kinh phí chi sự nghiệp môi trường KCNT Tâm Thắng năm 2020 là: 300.000.000 triệu đồng..

- **Công tác lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM):** Đã thực hiện và được phê duyệt tại Quyết định số 2381/QĐ- BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2008.

- **Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước:** Giấy phép số 2030/GP-

BTNMT ngày 25/6/2018

- **Giấy xác nhận hoàn thành các công trình BVMT:** Số 04/GXN-TCMT ngày 09 tháng 01 năm 2018

- **Thực hiện giám sát môi trường định kỳ:** tần suất giám sát: 04 lần/năm, tần suất giám sát theo quy định của báo cáo ĐTM: 04 lần/năm. Các thông số giám sát thể hiện tại Báo cáo Giám sát môi trường định kỳ KCN Tâm Thắng.

Bên cạnh nguồn sự nghiệp môi trường, kinh phí từ nguồn đầu tư xây dựng cơ bản và nguồn vốn ODA cũng đã được bố trí để xây dựng các công trình xử lý môi trường (xây dựng các bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh, hệ thống xử lý chất thải bệnh viện, nước thải sinh hoạt tập trung, lò đốt chất thải bệnh viện...), hỗ trợ xử lý triệt để các cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng của Thủ tướng Chính phủ, đầu tư trang thiết bị quan trắc và phân tích môi trường, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường.

3.2.3. Mở rộng nâng cao và hiệu quả hợp tác trong nước và quốc tế về môi trường

Cụ thể trong thời gian qua, KCN Tâm Thắng nói riêng và các KCN trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đã và đang tích cực hội nhập quốc tế và mở rộng hợp tác quốc tế; đồng thời nghiêm túc thực hiện các cam kết trong các Điều ước quốc tế này, tham gia đầy đủ và có trách nhiệm các cuộc họp thường niên của các Công ước, liên Công ước, từ đó tranh thủ được sự hỗ trợ của quốc tế để thực hiện các chương trình, dự án về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học,...

Thay đổi cách nhìn về hợp tác quốc tế: chuyển từ quan niệm thụ động tiếp nhận viện trợ sang chủ động hội nhập, sẵn sàng cùng tham gia, chia sẻ trách nhiệm và quyền lợi; thay đổi quan niệm hợp tác quốc tế chỉ đơn thuần là giao dịch, lễ tân sang vai trò là đầu mối xây dựng và phát triển các quan hệ hợp tác có chiều sâu chuyên môn.

Mặc dù bên cạnh những khó khăn về địa lý kinh tế chính trị xã hội nhưng tham gia đủ các hội nghị, hội thảo quốc tế về các công ước về môi trường, các khuôn khổ hợp tác trong khu vực Tây Nguyên; bố trí kinh phí để thực hiện các sáng kiến, các sự kiện do Việt Nam chủ trì; tăng cường đào tạo cho cán bộ hợp tác quốc tế; tiến tới cử đại diện Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế về môi

trường.

Thời gian qua KCN đã kêu gọi được nhiều nhà đầu tư nước ngoài đã góp

phần tạo nên nguồn đầu tư đáng kể từ bên ngoài giúp tăng cường năng lực khoa học công nghệ ; tiếp thu kinh nghiệm của các nước, đưa ra các giải pháp kỹ thuật và công nghệ để xử lý ô nhiễm môi trường và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường.

Thực hiện chủ trương tăng cường và phát huy hiệu quả của công tác đối ngoại đặt ra tại các Nghị quyết số 22/NQ-TW ngày 10/4/2014 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế; Quyết định số 272/QĐ-TW ngày 21/1/2015 của Bộ Chính trị khóa XI ban hành Quy chế Quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại (Quy chế 272), thời gian qua, Tổng cục Môi trường đã tích cực triển khai các hoạt động hội nhập quốc tế về môi trường, tăng cường hợp tác song phương và đa phương, thực hiện các điều ước, thỏa thuận quốc tế, tham gia các hội nghị khu vực và toàn cầu để phát huy sự hỗ trợ có hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước về môi trường.

3.2.4. Tăng cường thực hiện công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra về môi trường

Để hoạt động kiểm soát môi trường có hiệu lực hiệu quả trong thời gian tới cần quan tâm triển khai những giải pháp cơ bản sau:

Đẩy mạnh hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại các KCN Tâm Thắng; thực hiện công khai thông tin các doanh nghiệp, cơ sở doanh nghiệp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định; xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; hoàn thiện và triển khai thực hiện Nghị định của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Phân cấp trách nhiệm và có cơ chế phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các ngành, các cấp trong việc tăng cường các hoạt động quản lý nhà nước về môi trường.

Tăng cường kiểm tra, phối hợp với Thanh tra Sở thanh tra việc lập báo cáo giám sát, báo cáo công tác BVMT của cơ sở, cập nhật số liệu, phân loại đánh giá chất lượng môi trường của các cơ sở để kịp thời hướng dẫn các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, phát thải, không chế ô nhiễm môi trường.

Chỉ đạo, hướng dẫn phòng Tài nguyên & Môi trường trong công tác kiểm

tra thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các nội dung đã ghi trong Bản cam kết của các cơ sở hay dự án đã được phê duyệt.

Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của UBND tỉnh Đắk Nông, kiên quyết đình chỉ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng kéo dài không đầu tư xử lý đạt quy chuẩn môi trường cho phép theo tiến độ quy định của UBND tỉnh Đắk Nông. Tăng nguồn nhân lực và kinh phí cho công tác thanh tra, kiểm tra (đặc biệt là kiểm tra việc thực hiện kết luận sau thanh tra). Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị phòng chống tội phạm về bảo vệ môi trường thuộc lực lượng công an với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường bảo đảm mục tiêu ngăn chặn, phát hiện và xử lý vi phạm, nâng cao trách nhiệm trong công tác quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; đồng thời hỗ trợ, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp tuân thủ các quy định của pháp luật. Tiếp tục quan tâm đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; nâng cao hiệu quả đường dây nóng của Sở Tài nguyên và Môi trường để tiếp nhận và trả lời thông tin phản ánh tiêu cực trong ngành tài nguyên và môi trường. Tập trung giải quyết dứt điểm những vụ tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của công dân; kết quả giải quyết đơn thư hàng năm đạt trên 90% góp phần giữ vững an ninh, ổn định chính trị - xã hội. Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ.

3.3. Các kiến nghị

3.3.1. Kiến nghị đối với Chính phủ

Tập trung chỉ đạo giải quyết các vấn đề bức xúc nhằm ngăn chặn việc gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo an ninh môi trường, coi đây là nhiệm vụ bảo vệ môi trường trọng tâm

trong 5 năm tới;

Chỉ đạo việc điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm lồng ghép các yêu cầu bảo vệ môi trường; yêu cầu các Bộ, ngành và địa phương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và kịp thời điều chỉnh các chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường thực tế;

Chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và bổ sung các quy định của pháp luật về môi trường, tài nguyên, thuế, ngân sách, đầu tư, xây dựng, khoa học và công nghệ, năng lượng... bảo đảm thống nhất, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và cam kết của Việt Nam trong việc thực hiện các thỏa thuận thương mại tự do thế hệ mới; trong đó, chú trọng xây dựng các tiêu chí sàng lọc, tiếp nhận các dự án đầu tư theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững;

Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cho ngành tài nguyên và môi trường, nhất là các địa phương, cấp huyện, cấp xã; tăng cường năng lực điều phối, thống nhất quản lý nhà nước về môi trường trên phạm vi cả nước của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Chỉ đạo xây dựng lực lượng ứng phó sự cố môi trường và hệ thống trang thiết bị cảnh báo sự cố môi trường. Chỉ đạo việc hình thành bộ phận quản lý về bảo tồn đa dạng sinh học trong cơ cấu của Chi cục Bảo vệ môi trường ở địa phương để triển khai thực hiện Luật Đa dạng sinh học. Có cơ chế đề cấp xã, phường bố trí cán bộ phụ trách công tác môi trường trên địa bàn;

Chỉ đạo nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy xã hội hoá hoạt động bảo vệ môi trường; cơ chế huy động vốn đầu tư trở lại cho bảo vệ môi trường dựa trên nguyên tắc “người được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho bảo vệ môi trường; người gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải khắc phục, bồi thường thiệt hại” và cơ chế khuyến khích, thúc đẩy hợp tác công - tư trong lĩnh vực môi trường;

Cân đối, bố trí vốn từ ngân sách Nhà nước và huy động các nguồn vốn

khác như vốn vay, trái phiếu chính phủ,... để thực hiện các nội dung của Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; chỉ đạo các cơ quan chức năng quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn thu thuế bảo vệ môi trường tại các địa phương để đầu tư trở lại cho công tác bảo vệ môi trường.

3.3.2. Kiến nghị đối với các Bộ, ngành trung ương

Trong thời gian tới, để tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về môi trường cần hoàn thiện Đề án đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường và các Luật khác có liên quan đến bảo vệ môi trường; trình ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh hoặc xây dựng mới các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm về công tác quản lý môi trường, hệ thống pháp luật, tiêu chuẩn môi trường của các nước phát triển trên thế giới... Tổ chức thực hiện tốt công tác đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường đối với các quy hoạch, chiến lược, dự án đầu tư.

Tập trung nguồn lực, chỉ đạo xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ở các khu công nghiệp. Đầu tư công nghệ mới để có thể giám sát liên tục việc xử lý nước thải, khí thải của một số loại hình công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

Tăng cường công tác kiểm soát ô nhiễm, thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm, kịp thời và công bố thông tin về những nhà máy, khu công nghiệp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tăng cường công tác phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan liên quan; nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác về quản lý môi trường từ Trung ương đến cơ sở.

3.3.3. Kiến nghị đối với tỉnh Đắk Nông

Tiếp tục tác thanh tra, kiểm tra, giám sát cần nâng cao việc hướng dẫn, khắc phục những tồn tại, cùng với đó là xử lý nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật những vi phạm tái diễn, kéo dài. Bên cạnh đó, các bộ, ngành và

UBND cần đưa các tiêu chí lựa chọn, ưu tiên các loại hình sản xuất thân thiện với môi trường, không có yếu tố gây ô nhiễm nặng, có biện pháp xử lý chất thải rắn, lỏng, khí... bảo đảm tiêu chuẩn cho phép và bố trí đúng vị trí quy hoạch thích hợp cho từng khu.

Trong đó tập trung giải quyết những vấn đề cơ bản như sau:

Thứ nhất, quan tâm tổ chức tốt việc thu gom và xử lý rác, nước thải trong sản xuất và sinh hoạt; tập trung xử lý và kiểm soát tình trạng phát sinh mới cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm cao, khu vực nhạy cảm, dự án đầu tư có công suất lớn tiềm ẩn nguy cơ tác động xấu đến môi trường để có kế hoạch kiểm soát chặt chẽ.

Thứ hai, tăng cường công tác quản lý và bảo vệ môi trường tại các KCN, CCN, trong đó: đẩy nhanh việc hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải (XLNT) tập trung, đảm bảo việc đầu nối 100% nước thải của các cơ sở hoạt động trong KCN để xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi thải ra môi trường; đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Nhân Cơ để đảm bảo đáp ứng tiến độ đầu tư Dự án điện phân nhôm; Chỉ cho phép chủ đầu tư KCN được tiến hành mở rộng sau khi đã hoàn thành cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các công trình bảo vệ môi trường

Thứ ba, đẩy mạnh hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, giám sát thực hiện báo cáo ĐTM, Đề án BVMT, Kế hoạch BVMT cũng như các quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các cơ sở sản xuất kinh doanh, khai thác chế biến khoáng sản (khai thác bauxite, chế biến Aluminum và luyện nhôm), chế biến nông lâm sản. Chỉ cấp phép đầu tư, xây dựng hoặc cho phép khởi công công trình xây dựng nhà máy đối với các dự án trong KCN khi đã có hồ sơ về môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận; thực hiện phân khu chức năng KCN đúng theo quy hoạch và báo cáo ĐTM, đảm bảo giảm thiểu những tác động xấu tới môi trường xung quanh

Thứ tư, tổ chức đánh giá sức chịu tải của sông và ban hành hạn ngạch xả nước thải vào sông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; công bố thông tin về những

đoạn sông không còn khả năng tiếp nhận chất thải. Tổ chức đánh giá thiệt hại do ô nhiễm và xử lý ô nhiễm môi trường lưu vực sông (một số thuộc hệ thống sông Đồng Nai).

Thứ năm, bố trí sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường đảm bảo chi cho các hoạt động quản lý nhà nước về môi trường; tăng cường nguồn lực đầu tư xây dựng công trình xử lý chất thải tại KCN, CCN và đô thị; Điều chỉnh và bố trí nguồn kinh phí có lộ trình để hoàn thiện hạ tầng xử lý môi trường tại các bãi chôn lấp. Sớm xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư riêng cho xử lý CTR.

Công tác thanh tra, kiểm tra về môi trường chưa thực sự có hiệu quả do còn thiếu nguồn lực dẫn đến khả năng bám sát địa bàn còn yếu kém nên việc phát hiện, xử lý còn chậm. Công tác khắc phục sau thanh tra, kiểm tra chưa thực sự được quan tâm. Tình trạng chồng chéo trong công tác thanh tra, kiểm tra về môi trường vẫn còn xảy ra do có nhiều ngành, nhiều cấp.

Hiện nay, công tác quản lý môi trường trong các KCN còn bộc lộ nhiều bất cập. Các quy định về bảo vệ môi trường thường xuyên thay đổi khiến các doanh nghiệp lúng túng trong thực hiện.

“Với doanh nghiệp nước ngoài, họ có nguồn lực và ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường, tuy nhiên do các văn bản pháp luật của Nhà nước thường xuyên thay đổi dẫn đến việc cập nhật, nắm bắt thông tin còn hạn chế. Cùng đó, do năng lực, nhận thức của cán bộ được giao phụ trách công tác bảo vệ môi trường còn yếu chưa tư vấn được hết cho doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ, thủ tục cũng như thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường khiến cho doanh nghiệp vẫn mắc phải những vi phạm”.

Bên cạnh đó, vấn đề về thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong các KCN là vấn đề gây bức xúc nhất cho doanh nghiệp khi có quá nhiều cơ quan đơn vị thực hiện. Các doanh nghiệp trong KCN phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của quá nhiều cơ quan, trong khi việc phối hợp giữa các cơ quan này còn chưa chặt chẽ, vẫn còn tình trạng mạnh đơn vị nào đơn vị đó làm gây khó khăn, phiền hà cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong khi

việc đôn đốc các doanh nghiệp có vi phạm khắc phục lỗi và thực hiện nội dung theo yêu cầu kết luận thanh tra, kiểm tra lại chưa được quan tâm đúng mức.

Tiếp tục tác thanh tra, kiểm tra, giám sát cần nâng cao việc hướng dẫn, khắc phục những tồn tại, cùng với đó là xử lý nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật những vi phạm tái diễn, kéo dài. Bên cạnh đó, các bộ, ngành và UBND cần đưa các tiêu chí lựa chọn, ưu tiên các loại hình sản xuất thân thiện với môi trường, không có yếu tố gây ô nhiễm nặng, có biện pháp xử lý chất thải rắn, lỏng, khí... bảo đảm tiêu chuẩn cho phép và bố trí đúng vị trí quy hoạch thích hợp cho từng khu; thực hiện quy hoạch quản lý và đầu tư xử lý chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại hiệu quả để tránh hiện tượng thu gom và xử lý chung với rác thải đô thị (đối với chất thải rắn thông thường) hay giao cho đơn vị tư nhân xử lý (đối với chất thải rắn nguy hại).

Tiểu kết chương 3

Chương 3 đã hệ thống phương hướng quan điểm của Đảng và Nhà nước và đề xuất được các giải pháp quản lý nhà nước về môi trường Khu công nghiệp theo từng nội dung cụ thể về môi trường. Đồng thời đưa ra những kiến nghị cụ thể đối với Trung ương và đối với việc phát triển Khu công nghiệp Tâm Thắng bền vững và có chiều sâu hơn, để góp phần thực hiện tốt hơn công tác quản lý nhà nước về môi trường Khu Công Nghiệp Tâm Thắng Huyện Cư Jut Tỉnh Đắk Nông trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Trong thời gian hiện nay các sự cố môi trường do các dự án, cơ sở công nghiệp xả chất thải nước thải không đúng quy định cũng gia tăng cả về số lượng và mức độ nghiêm trọng. Môi trường đất sông ngòi ở một số khu vực đang có nguy cơ bị ô nhiễm, suy thoái do hoạt động sản xuất của các cơ sở trong Khu công nghiệp do chưa được đầu tư đồng bộ đặc biệt các công trình, thu gom, xử lý chất thải vẫn còn nhiều bất cập, đối với nước thải của Khu công nghiệp còn chưa có Trạm Xử lý nước thải tập trung dẫn đến tình trạng xả ra các sông ngòi. Nên tình trạng suy giảm đa dạng sinh học chưa được ngăn chặn, vẫn diễn ra với các biểu hiện phức tạp. Vấn đề môi trường ở khu công nghiệp ngày càng nhiều thách thức đối với công tác quản lý môi trường của nước ta.

Tình trạng quy hoạch các khu đô thị chưa gắn liền với vấn đề xử lý chất thải, xử lý nước thải,... vẫn còn tồn đọng nên tại các thành phố lớn, các khu công nghiệp, khu đô thị,...ô nhiễm môi trường đang ở mức báo động. Theo ước tính, trong tổng số 183 khu công nghiệp trong cả nước thì có trên 60% khu công nghiệp chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tại các đô thị, chỉ có khoảng 60% - 70% chất thải rắn được thu gom, cơ sở hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải, chất thải nên chưa thể đáp ứng được các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Hầu hết lượng nước thải bị nhiễm dầu mỡ, hóa chất tẩy rửa, hóa phẩm nhuộm,... chưa được xử lý đều đổ thẳng ra các sông, hồ tự nhiên.

Nhà nước tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó có những chế tài xử phạt phải thực sự mạnh để đủ sức răn đe các đối tượng vi phạm. Bên cạnh đó, cần xây dựng đồng bộ hệ thống quản lý môi trường trong các nhà máy, các khu công nghiệp theo các tiêu chuẩn quốc tế. Tổ chức giám sát chặt chẽ nhằm hướng tới một môi trường tốt đẹp hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành trung ương (2013) *Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*
2. Bộ Chính trị (1998), *Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 28 tháng 6 năm 1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước*
3. Bộ Chính Trị (2004), *Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 15 tháng 11 năm 2004 về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước,*
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2015), *Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 29 tháng 5 năm 2015 về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường*
5. Ban chấp hành trung ương (2018), *Nghị Quyết 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 Về việc định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030 tầm nhìn 2045.*
6. Báo Đắk Nông (2020), *Đắk Nông đặt mục tiêu trở thành trung tâm công nghiệp bô xít của Tây Nguyên, chủ nhật ngày 04 tháng 10 năm 2020.*
7. Báo Nhân dân (2020), *Xây dựng Cư Jut thành điểm sáng toàn diện của tỉnh Đắk Nông, thứ năm ngày 18 tháng 6 năm 2020.*
8. Bộ chính trị (2009), *Thông báo số 245-TB/TW Kết luận của Bộ chính trị về quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến sử dụng bô xít gian đoạn 2007,có xét đến giai đoạn 2025, ngày 24 tháng 4 năm 2009.*
9. Bộ Tài nguyên & Môi trường (2015), *Thông tư số 35/20015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2015 việc bảo vệ môi trường khu kinh tế, KCN, khu chế xuất, khu công nghệ cao,*
10. Cổng thông tin điện tử Bộ tài nguyên và môi trường (2020), *Đẩy mạnh công tác quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ngày 15 tháng 3 năm 2020.*

11. Chính phủ (2009), *Nghị định số 117/2009/NĐ-CP của Chính phủ thay thế Nghị định số 81/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.*

12. Chính phủ (2015), *Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.*

13. Chính phủ (2013), *Nghị quyết số 35-NQ/CP ngày 18 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.*

14. Chính phủ (2015), *Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường.*

15. Chính phủ (2013), *Nghị quyết số 35-NQ/CP ngày 18 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.*

16. Chính phủ (2018), *Nghị định Số: 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 về quy định về quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp.*

17. Chính phủ (2022), *Nghị định Số: 02/20022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 về quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường .*

18. Quốc hội (2014), *Luật bảo vệ môi trường 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 06 năm 2014*

19. Quốc hội (2020), *Luật bảo vệ môi trường 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 01 năm 2020*

20. Ủy ban nhân dân (2015), *Quyết định 26/2015/QĐ-UBND ngày 04 tháng 26 năm 2015 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông*

21. Ủy ban nhân dân (2019), *Quyết định 1474/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2019 về việc ban hành kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2020-2022*

22. Tạp chí Môi trường - Tổng cục Môi trường

23. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 1216/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05 tháng 9 năm 2012 về việc Phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*.

24. Phạm Xuân Trường (2017), “*Quản lý nhà nước về môi trường Khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới, tỉnh Quảng bình*” Luận văn Cao học quản lý công, Học viện hành chính Quốc gia.

25. Wikipedia Tiếng Việt.